

## LỜI TỰA

Chỉ nhìn khái quát cuộc đời con người, ai cũng sẽ thấy vô vàn hiện tượng phức tạp, mâu thuẫn và khó hiểu, chẳng hạn người đẹp kẻ xấu, người trắng kẻ đen, người cao kẻ lùn, người mạnh kẻ yếu, người giàu kẻ nghèo, người sống trên trăm tuổi kẻ vừa sinh ra đã chết, người có học thức lại không công danh, kẻ dốt nát lại địa vị cao quý; người biếng nhác lại giàu sang, kẻ siêng năng lại không đủ ăn; người hiền lành luôn gặp hoạn nạn, kẻ ác độc thường được may mắn... những hiện tượng biểu hiện trên đời tương tự như thế khó diễn tả hết được. Vậy những hiện tượng phức tạp ấy là gì? Do đâu?

## Thích Giác Quả

- Nói giới hạn, mọi hiện tượng trong ba cõi dù hữu tình hay vô tình, dù cụ thể hay siêu hình, dù tâm hay vật, dù thô hay tế... hết thảy chúng đều hiện hữu và vận hành theo luật Nhân quả. Nói cách khác, ba cõi hiện hữu là Nhân quả hiện hữu và ngược lại; hay ba cõi chính là Nhân quả, Nhân quả chính là ba cõi. Do vậy, Nhân quả là định luật phổ quát và tất yếu của mọi hiện hữu trong ba cõi, không có hiện tượng nào ngoại lệ. Nói chính xác hơn, con người (nói riêng) là chủ nhân Nhân quả của mình, con người làm việc gì thiện hay ác (Nhân) con người sẽ đón nhận Quả báo của việc làm ấy; tương tự trên, con người chính là Nhân quả hay Nhân quả chính là sự hiện hữu của con người.

Người chân thật đến với đạo Phật, mục đích trước tiên để được tu tập hay hoán chuyển Nhân

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

quả của mình (chuyển Nghiệp), chuyển từ Nhân quả (Nghiệp) người thành Nhân quả (Nghiệp) trời, tiến dần lên Nhân quả Thanh Văn, Nhân quả Bồ-tát.v.v. tức chuyển Nhân quả bất thiện của mình thành Nhân quả hiền thiện, rồi chuyển Nhân quả thiện hữu lậu thành Nhân quả hiền thiện vô lậu để đạt được mục đích giải thoát tối hậu. Tuy nhiên, muốn hoán chuyển Nhân quả, trước hết cần học giáo lý Nhân quả, nhờ thật học mới hiểu rõ sự tương hệ giữa Nhân và Quả là “Nhân-Quả tương ứng – tự tác tự thọ” (ai làm điều gì thì người ấy đón nhận hậu quả việc làm đó), do hiểu mới tin tội phước, do tin mới tinh tấn thực hiện hoán chuyển Nhân quả. Đây là lý do chủ yếu để bút giả chọn dịch và trích dẫn các kinh *Nhân Quả* để tập thành sách này; tựu trung, nội dung gồm có kinh *Nhân Quả Thiện Ác* (dịch), kinh *Nhân Quả Ba Đời*

Thích Giác Quả

(trích), *Nhân Quả trong Lương Hoàng* (trích), *Nhân Quả trong Thủy Sâm* (trích), *Nhân Quả trong kinh Địa Tạng* (trích) và kinh *Kiến Chánh* (dịch).

Xét khái quát nội dung sáu kinh trên, về kinh *Thủy Sâm* chỉ trình bày do tạo Nhân xấu ác đời hiện tại nên bị Quả báo khổ đau hoạn nạn đời vị lai; còn bốn kinh *Nhân Quả Thiện Ác*, *Nhân Quả Ba Đời*, *Lương Hoàng* và *Địa Tạng* đều trình bày Nhân Quả cả thiện lẫn ác tương quan trong ba đời hiện tại, quá khứ và vị lai; đồng thời, ở phần Nhân Quả trong *Lương Hoàng* và *Địa Tạng*, bút giả trích thêm hai phẩm diễn tả về địa ngục để bổ túc nội dung Quả báo khổ đau rõ nét thêm. Bên cạnh, Nhân quả trình bày trong năm kinh này thuộc Nhân quả *hữu lậu*, nhưng chỉ trình bày Nhân quả vận hành trong bốn cõi, đó là cõi người, cõi súc

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

sinh, cõi ngạ quỷ và cõi địa ngục, chứ không đề cập Nhân quả vận hành các cõi trời Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Riêng kinh *Kiến Chánh*, dù trình bày tổng quát song đầy đủ cả Nhân quả *hữu lậu*<sup>1</sup> lẫn Nhân quả *vô lậu*<sup>2</sup>; tuy nhiên, trọng tâm của kinh là luận giải hiện tượng thần thức luôn biến dịch theo duyên hay Nhân quả hữu lậu và Nhân quả vô lậu, nếu thần thức biến dịch theo Nhân quả hữu lậu gọi là sanh tử luân hồi (*Phần đoạn sanh tử*), nếu biến dịch theo Nhân quả *vô lậu* gọi là thoát ly luân hồi (*Bát tư nghị biến dịch sanh tử*). Qua ý nghĩa biểu đạt trong sáu kinh như thế nên bút giả chọn tên sách là “**Kinh Nhân Quả Luân Hồi**” để quy kết nội dung tư tưởng tổng quát các kinh.

---

<sup>1</sup> - *Nhân quả hữu lậu*: Nhân quả thiện –ác vận hành trong ba cõi (Nhân quả thế gian).

<sup>2</sup> - *Nhân quả vô lậu*: Nhân quả siêu thiện ác vận hành ngoài ba cõi (Nhân quả xuất thế gian).

## Thích Giác Quả

Sau sáu kinh, bút giả thêm hai phần phụ lục. Phần phụ lục I tên là “*Những mê tín hiện hữu trong Tứ chúng*”, phần này bút giả trưng dẫn một số hiện tượng mê tín dị đoan từ bên ngoài đã và đang xâm nhập vào đời sống tu tập của hàng đệ tử Phật, đây là một trong những nhân tố làm Phật giáo biến chất và suy thoái. Qua đây bút giả luận giải sơ lược bốn hiện tượng phổ thông tiêu biểu, đó là “*Dâng sao giải hạn*”, “*Hầu xăm bói quẻ*”, “*Đốt vàng mã*”, “*Đau ốm do người âm quở trách*” để tạo điều kiện giúp độc giả Tứ chúng biết rõ cội nguồn của chúng, nhằm nỗ lực bài trừ chúng ra khỏi cuộc sống của tự thân và Phật giáo. Về phần phụ lục II có tên “*Vi trùng trong thân sư tử giết chết sư tử*”, phần này có bốn bài đó là “*Luận giải kinh Chí Biên*”, “*Học để làm gì?*”, “*Bình giải mười ba điều chương ngại trong tu tập*

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*của người xuất gia*” và “*Phật giáo ngày nay*”. Nội dung tư tưởng khái lược bốn bài xác quyết rằng, đến với đạo Phật nhất là hàng xuất gia phải có *chánh kiến* mới có được kết quả tu tập tốt đẹp, muốn thế cần thiệ̣n hảo học kinh luật đúng pháp nhằm vượt qua mọi chướng ngại trong trình tự tu tập. Nếu *chánh kiến* không hiện hữu người Phật tử không thể chế ngự và loại trừ những pháp thế tục ra khỏi đời sống của mình, do đây chính Phật tử làm Phật giáo phân hóa và suy đồi chứ không do bất cứ ai ngoài Phật giáo.

Để hình thành soạn dịch phẩm này, bút giả chân thành đánh lễ chư Tôn đức dịch giả các kinh được trích dẫn, qua đây bút giả xin sám hối vì có thay đổi vài điểm so với bản dịch, (như trong một phẩm đoạn trước đem sau.v.v.) nhằm đáp ứng tiêu chí của sách, ngưỡng mong quý Ngài từ bi tha thứ.

Thích Giác Quả

Đồng thời, qua nội dung soạn dịch chắc hẳn có nhiều sai lầm rất mong chư vị Cao minh Thạc đức hoan hỷ và chỉ giáo nhằm bổ túc khi tái bản được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, hy vọng những lời vàng ngọc của Thế Tôn qua các kinh *Nhân Quả* diễn đạt về tội phước này, sẽ trợ duyên quý Phật tử sớm trở về nương tựa chính mình, nương tựa *chánh pháp* để đương thời và mai sau tự thân có an lạc thật sự; cụ thể, trước hết và sau hết tuyệt đối y chỉ *Tam Bảo*, *Tam Bảo* vừa là khởi điểm vừa là đích điểm con đường tu tập của một hành giả đệ tử Phật. Nếu được vậy, những tập tục ngoại lai sẽ được đào thải khỏi đời sống quý vị để vừa tự lợi vừa đóng góp sức mình nhằm phục hồi nguyên trạng Phật giáo truyền thống thuở nào. Thông thường, “*lời nói*

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*trung thực thì khó nghe*” (trung ngôn nghịch nhĩ)<sup>3</sup>, nhưng đây là sự thật, “*sao không ghi khắc vào lòng dạ?*” (khởi bất minh giả tai?)<sup>4</sup>.

Huế, Hồng Đức ngày 17 – 11 – Tân Mão

Tk. Thích Giác Quả

Kính bút.

## MỤC LỤC

<sup>3</sup> - *Văn Cảnh Sách* của Ngài Quy Sơn.

<sup>4</sup> - Sđd.

	Trang
<b>Lời Tựa</b> .....	1
<b>Mục lục</b> .....	9
<b>Chương I: Kinh Nhân Quả Thiện Ác</b> .....	12
<b>Chương II: Kinh Nhân Quả Ba Đời</b> .....	44
<b>Chương III: Nhân Quả trong Lương Hoàng Sám</b> .....	55
III-1. Kinh Tội Nghiệp Báo Ứng Giáo Hóa	
Địa Ngục dạy.....	60
III-2. Kinh Tạt Tạng dạy .....	69
III-3. Nói về Địa Ngục .....	80
<b>Chương IV: Nhân Quả trong kinh Thủy Sám</b> .....	82
IV-1. Ba ác Nghiệp của Thân.....	82
IV-2. Bốn ác Nghiệp của Miệng .....	93
IV-3. Ác Nghiệp của sáu căn .....	97
IV-4. Ác Nghiệp với Tam Bảo.....	100
IV-5. Những ác Nghiệp khác .....	103

<b>Chương V: Nhân Quả trong kinh Địa Tạng</b> .....	108
---	-----

V-1. Quán sát Nghiệp Quả chúng sanh.....	108
V-2. Nghiệp Quả của người Diêm phù .....	113
V-3. Danh Xưng Địa Ngục .....	116
<b>Chương VI: Kinh Kiến Chánh</b> .....	121
<b>Phụ lục I: Những Mê Tín Hiện Hữu Trong Tứ Chúng</b> .....	144
VI-1. Dâng Sao Giải Hạn .....	147
VI-2. Hầu Xăm Bói Quẻ .....	159
VI-3. Đốt Vàng mã.....	162
VI-4. Tin đau ốm do người âm quở trách .....	210
<b>Phụ lục II: Vi trùng trong thân sư tử giết chết sư tử</b> .....	222
1. Luận giải kinh Chí Biên .....	223
2. Học để làm gì?.....	237
3. Bình giải mười ba điều chướng ngại trong tu tập của người xuất gia .....	244
4. Phật giáo ngày nay .....	273



## Chương I

Thích Giác Quả

## **KINH NHÂN QUẢ THIỆN ÁC**

### **Đức Phật giảng kinh Nhân Quả Thiện Ác**

*Dịch giả: Tỷ-kheo Thích Giác Quả*

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật đang lưu trú tại nước Xá-vệ, trong vườn cây của Thái tử Kỳ-đà và ông Cấp-cô-độc. Bấy giờ, đại chúng gồm vô lượng Bồ-tát, trời, người đang ngồi xung quanh đức Phật. Đức Phật thuyết pháp, đại chúng nhất tâm lắng nghe.

Lúc ấy, ngài A-nan vì chúng sanh mà bạch đức Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Hiện tại trong thế gian có vô số chúng sanh, xét riêng về loài người thì có người đẹp, kẻ xấu; người mạnh, kẻ yếu; người giàu, kẻ nghèo; người khỏe, kẻ ốm; người sang, kẻ hèn; tâm ý, ngôn ngữ sai biệt. Lại có người sống đến

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

trăm tuổi chưa chết, kẻ ba mươi đã mất; người mười lăm tuổi đã yếu mạng, kẻ chết từ trong bào thai. Có người tướng tốt đoan trang mà nghèo hèn, có kẻ tướng xấu thô tháo lại giàu sang. Có người cương nghị mà địa vị hạ liệt, có kẻ nhu nhược mà ở địa vị cao quý. Có người nghèo khổ mà sống lâu, có kẻ giàu vui mà lại chết sớm. Có người làm lành mà gặp tai họa, có kẻ làm ác mà được lợi lộc. Có người mặt trắng mà đôi mắt gian xảo, có kẻ gầy đen mà đôi mắt hiền từ. Có người thấp lùn mà đầy đủ ý khí, có kẻ cao lớn mà bị người sai khiến. Có người con cháu đông đúc, có kẻ lại cô đơn một mình. Có người xa quê lang thang đối lạnh tiêu tụy, có kẻ được vào cung vua cơm áo dư thừa. Có người nhỏ thì nghèo hèn, về già lại được giàu sang. Có người sự thật là vô tội mà lại bị nạn tù đầy. Có người cha hiền con hiếu đàm luận nghĩa

## Thích Giác Quả

kinh. Có người anh em chổng nhau, tranh cãi, gây sự. Có người định cư nhà cửa đầy đủ phương tiện, có kẻ du cư không nhà trôi nổi khắp nơi. Có người ở trên cây như chim, ngủ trong hang như nai, sống như cầm thú. Có người ăn lông ở lỗ, không biết chữ nghĩa. Có người ngồi không mà hưởng phước báo, có kẻ rong ruổi làm khách không nhà. Có người thông minh sáng suốt, có kẻ ám độn ngu si. Có người phải buôn bán mới được tiền tài, có kẻ không làm mà của cải tự đến. Có người giàu mà xan tham keo kiệt, có kẻ nghèo lại ưa thích bố thí. Có người nói phô hoà kính, có kẻ phát lời gai gổc. Có người được thương kính, có kẻ bị xa lánh. Có người làm lành bảo vệ chúng sanh, có kẻ sát sanh không xiết. Có người tâm niệm rộng rãi được nhiều người thân cận, có kẻ bòn sẻn bị thiên hạ bỏ rơi. Có những anh em thường ganh ghét nhau, có

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

những chị em dâu thường hoà thuận. Có người thích nghe kinh pháp, có kẻ nghe kinh lại buồn ngủ. Có người vũ phu vô lễ, có kẻ chuộng học lễ nghĩa.

Ngưỡng cầu Thế Tôn giảng rộng về Nhân quả, đại chúng nghe hiểu sẽ nhất tâm hành thiện.

Đức Phật bảo A-nan: Như ông đã hỏi, sở dĩ đời này mọi người thọ báo không giống nhau, bởi lẽ đời trước họ dụng tâm sai khác nên khi lãnh thọ có ngàn sai vạn biệt:

\* Đời này, người tướng tốt đoan chánh là do đời trước đã nhẫn nhục mà được, kẻ tướng xấu thô tháo là do sân hận gây nên.

- Người bần cùng là do xan tham, người cao quý là do lễ bái, kẻ hạ tiện là do kiêu mạn.

- Người cao sang là do cung kính Tam Bảo, kẻ thấp hèn là do khinh khi Phật pháp.



## Thích Giác Quả

- Người hung dữ là do đời trước làm lang sói, kẻ đen gầy là do che ánh sáng của Phật.
- Người không có con cái là do giết hại chim non, kẻ nhiều con là do bảo vệ mạng sống cho chúng sanh.
- Người sống lâu là do lòng từ bi, kẻ chết sớm là do thường sát sanh.
- Người giàu to là do thích bố thí, kẻ nhiều xe ngựa là do dâng cúng xe ngựa cho Tam Bảo.
- Người thông minh là do thường học hỏi, tụng kinh; kẻ ám độn là do xuất thân từ súc sinh.
- Người làm tội tở là do quyêt nợ, kẻ hiếu động là do đời trước làm khí, vượn.
- Người bị ghẻ lở là do phá hoại Tam Bảo; kẻ tay chân to nhỏ, ngắn dài không đều là do trói chân tay chúng sanh.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Người sáu căn đầy đủ là do đã vâng giữ Giới luật, kẻ sáu căn không đủ là do phá Giới.
- Người có môi dính nhau là do nếm thức ăn trước khi dâng cúng.
- Người có mặt ửng đỏ là do tiếc nuôi ánh sáng của lửa.
- Người có mắt như chim sẻ là do đã may mắt chim ưng.
- Người câm là do phỉ báng Phật pháp.
- Người điếc là do không thích nghe giảng Pháp.
- Người mũi tịt là do đốt hương hôi cúng Phật.
- Người sút môi là do xỏ mang cá.
- Người tóc cháy là do quay heo.
- Người vành tai sức là do đâm lỗ tai.
- Người thân hình như rắn là do mặc quần áo mỏng đường đột đến trước tượng Phật.

## Thích Giác Quả

- Người da đen là do để tượng Phật ở mái hiên bị khói xông.
- Người khập khễnh là do thấy Sư trưởng mà không đứng dậy.
- Người lưng gù là do mặc quần áo mỏng mà xây lưng với tượng Phật.
- Người trán vồ là do thấy Phật không lễ bái mà lấy tay vỗ trán.
- Người cổ ngắn là do thấy bậc Tôn trưởng lại rút cổ rồi lánh đi.
- Người đau tim là do châm chích thân thể chúng sanh.
- Người bệnh cùi là do cướp đoạt vật dụng của kẻ khác.
- Người bệnh suyễn là do mùa đông mà cho kẻ khác ăn thực phẩm nguội lạnh.
- Người bị bấu cổ là do ăn lén, ăn vụng.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Người hơi thở hôi là do chửi rửa kẻ khác.
  - Người nam căn khiếm khuyết là do đã thiên chó.
  - Người lười ngẩn là do ở chỗ vắng vắng lén lén bậc Tôn trưởng.
  - Người có tánh xấu là do đời trước làm rắn, bò cạp.
  - Người dơ bẩn là do đời trước làm heo.
  - Người thích nhảy múa là do đời trước làm diễn viên.
  - Người tham lam nhiều là do đời trước làm chó.
  - Người thường sân hận, kén ăn là do đời trước điên cuồng.
  - Người có đôi mắt bất chánh là do đời trước thường nhìn lén vợ con kẻ khác.
- Đức Phật dạy tiếp:

## Thích Giác Quả

\* Người tà dâm với vợ hay con của kẻ khác chết đọa làm vịt, ngỗng.

- Người tà dâm trong vòng thân tộc, chết đọa làm chim sẻ.

- Người tiếc nuôi kinh sách, che giấu trí tuệ không cho kẻ khác, chết làm mối, mọt.

- Người thích mang cung tên, đi xe ngựa, chết đọa vào các nước man-di<sup>(5)</sup>, biên địa.

- Người thích săn bắn, sát hại, chết làm loài lang sói.

- Người thích cài trâm, giắt hoa, chết làm chim chào mào.

- Người thích mặc áo quần dài, chết đọa vào các loài đuôi dài.

- Người nằm mà ăn, chết đọa làm loài heo.

---

<sup>5</sup> - *Man-di*: Những kẻ mọi rợ, man rợ, thô lỗ - Hán Việt Từ Điển, Nguyễn Văn Khôn, trang 576.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Người thích mặc áo quần sắc sỡ, chết đọa làm loài chim nhiều màu sắc.

- Người giả giọng kẻ khác, chết đọa làm loài vẹt.

- Người hay trêu chọc, đùa giỡn, chết đọa làm loài trăn có nọc độc.

- Người hay làm kẻ khác phiền não một cách vô lý, chết đọa làm sâu bọ độc hại.

- Người hay báo những tin xấu, chết đọa làm chim cú.

- Người hay nói lời gây nên tai họa, chết đọa làm chồn, cáo.

- Người hay khùng bố kẻ khác, chết đọa làm hươu nai.

- Người hay mang guốc gỗ vào điện Phật, chết đọa làm các loài bị đóng móng chân.

## Thích Giác Quả

- Người hay hạ phong, chết đọa làm con bọ hung.
- Người hay dùng chày cối của chúng Tăng, chết đọa làm con bửa củi.
- Người hay bớt xén thức ăn của kẻ khác, chết đọa làm côn trùng mỡ gỗ.
- Người ăn trộm nước của chúng Tăng, chết đọa làm cá rùa.
- Người làm bẩn đất chúng Tăng, chết đọa làm côn trùng ở cầu tiêu.
- Người trộm cướp hoa quả của chúng Tăng, chết đọa làm côn trùng ăn bùn đất. Trộm cắp tài sản của chúng Tăng, chết đọa làm loài bò, lừa kéo cối xay. Cuồng đoạt vật dụng của chúng Tăng, chết đọa làm loài ngựa, trâu kéo vật nặng. Mắng chửi chúng Tăng, chết đọa làm côn trùng ở cổ con bò. Ăn rau cải của chúng Tăng, chết đọa làm sâu ở

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

cây nghệ. Ngồi trên giường chúng Tăng, chết đọa làm con giun đất. Dùng những vật liệu lật vạt của chúng Tăng, chết đọa làm con thiêu thân.

- Người mang trâm bằng xương vào chùa chết làm chim mỏ dài. Vào chùa xoa son, bôi phấn, chết đọa làm chim mỏ đỏ. Vào chùa mặc áo quần sặc sỡ, chết đọa làm chim màu vàng. Vợ chồng ngủ trong chùa, chết đọa làm côn trùng có màu xanh. Ngồi duỗi chân ở tháp Phật, chết đọa làm lạc đà. Mang giày dép vào Tịnh xá, vào tháp chết đọa làm con ếch. Nghe pháp nói xàm, chết đọa làm con chim trăm lưỡi. Làm ô uế Tỷ-kheo ni thanh tịnh, chết đọa vào địa ngục hầm sắt, có ngàn vạn vòng đao cùng chặt chém thân thể.

Bấy giờ, ngài A-nan bạch đức Phật: Như lời Thế Tôn dạy, tội chướng của con người thật là

Thích Giác Quả

sâu nặng. Như vậy, người đến chùa cần phải làm gì để có công đức?

Đức Phật bảo: Những người đến chùa có hai thứ tâm niệm, một là tâm thiện, hai là tâm ác.

Thế nào là tâm thiện?

- Người đến chùa nếu thấy Phật thì lễ bái, thấy Tăng thì cung kính, thưa hỏi nghĩa kinh, thọ Giới, sám hối, bỏ tài vật phụng sự Tam Bảo, hộ trì Đại pháp không tiếc thân mạng. Người như vậy bước một bước là đến thiện xứ, đời sau được Quả báo như cây Đề-ca. Đây gọi là người lành tối thượng.

Thế nào là tâm ác?

- Người đến chùa kề cạnh chúng Tăng để xin vật này, mượn vật nọ; hoặc tìm điều hay điều dở của chúng Tăng để phá hoại. Hoặc dùng thức ăn của chúng Tăng không biết xấu hổ, hay lấy các thứ bánh trái, rau cải, thức ăn giấu giếm đem về nhà.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Những người như thế, chết đọa vào địa ngục viên sắt nóng, nước sôi, lò than, núi đao, rừng kiếm. Đây gọi là người ác tột cùng.

Đức Phật bảo A-nan: Hãy răn dạy hàng đệ tử đời sau của Ta, phải cẩn thận đối với Tam Bảo, chớ phạm những lỗi lầm trên, hết lòng chí thành sùng bái, chớ sanh tâm thối lui. Nếu nghe lời Ta, khi ngài Di Lặc xuất thế chắc chắn sẽ được hoá độ.

Đức Phật lại dạy tiếp:

\* Đời này lột áo kẻ khác, chết đọa vào địa ngục giá lạnh, sau đó lại sanh làm loài tầm bị luộc rồi kéo tơ.

- Đời này không thắp đèn để chiếu sáng Kinh, Tượng, chết đọa vào địa ngục đen tối của Thiệt Sơn.

## Thích Giác Quả

- Đòi này nấu, giết, chặt đứt thân mạng của chúng sanh, chết đọa vào núi đao, rừng kiếm.
- Đòi này đuổi bắt chim, chó hoặc săn bắn, chết đọa vào địa ngục cưa sắt.
- Đòi này làm nhiều hạnh tà vạy, chết đọa vào địa ngục giường sắt, cột đồng.
- Đòi này cưới nhiều vợ, chết đọa vào địa ngục cối xay bằng sắt.
- Đòi này lấy nhiều chồng, chết đọa vào địa ngục rắn độc.
- Đòi này nấu, thiêu gà; chết đọa vào địa ngục sông tro.
- Đòi này nấu, thiêu vịt, heo; chết đọa vào địa ngục nước sôi.
- Đòi này thiến chó hoặc heo, chết đọa vào địa ngục đá nhọn.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Đòi này uống rượu say sưa, cuồng loạn; chết đọa vào địa ngục uống nước đồng sôi.
- Đòi này chặt đứt thân mạng chúng sanh, chết đọa vào địa ngục bánh xe sắt.
- Đòi này trộm trái cây của chúng Tăng, chết đọa vào địa ngục nuốt viên sắt nóng.
- Đòi này ăn thịt heo, chó; chết đọa vào địa ngục phân, tiểu.
- Đòi này ăn cá sống, chết đọa vào địa ngục núi đao, rừng kiếm.
- Đòi này làm mẹ kế hà khắc con chồng, chết đọa vào địa ngục xe đốt nóng.
- Đòi này nói hai lưỡi gây rối loạn, chết đọa vào địa ngục cày sắt.
- Đòi này ác khẩu mắng người, chết đọa vào địa ngục rút lưỡi.

## Thích Giác Quả

- Đời này nói láo nhiều, chết đọa vào địa ngục đing sắt.
- Đời này sát sanh để dâng cúng quỷ thần, chết đọa vào địa ngục chày sắt.
- Đời này làm phù thủy nói dối gạt người lấy của, chết đọa vào địa ngục núi đá.
- Đời này làm phù thủy cố tình gạt người nói rằng, lên trời tìm linh hồn người chết; chết đọa vào địa ngục chặt lưng.
- Đời này làm phù thủy dạy người sát sanh để cầu thần linh, cầu thần hoàng, thổ địa hay cầu ma quỷ.v.v. đều là dối gạt kẻ ngu; chết đọa vào địa ngục búa chặt; bị ngục tốt chém, bị loài chim mổ sắt móc mắt.
- Đời này làm phù thủy chôn cất người, đoán điềm họa phước, cát hung của dòng họ, an định vườn nhà, yểm chết trùng, trừ tai họa, dối gạt kẻ

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- ngu lấy của. Những người như thế, chết đọa vào địa ngục sắt đồng, có nhiều chim thú dữ bu quanh thân thể, khoét móc da thịt, gân xương, thống khổ vô cùng.
- Đời này làm thầy thuốc đoán sai bệnh, gạt kẻ khác lấy của; chết đọa vào địa ngục kim châm, toàn thân phát cháy.
  - Đời này phá hoại chùa, tháp, hành hạ Tăng-Ni, bắt hiếu cha mẹ, chết đọa vào địa ngục A-tỳ. Trước hết phải trải qua tám địa ngục lớn, một trăm ba mươi sáu địa ngục nhỏ, sau đó rơi vào địa ngục A-tỳ một kiếp, hai kiếp hay năm kiếp mới được thoát ra. Nếu may mắn được gặp Thiện tri thức để phát tâm Bồ-đề; trái lại bị rơi vào địa ngục.
  - Đời này phá tháp, hủy chùa, dấu tài sản của Tam Bảo để tiêu xài, chết đọa vào địa ngục A-tỳ. Ra khỏi địa ngục thì làm thân súc sinh, như chim

## Thích Giác Quả

bồ câu, chim sẻ, vịt, le le, chim két, chim sẻ xanh, cá, rùa, khỉ, nai, hươu. Nếu được sanh làm người thì làm dâm nữ hay bị lại cái (*bán nam bán nữ*).

- Đòi này ưa thích sân hận, chết đọa làm rắn độc, sư tử, cọp, sói, gấu, mèo rừng, chim ưng, điều hâu.

- Đòi này ưa thích nuôi heo, gà; chết đọa làm cai ngục.

- Đòi này ngu si, không hiểu đạo lý; chết đọa làm voi, heo, bò, dê, trâu, chó, rận, kiến, muỗi v.v. Nếu được làm người thì bị điếc, mù, câm, gù, cụt, què, các căn không đủ, không thể nghe Phật pháp.

- Đòi này kiêu mạn chết đọa làm côn trùng ở nhà xí, hoặc làm lạc đà, lừa, ngựa, chó ngao. Nếu được làm người thì làm tôi tớ, bần cùng, ăn xin, bị người khinh khi.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Đòi này làm quan ỷ thế lấy tài sản của dân, chết đọa vào địa ngục núi da, trăm vạn người lột da để ăn.

- Đòi này ưa thích bắt kẻ khác đứng để chết, khi chết đọa làm voi trắng, chân thẳng không nằm ngủ được.

- Đòi này phá trai, ăn ban đêm, chết đọa làm ngạ quỷ, trăm ngàn vạn năm không được ăn uống, khi bước đi đầu lóng chân bốc lửa.

- Đòi này ưa thích ngồi loã hình, chết đọa làm loài cú vọ.

- Đòi này giấu thực phẩm trai phạn để ăn lén, chết đọa vào địa ngục sắt nóng; nếu được làm người thì bị bệnh ghệt yết hầu, chết yểu.

- Đòi này lễ Phật không sát đất, chết đọa vào địa ngục treo ngược; nếu được làm người thường bị kẻ khác lường gạt.



## Thích Giác Quả

- Đòi này lễ Phật không chấp tay, chết sanh vào vùng biên địa, làm gì thì mất nhiều công sức mà chẳng có thu hoạch.

- Đòi này chấp tay cao lễ Phật, chết đọa vào địa ngục bị trói, bị treo; nếu được làm người thường gặp tai nạn bất ngờ.

- Đòi này chấp tay chí tâm lễ Phật sát đất, chết được sanh chỗ tôn quý, có nhiều điều vui.

- Đòi này nghe chuông không ngồi dậy, chết đọa làm con rắn thân dài lớn, bị các loài côn trùng rúc rĩa.

- Đòi này bênh vực vợ (chồng), mắng chửi cha mẹ, chết đọa vào địa ngục bị cắt lưỡi.

- Đòi này thêm nước vào rượu để bán, chết đọa làm côn trùng trong nước; nếu được làm người thì bị trướng, chết ngạt.

Đức Phật dạy tiếp:

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

\* Người thân thể cao to, mạnh mẽ mà sân hận khó bỏ là do đời trước làm lạc đà. - Người thích đi, ăn nhiều, gặp chỗ nguy hiểm không tránh là do đời trước làm ngựa.

- Người chịu được nóng lạnh mà tâm vô ký là do đời trước làm bò.

- Người cồng cao không biết xấu hổ, nghĩ nhiều về luyến ái, không biết phải quấy là do đời trước làm lừa.

- Người thích ăn thịt, làm việc không sợ sệt là do đời trước làm sư tử.

- Người thân cao lớn, mắt tròn, thích đi chỗ vắng vẻ, ganh ghét vợ (chồng) con là do đời trước làm cọp.

- Người lông dài, mắt nhỏ, không thích ở một chỗ là do đời trước làm chim.

## Thích Giác Quả

- Người tánh tình lật lừng, thích sát hại chúng sanh là do đời trước làm chồn, cáo.
- Người mạnh mẽ, ít dâm dục, không yêu thương vợ (chồng) con là do đời trước làm lang sói.
- Người không thích mặc đẹp, thường bắt kẻ gian, giận nhiều, ít ngủ là do đời trước làm chó.
- Người dâm ô, thường bàn chuyện nam nữ yêu đương là do đời trước làm chim két.
- Người thích ở chỗ đông đúc, lời nói phản nhiều làm phiền não kẻ khác là do đời trước làm chim bồ chao.
- Người thân nhỏ, tính dâm, tâm không ổn định, thấy sắc đẹp bị mê hoặc là do đời trước làm chim sẻ.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Người có mắt đỏ, răng ngán, khi nói hay khạc nhổ, khi ngủ nằm cuộn tròn là do đời trước làm rắn.
  - Người nói phô thường nóng giận, không hiểu nghĩa lý hay phát lửa sân là do đời trước làm bò cạp.
  - Người sống riêng lẻ, ăn nhiều, đêm ít ngủ là do đời trước làm mèo rừng.
  - Người thường đục tường ăn trộm, tham tài, không có thân thuộc là do đời trước làm chuột.
- Đức Phật dạy A-nan: Ta đã nói rằng, tất cả những khổ đau đều do hành động (Nghiệp) của mười điều ác. Nghiệp ác nặng nhất thì đọa vào địa ngục, nghiệp ác trung bình thì đọa làm súc sinh, nghiệp ác nhẹ hơn thì đọa làm ngạ quỷ.

Trong đây:

## Thích Giác Quả

+ Tội sát sanh đày đưa chúng sanh đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là chết yểu, hai là nhiều bệnh.

+ Tội trộm cướp đày đưa chúng sanh đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là nghèo hèn, hai là tài sản bị tịch thu, không tiêu xài được.

+ Tội tà dâm cũng bị đọa vào ba ác đạo (địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ). Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là vợ (chồng) không trung thành, hai là vợ (chồng) tâm ý bất hoà, hay cãi lộn nhau.

+ Tội vọng ngữ cũng bị đọa vào ba ác đạo. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là thường bị phỉ báng, hai là thường bị nhiều người lòng gạt.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

+ Tội nói hai lưỡi cũng bị đọa vào ba ác đạo. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là quyến thuộc bị phá hoại, hai là quyến thuộc hung dữ.

+ Tội ác khẩu cũng bị đọa vào ba ác đạo. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là thường nghe tiếng dữ, hai là nói gì thường bị cãi lại.

+ Tội ý ngữ cũng bị đọa vào ba ác đạo. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là nói điều gì đúng cũng không được ai tin, hai là nói gì cũng không thông tình đạt lý.

+ Tội tham dục cũng bị đọa vào ba ác đạo. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là tham của cải không biết chán, hai là ham muốn nhiều mà không được toại nguyện.

## Thích Giác Quả

+ Tội sân nhuế cũng bị đọa vào ba ác đạo. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là thường bị kẻ khác moi móc, hai là thường bị kẻ khác nã hại.

+ Tội tà kiến cũng bị đọa vào ba ác đạo. Nếu được làm người thì bị hai thứ Quả báo: một là thường bị sanh vào gia đình tà kiến, hai là tâm thường siểm nịnh.

Các Phật tử! Đó là con đường mười tội ác, là Nhân duyên hội tụ các điều đau khổ.

Bây giờ, trong hội chúng có những người đã làm mười điều ác ấy, được nghe đức Phật dạy về những Quả báo khổ đau ở địa ngục, đều rống khóc và bạch đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con phải làm những việc lành gì để tránh khỏi những khổ đau ấy?

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Đức Phật dạy: Nên bảo tất cả chúng sanh cùng làm việc phước. Thế nào là việc phước?

\* Nếu chúng sanh nào, đời này làm Đại Hóa chủ như lập chùa, xây tháp thì đời sau chắc chắn sẽ làm Vua thống lãnh vạn dân, đi đâu cũng được mọi người phục tùng.

- Đời này làm Thị trưởng trung chánh, làm Duy na<sup>(6)</sup> hay Luận chủ<sup>(7)</sup> thì đời sau sẽ làm Vương thần, Tướng soái thống lãnh cả châu bộ, đầy đủ mọi y phục, xe ngựa; các phương tiện cần thiết tự nhiên sung mãn.

- Đời này hướng dẫn mọi người làm các công đức thì đời sau sẽ làm Trưởng giả giàu sang, được tôn kính, mọi việc làm đều thuận tiện, không bị trái chống.

---

<sup>6</sup> Còn gọi là Đô duy na, Duyệt chúng, Tư hộ, Tri sự, là chức vụ Quản lý, điều hành và lo các việc của đại chúng trong chùa.

<sup>7</sup> Tác giả của một bộ luận, là người thông đạt nghĩa lý.

## Thích Giác Quả

- Đời này thấp đèn và bảo vệ ánh sáng thì đời sau sẽ được sanh lên cõi trời Nhật Nguyệt, thân thể phát chiếu ánh sáng rực rỡ.

- Đời này ưa thích bố thí với tâm từ bi và bảo hộ chúng sanh, đời sau ở chỗ nào cũng được giàu sang, y phục thực phẩm đầy đủ.

- Đời này ưa thích bố thí thực phẩm cho mọi người thì đời sau sanh ở chỗ nào, thực phẩm tự đến, sức khỏe và sắc đẹp hoàn hảo, thông minh biện tài, tuổi thọ dài lâu. Nếu bố thí cho súc sinh thì phước báo gấp trăm lần. Bố thí cho Nhất xiển-đề<sup>(8)</sup> thì phước báo gấp trăm ngàn lần. Bố thí cho Pháp sư giảng pháp Đại thừa, trình bày những tạng bí mật của Như Lai, giúp đại chúng phát khởi trí tuệ thì hưởng phước báo vô lượng. Bố thí cho đức

---

<sup>8</sup> *Nhất-xiển-đề*: Còn gọi là Nhất xiển-đề-ca, Nhất-diên-ca, Nhất-diên-đề-ca, Xiển-đề - Hán dịch là: Đoạn thiện căn, Tín căn bất cụ, Cục dục, Đại tham, Vô chủng tính, Thiêu chủng - người mất hết căn lành, không có điều kiện thành Phật - Từ Điển Huệ Quang, tập IV, trang 3269.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Phật, Bồ-tát thì hưởng phước báo vô tận. Lại nữa, bố thí cho ba đối tượng này cũng hưởng được phước báo vô cùng tận; đó là: thứ nhất, chư Phật; thứ hai, cha mẹ; thứ ba, người bệnh. Chỉ cần bố thí một bữa ăn, phước báo đã vô lượng rồi, huống gì thường xuyên bố thí thì phước báo làm sao cùng tận được.

- Đời này ưa thích tán thán, đọc tụng kinh pháp sẽ được giọng nói hoà nhã, dịu hiền, ai nghe cũng hoan hỷ.

- Đời này ưa thích trì Giới sẽ được sanh vào gia đình đọan chánh hoàn hảo.

- Đời này ưa thích đào giếng nơi công cộng, đặt nước uống dọc đường, trồng cây gây bóng mát; đời sau sẽ được làm Vua, đồ ẩm thực trăm vị tùy sở thích, muốn là có ngay.

## Thích Giác Quả

- Đòi này ưa thích in chép kinh điển, phổ biến cho mọi người đọc, sẽ được sanh làm người biện tài, Phật pháp vừa nghe liền thông đạt, thường được chư Phật, Bồ-tát hộ trì. Đây là người tối thắng, thường làm thượng thủ.

- Đòi này ưa thích làm cầu, làm thuyền đưa người sang sông, sẽ được sanh vào gia đình đầy đủ bảy vật báu, mọi người ai cũng cung kính, chiêm ngưỡng, vui mừng, đi đâu cũng được mọi người hộ vệ.

Đức Phật bảo A-nan: Như Ta đã nói Nhân quả của từng vấn đề trong Kinh để khuyên chúng sanh đọc tụng, tu hành nhằm thoát khỏi khổ đau, tai nạn. Nếu ai nghe Kinh này mà khinh chê thì lười người ấy rụng liền trong đời này.

Bấy giờ, ngài A-nan bạch đức Phật: Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi là gì? Làm sao để tu tập?

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Đức Phật bảo A-nan: Kinh này tên là *Nhân Quả Thiện Ác*, Cũng gọi là kinh *Bồ-tát Phát nguyện Tu hành*; cứ như vậy mà thọ trì.

Khi đức Phật giảng Kinh này xong, trong hội chúng có tám vạn người phát tâm Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, trăm ngàn người nữ chuyển thành nam tướng, một ngàn hai trăm người ác độc chuyển thành người thiện lương, chúng quả Vô sanh nhẫn, luôn được an lạc tự tại. Những người này sau khi chết được sanh về các Tịnh độ, làm bạn với chư Phật, Bồ-tát.

Đến đây, tất cả đại chúng trở về trú xứ của mình và thực hành lời dạy của đức Phật.



Một hôm, Tôn giả A-nan-đà ở trên hội Linh Sơn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Đại Tỷ-kheo câu hội.

Khi ấy, A-nan-đà Tôn giả chấp tay đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi quỳ xuống thưa thỉnh đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn! Đến thời mạt pháp tất cả chúng sanh ở cõi Nam Diêm-phù-đề, nhiều kẻ sanh niệm chẳng lành, không kính Tam Bảo, không trọng cha mẹ, không có tam cương, năm giềng rối loạn, nghèo khó thấp hèn, sáu căn chẳng đủ, trọn ngày sát sanh hại mạng, cho đến nghèo giàu sang hèn không đồng nhau. Do Nhân duyên Quả báo gì khiến nên như thế? Cúi xin Thế Tôn từ bi vì chúng con giải thích mọi sự việc.

## Chương II

### KINH NHÂN QUẢ BA ĐÒI<sup>9</sup>

*Dịch giả: HT. Thích Thiên Tâm.*

---

<sup>9</sup> - Nhà xuất bản Tôn giáo, 2010.

## Thích Giác Quả

Phật bảo A-nan cùng các đại đệ tử: Lành thay!  
Lành thay! Các ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì các  
ông mà giải thích rành rẽ.

Tất cả nam nữ trên thế gian, giàu sang hay  
nghèo hèn, chịu khổ vô cùng hoặc hưởng phước  
vô lượng đều do Nhân duyên từ đời trước mà cảm  
Quả báo.

Cho nên tất cả chúng sanh trước phải hiếu kính  
cha mẹ, kế đó phải tin trọng ngôi Tam Bảo, thứ ba  
nên bỏ giới sát mà phóng sanh, thứ tư cần ăn chay  
bổ thí mới có thể gieo giống thiện phước. Phật liền  
nói bài kệ Nhân quả rằng:

Giàu sang đều bởi Nghiệp,

Đời trước có tu Nhân.

Ai thọ trì Kinh này,

Đời đời hưởng phước lộc.

Thiện nam, Tín nữ nghe Ta nói:

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Suy nhớ kinh *Nhân Quả Ba Đời*,

Nhân quả ba đời việc chẳng nhỏ,

Phật nói lời thật chớ chê khinh.

- Đời nay làm quan do Nhân gì?

Kiếp trước vàng ròng thếp tượng Phật,

Đời nay hưởng phước bởi Nhân xưa,

Đai vàng, áo tía cầu nơi Phật,

Vàng trang nghiêm Phật, trang nghiêm mình,

Làm đẹp Như Lai, đẹp tự thân,

Đừng bảo làm quan là chuyện dễ,

Không tu phước ấy đến từ đâu?

- Cưỡi ngựa, ngồi kiệu do Nhân gì?

Kiếp trước làm cầu, bồi đắp lộ.

- Do Nhân duyên gì mặc gấm vóc?

Đời trước thí áo giúp Tăng-Ni.

- Có ăn, có mặc do Nhân gì?

Xưa giúp kẻ nghèo cho ăn uống.



## Thích Giác Quả

- Ăn mặc thiếu thốn bởi Nhân chi?  
Đời trước một chút không xả thí.
- Lầu cao nhà lớn do Nhân gì?  
Xưa lên chùa am cúng thí gạo.
- Phước lộc đầy đủ do Nhân gì?  
Xưa lập chùa am cất nhà mát.
- Tướng mạo xinh đẹp do Nhân gì?  
Đời trước hoa tươi cúng dường Phật.
- Thông minh trí tuệ do Nhân gì?  
Kiếp trước ăn chay, thường niệm Phật.
- Người thấy vui mừng do Nhân gì?  
Xưa kết duyên lành cùng đại chúng.
- Chồng vợ bền lâu do Nhân gì?  
Đời trước tràng phan nghiêm cúng Phật.
- Cha mẹ song toàn do Nhân gì?  
Đời trước kính trọng người cô độc.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Không cha mất mẹ do Nhân gì?  
Kiếp trước là người đánh bắt chim.
- Con cháu đông nhiều do Nhân gì?  
Đời trước mở lồng thả chim thú.
- Nuôi con không được do Nhân gì?  
Xưa sinh con gái<sup>10</sup> dìm cho chết?
- Đời nay không con do Nhân gì?  
Kiếp trước bẻ gãy hại trăm hoa.
- Đời nay sống lâu do Nhân gì?  
Kiếp trước thương vật phóng sanh nhiều.
- Đời nay mạng yếu do Nhân gì?  
Kiếp trước xẻ thịt giết chúng sanh.
- Đời nay không vợ do Nhân gì?  
Kiếp trước tham mưu gian vợ người.
- Đời nay ở góa do Nhân gì?  
Kiếp trước buông lung khinh rẻ chồng.

<sup>10</sup> - Thuở xưa ở Ấn Độ, những nhà nghèo sinh con nhiều, nuôi không nổi nên dìm chết những bé gái khi mới sinh ra.

## Thích Giác Quả

- Làm thân tôi đòi do Nhân gì?  
Kiếp trước quên ơn cùng bội nghĩa.
- Đòi nay mắt sáng do Nhân gì?  
Kiếp trước cúng dầu đốt đèn Phật.
- Đòi nay đui mù do Nhân gì?  
Kiếp trước chỉ đường chẳng phân minh.
- Môi miệng sứt thiếu do Nhân gì?  
Kiếp trước thổi tắt đèn cúng Phật.
- Đòi nay câm điếc do Nhân gì?  
Xưa từng ác khẩu mắng cha mẹ.
- Đòi nay lưng gù do Nhân gì?  
Kiếp trước chê cười người lẽ Phật.
- Tay bị cong queo do Nhân gì?  
Đòi trước đều là người tạo nghiệp.
- Chân bị co rút do Nhân gì?  
Kiếp trước ngăn đường đánh cướp người.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Làm thân trâu ngựa do Nhân gì?  
Xưa thiếu nợ người không chịu trả.
- Đọa làm heo chó do Nhân gì?  
Kiếp trước lừa gạt phỉnh hại người.
- Đòi nay nhiều bệnh do Nhân gì?  
Xưa đem rượu thịt bày cúng Phật.
- Đòi nay không bệnh do Nhân gì?  
Xưa thí thuốc men cứu bệnh nhân.
- Hăng bị lao tù do Nhân gì?  
Kiếp trước làm ác chẳng nhượng người.
- Đòi nay chết đói do Nhân gì?  
Kiếp trước thường lấp hang rắn chuột.
- Bị thuốc độc chết do Nhân gì?  
Kiếp trước giăng lưới giết hại cá.
- Nổi trôi cơ khổ do Nhân gì?  
Ác tâm lấn hiếp mưu hại người.

## Thích Giác Quả

- Đồi nay lùn bé do Nhân gì?  
Kiếp trước xem kinh để dưới đất.
- Nay thường thổ huyết do Nhân gì?  
Xưa ăn thịt rồi đi tụng kinh.
- Đồi nay ngu đần do Nhân gì?  
Kiếp trước tụng kinh chẳng lắng nghe.
- Ghê lác phong điên do Nhân gì?  
Xông hơi thịt cá trước bàn Phật.
- Thân có mùi hôi do Nhân gì?  
Xưa bán hương thơm trộn dối gian.
- Đồi nay chết treo do Nhân gì?  
Kiếp trước đem dây sắn bẫy thú.
- Quan, quả, cô, độc do Nhân gì?  
Xưa thường ganh ghét hiềm mắng người.
- Sét đánh lửa thiêu do Nhân gì?  
Cân non, già, thiếu lòng gian xảo.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Rắn cắn cọp ăn do Nhân gì?  
Kiếp trước gây oan tạo đời đầu,  
Muôn việc mình làm lại mình chịu.  
Thọ khổ địa ngục oán trách ai?  
Đừng nói Nhân quả người không thấy,  
Xa trả con cháu, gần trả mình.
- Chỉ nhìn trước mắt người hưởng phước,  
Sẽ tin bồ thí với trì trai,  
Kiếp trước tu Nhân nay hưởng Quả,  
Đời này tu tích để về sau.  
Nếu ai hủy báng kinh *Nhân Quả*,  
Kiếp sau đọa lạc mất thân người.  
Kẻ nào thọ trì kinh *Nhân Quả*,  
Chư Phật, Bồ-tát đều chứng minh.  
Kẻ nào biên chép kinh *Nhân Quả*,  
Truyền đời tu học đạo nhà hưng.  
Ai mà mang tội kinh *Nhân Quả*,

## Thích Giác Quả

Tai hung hoành họa chẳng vào thân.  
Nếu người giảng nói kinh *Nhân Quả*,  
Đời đời kiếp kiếp được thông minh.  
Kẻ nào đề xướng kinh *Nhân Quả*,  
Đời sau người thấy sanh cung kính.  
Người nào ấn tống kinh *Nhân Quả*,  
Kiếp sau sẽ được thân Đệ Vương.  
Theo kinh *Nhân Quả* hỏi đời trước,  
Chính sự thọ hưởng của đời nay.  
Theo kinh *Nhân Quả* hỏi đời sau,  
Chính sự gây Nhân của kiếp này.  
Nếu như Nhân quả không cảm ứng,  
Do đâu Mục Liên cứu được mẹ?  
Người nào tin sâu kinh *Nhân Quả*,  
Đồng sanh Tây phương cõi Cực Lạc.  
Nhân Quả ba đời nói không hết,  
Thiên long chẳng bỏ ý người lành.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Vốn ngôi Tam Bảo ruộng phước lớn,  
Nhân tu tuy một, hưởng muôn ngàn.  
Gởi kho<sup>11</sup> bền chắc không hư nát,  
Nhiều đời thọ dụng phước vô cùng.  
Muốn biết Nhân đời trước,  
Xem sự hưởng đời nay.  
Muốn biết Quả đời sau,  
Xem việc làm kiếp này.

### Chương III

## NHÂN QUẢ trong LƯƠNG HOÀNG SÁM<sup>12</sup>

### Phẩm 7 – Diễn Tả Quả Báo.

<sup>11</sup> - *Gởi kho*: Ở đây không phải đốt tiền giấy, đốt vàng bạc giấy gởi vào kho, mà muốn bảo rằng tất cả tiền của trên thế gian đều giả tạm, khi chết không còn liên hệ gì. Chỉ có tu tập ăn chay, bố thí, tụng kinh, niệm Phật... để có công đức sau khi chết được hưởng, gọi là “gởi kho”.

<sup>12</sup> - Trích bản dịch của HT. Thích Trí Quang, ấn tống 1994.

Thích Giác Quả

Khế kinh đã dạy:

Làm người được tôn quý là từ sự lễ bái phụng sự

Tam Bảo sinh ra.

Làm người được giàu có là từ sự bố thí sinh ra.

Làm người được sống lâu là từ sự giữ giới sinh ra.

Làm người được đoan trang là từ sự nhẫn nhục sinh ra.

Làm người mà nỗ lực tu hành là từ sự tinh tấn sinh ra.

Làm người được tài trí cao xa là từ trí tuệ sinh ra.

Làm người được âm thanh trong suốt là từ sự ca tụng Tam Bảo sinh ra.

Làm người được sạch sẽ lành mạnh là từ từ tâm sinh ra.

Làm người được cao lớn đẹp đẽ là vì đã kính trọng người khác.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Làm người bị thấp nhỏ xấu xí là vì đã khinh miệt người khác.

Làm người bị hôi hám thô kệch là vì đã hay giận dữ.

Làm người bị đốt nát là vì đã không trọng học vấn.

Làm người bị đần độn là vì đã không dạy bảo cho ai.

Làm người bị căm ngong là vì đã phỉ báng kẻ khác.

Làm người bị làm tội tở là vì đã cướp nợ.

Làm người bị đen điu là vì che khuất ánh sáng của Phật.

Sinh vào xứ lửa thiêu là vì đã ăn mặc suồng sã trước người hơn mình.

Sinh vào xứ móng ngựa là vì đã giày dép lôi thôi trước người hơn mình.

## Thích Giác Quả

Sinh vào xứ xuyên bụng là vì đã bố thí mà hối tiếc.

Sinh làm hươu nai là vì đã làm người khác khiếp sợ.

Sinh làm rồng rắn là vì đã thích hý lộng.

Thân đầy ghẻ lở là vì đã đánh đập người khác và loài khác.

Ai thấy cũng vui vẻ là vì đời trước thấy ai cũng vui vẻ.

Hay bị giam cầm là vì đã nhốt trói kẻ khác và loài khác.

Nghe thuyết pháp mà không để tâm tiếp nhận thì sẽ làm lừa dài tai.

Tham lẫn ăn riêng một mình thì sẽ làm ngựa quỳ và khi được làm người thì bần cùng đói khát.

Cho người ăn đồ dơ thì sẽ làm lợn và bọ hung.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Cướp đoạt của người thì sẽ làm loài dê và bị lột da nuốt thịt.

Thích trộm cắp thì sẽ làm trâu ngựa cho người sử dụng.

Thích náo láo, rêu rao lỗi người thì sẽ đọa địa ngục bị rót vào miệng bằng nước đồng sôi, kéo lưỡi ra cho trâu cày, tội hết được ra thì làm chim cú, ai nghe tiếng kêu cũng sợ cho là điềm xấu nên trừ rửa cho chết.

Thích rượu chè say sưa thì sẽ đọa vào địa ngục nước phân sôi sục, tội hết được ra thì phải làm loài đười ươi, rồi được làm người thì ngu đần, không ai đếm xỉa.

Tham lam lợi dụng sức mạnh của người thì sẽ làm loài voi.

Người trên mà đánh đập hành hạ kẻ dưới, làm cho kẻ dưới hết chỗ tổ cáo trần trình thì sẽ đọa địa

## Thích Giác Quả

ngục chịu khổ hàng ngàn vạn năm, từ địa ngục được ra thì phải làm loài trâu, xâu mũi khớp miệng, lôi thuyên kéo xe, chịu đánh chịu đập để trả oan nghiệt cũ.

Làm người mà dơ bẩn là dư báo của loài heo.

Tham lẫn đến nỗi đối với chính mình là dư báo của loài chó.

Hung hăng tự chuyên là dư báo của loài dê.

Náo động khó nhẫn là dư báo của loài khỉ.

Hôi thối là dư báo của loài cá.

Ngậm hờn hiểm độc là dư báo của loài rắn.

Không có từ tâm là dư báo của hổ lang.

### **III-1. Kinh Tội Nghiệp Báo Ứng Giáo Hóa**

#### **Địa Ngục dạy:**

Những kẻ đọa địa ngục bị các ngục tốt xử trảm, bằng cách chặt giã đâm chém từ chân đến đầu; vừa mới trảm xong gió quái thổi đến làm cho sống lại;

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

lại trảm lại sống, cực hình như vậy liên miên bất tận; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ phủ nhận Tam Bảo, không biết cúng dường, không biết hiếu dưỡng cha mẹ, lòng đầy ác nghịch, làm nghề đồ tể, cầm đầu công việc vằm giã đâm chặt, giết hại sinh vật; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ thân thể tê sượng, mày râu rụng hết, khắp mình ung sũng; ở với chim hươu, không dấu chân người; thân thích cũng bỏ, ai cũng ghê mắt, cực hình như vậy gọi là phung hủi; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ phủ nhận Tam Bảo, bất hiếu cha mẹ, phá hoại chùa tháp, bóc lột tu sĩ, tổn hại sư trưởng, hại cả Thánh Hiền, bội nghĩa vong ân không hề đáp trả; tâm hạnh chó má, làm bẩn đến cả các bậc tôn thượng, không kể thân sơ, không

## Thích Giác Quả

còn một chút lương tri hổ thẹn, bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ thân hình dài lớn, điếc mà không chân, quần quai lét bò; chỉ ăn đất bùn để sống, lại bị đủ thứ sâu trùng rĩa ăn, cực hình như vậy cả ngày lẫn đêm liên tục bất tận; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ hành động tự chuyên, không chịu chấp nhận lời hay lẽ phải; bắt hiếu cha mẹ, ương ngạnh phản phúc; hoặc làm quốc trưởng, tổng trưởng, thống đốc, làm những chức vụ các cấp hành chánh, hay những chức vụ các cấp quân sự, ỷ thị uy thế cưỡng đoạt nhân dân, hủy diệt công lý, làm dân khốn cùng; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ mù cả hai mắt không thấy gì cả, nên va vào cây hay sa xuống hố; chết rồi sinh ra vẫn chịu thân cũ; sinh rồi lại chết, liên miên như vậy;

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

là vì kẻ ấy trong đời quá khứ phủ nhận tội phước, che ánh sáng Phật; may bít mắt người, nhốt giam súc vật, dùng da và túi trùm đầu chụp mắt không cho thấy gì; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ câm ngọng, miệng chỉ âm ớ không thể nói được, hay nói không rõ; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ phỉ báng Tam Bảo, phỉ báng chánh pháp; bàn tán việc tốt việc xấu của người, xoi móc ưu điểm nhược điểm của họ, vu khống lương thiện, đổ kị hiên nhân; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ bụng lớn cổ nhỏ, ăn uống không trôi; nếu ăn được gì, biến thành máu mủ; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ đã trộm thức ăn thuộc phần đại chúng gặp khi trai hội, lấy riêng ăn lén; của mình thì tiếc, của người thì ham; lại còn ác tâm đầu độc



## Thích Giác Quả

người khác khiến họ bế tắc mọi sự hô hấp; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ bị các ngục tốt luôn luôn thiêu đốt, bằng cách dội lên khắp cả cơ thể nước sôi sôi nóng; hoặc đóng đinh sắt, đóng rồi cả người tự nhiên bốc lửa, tự đốt lấy mình cháy tan hết thảy; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ làm nghề châm chích, thương tổn thân người, bệnh tật không lành vẫn gạt lấy của, làm cho bệnh nhân đã đau lại khổ; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ ở mãi trong vạc, ngu ngu đầu ngục tốt dùng đinh ba sắt xóc bỏ vào nấu, nấu đến rã ra, rồi thổi sống lại đem ra nấu tiếp; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ là tay đồ tể, tàn sát sinh vật, nhúng dội nước sôi, nhổ lông cạo da, số lượng đến nỗi không có giới hạn; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Những kẻ ở trong thành lửa, tàn lửa tro nóng cũng ngập đến tim; cửa thành tuy mở, đến thì tự đóng; chạy qua đảo lại khắp cả đông tây vẫn không thoát khỏi; cơ thể bị đốt cháy tiêu tất cả; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ đốt cháy núi đằm, khơi phá ao hồ; bọc nướng gà vịt làm cho sinh vật chết vì nung hầm; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ thường ở núi tuyết, gió lạnh thổi tấp rách cả da thịt, cầu chết không được, muốn sống không yên, thông khổ khốc liệt, không thể nhẫn nổi; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ vốn là kẻ cướp, đón đường tước lột y phục của người; mùa đông băng giá lột trần kẻ khác làm họ chết lạnh; lại còn tước lột da trâu da dê, làm cho sinh vật đau đớn khủng khiếp; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

## Thích Giác Quả

Những kẻ thường ở trên núi đao cây kiếm, nắm là bị cắt, chân tay đốt xương đứt nát tất cả, đau đớn khốc liệt; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ làm nghề đồ tể, sát hại sinh vật, mổ cắt róc xả, xương thịt tan nát, đầu chân rã rời, treo lên cho cao, cân lường mà bán; có khi treo sống, khổ hết chịu đựng; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ cả năm giác quan đều không hoàn bị, là vì kẻ ấy trong đời quá khứ thả điều xuyt chó, săn bắn cầm thú, làm chúng nát đầu, gãy chân đập cánh đau đớn tột bậc; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ tay quắp chân vẹo, còn lưng thì còng, eo lưng xương khớp không liền với nhau, chân kiễng, tay gãy, khả năng đi đứng mất hết tất cả; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ là người nham

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

hiểm, trên những đường đi, đặt súng mà bắn, đào hố mà bẫy, hãm hại người vật; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ bị các ngục tốt xiềng trói gông cùm, khổ ách đến thế không thể thoát được; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ đối với sinh vật bủa lưới mà bắt, dùng lòng mà nhốt; đối với con người, lợi dụng quyền hành tham lam cưỡng đoạt tài sản nhân dân, giam cầm oan ức những kẻ lương thiện, làm cho mọi người hết chỗ kêu oan, hết cách trần tình; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ điên cuồng si ngốc, hết biết tốt xấu; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ say sưa chè chén, ba mươi sáu lỗi phạm đủ tất cả, sau đó trở thành con người si ngốc, luôn luôn như say, hết biết phân biệt tôn ty thượng hạ; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

## Thích Giác Quả

Những kẻ hình nhỏ âm lớn, kéo đi thì mệt phải cúi mà bò; đi đứng nằm ngồi rất chi khổ sở; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ buôn bán mà sống, khen vật của mình, chê đồ của người, lừa tráo đồ đong, bắt nhất đồ cân; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.

Những kẻ hình thù cực xấu: mình đen như sơn, hai tai lại xanh, hai má cao gồ, mặt phồng nhiều chỗ, mũi lại phẳng bằng, hai mắt vàng đỏ, răng thưa mà thiếu, hơi miệng tanh hôi, thấp lùn úng thũng, bụng lớn lưng nhỏ, tay chân co quắp, sống lưng gù cao, xương sườn lồi lên, ghẻ mọt máu mủ, thũng thì đầy nước, khô thì thịt tiêu, phung hủi ung thư; mọi thứ ghê sợ tập hợp lại cả nơi thân người ấy; muốn thân với người, người không để ý; người khác làm bậy lại bị họa lây; chưa hề thấy được Phật-đà, được nghe Phật pháp, được biết Bồ-

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

tát, được hiểu Thánh Hiền; từ chỗ đau khổ này đến chỗ đau khổ khác, chưa được dừng nghỉ; là vì kẻ ấy trong đời quá khứ làm con thì bất hiếu cha mẹ, làm tôi thì bất trung quân vương, làm kẻ trên thì không thương người dưới, làm người dưới thì không kính kẻ trên, đối với chúng bạn thì bất tín, đối với xóm làng thì bất nghĩa, hành chánh thì không kể chức vụ, tư pháp thì không kể công lý; tâm ý điên đảo, mất hết chừng mực; sát hại quần thần, khinh khi trưởng thượng; đánh nước cướp dân, công thành pháp lũy; trộm cướp cưỡng đoạt, ác nghiệp quá quắt; khen mình chê người, hiếp kẻ cô thế, lấn người già cả, vu khống hiền lương, phi báng thiện sự, khinh mạn người trên, lừa đảo kẻ dưới, hết thấy ác nghiệp phạm đủ tất cả; bởi nguyên Nhân ấy mà bị Quả báo như vậy.



### III-2. Kinh Tạng dạy:

Một con quỷ bạch với Mục Liên tôn giả, thân con hai vai có mắt, ngực có mũi và miệng, còn đầu thì không có, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì người đời trước làm đồ đệ những tên đao phủ thủ, khi chúng giết người thì người khoái thích, dùng dây buộc kéo giúp chúng, do đó mà bị tội báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Một con quỷ khác bạch với Mục Liên tôn giả, thân hình con như một khối thịt, không có tay chân, không có tai mắt và các bộ phận khác, luôn luôn bị trùng rĩa và chim mổ mà ăn, đau đớn hết cách chịu đựng, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì người đời trước đánh thuốc phá thai của người, làm cho thai nhi không toàn mạng, do

đó mà bị tội báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Một con quỷ khác bạch với Mục Liên tôn giả, bụng con thì quá lớn, cổ con thì chỉ như kim, suốt năm suốt tháng ăn uống không được, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì người đời trước làm chủ thôn xóm, tự thị quyền quý, chèn chèn hoành hành, khinh khi cướp đoạt, làm cho dân tình vừa khổ vừa đói, do đó mà bị tội báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Một con quỷ khác bạch với Mục Liên tôn giả, từ khi sinh ra đến bây giờ, con bị hai vòng sắt nóng bám dưới hai nách, làm cho cả mình cháy nướng, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì người đời trước trộm lấy bánh của đại

## Thích Giác Quả

chúng kẹp dưới hai nách, do đó mà bị tội báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Một con quỷ khác bạch với Mục Liên tôn giả, con thường dùng đồ bịt đầu lại, vì sợ người giết mà lòng rất kinh khiếp, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì người đời trước tà dâm ngoại tình, thường sợ người khác nhìn thấy, hoặc sợ người chồng bắt được thì xích lại và đánh chết, lòng thường khiếp hãi, do đó mà bị tội báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Một con quỷ khác bạch với Mục Liên tôn giả, từ lúc sinh ra đến bây giờ con luôn luôn đói khát, muốn đến nhà xí lấy phân mà ăn, thì bị trên nhà xí

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

có một con quỷ lớn mạnh hơn, lấy gậy đánh con, nên con chưa bao giờ lại gần được những chỗ ấy, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì khi làm người, người là chủ chùa, có những khách Tăng đến khát thực, người tiếc lần không cho, chờ khách Tăng đi rồi, người mới đem ăn với người trong chùa; vì người keo lẩn của chung mười phương Tăng chúng một cách vô lý như vậy nên bị tội báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Một con quỷ khác bạch với Mục Liên tôn giả, từ lúc sinh ra đến giờ, trên hai vai con có bình đồng lớn, trong chứa đầy nước đồng sôi, con phải lấy gáo múc nước ấy và phải tự dội xuống đầu mình, thống khổ thật khốc liệt, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì khi làm người, người

## Thích Giác Quả

là tri sự trong chùa, coi việc Tăng chúng, có một bình sữa đặc người đem giấu đi, không chịu y theo giờ ăn cúng dường Tăng chúng, chờ khách Tăng đi rồi mới đem ra ăn với người trong chùa. Nhưng bình sữa đặc ấy, theo lời người hiến cúng, là của chung mười phương Tăng chúng, mười phương Tăng chúng đều có quyền hưởng. Vì người keo lẩn một cách vô lý như vậy nên bị tội báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Một con quỷ khác bạch với Mục Liên tôn giả, từ lúc sinh ra đến giờ luôn luôn con phải nuốt viên sắt nóng, như vậy là vì tội gì gây ra? – Tôn giả trả lời, vì khi làm người, người là Sa di, lấy nước pha đường, đường viên cứng và lớn, người động lòng ăn trộm, đập ra lấy một ít, rồi Tăng chúng chưa

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

uống, người đã lén uống trước một miếng, vì vậy nên bị Quả báo này. Nhưng đây chỉ là giai đoạn mở đầu của tội báo, còn giai đoạn chính thức của tội báo thì ở địa ngục.

Phía Đông Nam thành Vương Xá có cái ao nước, đại tiện tiểu tiện và bao nhiêu đồ bẩn đều đổ xuống, hôi thối không thể đến gần. Có một con trùng lớn sống trong ao đó, mình dài đến vài trượng, không có chân càng, ngoi ngóp bò lét, người coi đông đến vài ngàn. Phật và đại chúng đến bên ao. Đại chúng nghĩ, hôm nay Phật vì mọi người nói rõ nguồn ngọn của con trùng này. Phật biết và bảo đại chúng, sau khi đức Phật Duy Vệ Niết-bàn, trong một chùa tháp, một hôm có năm trăm vị Tỷ kheo vắng lai, vị tự chủ hoan hỷ mời ở lại và cúng dường một cách hết lòng, không tiếc lẫn chi cả. Về sau, có năm trăm thương khách

## Thích Giác Quả

buôn vàng ngọc bằng đường hàng hải, lúc trở về ngang qua chùa ấy, thấy năm trăm vị Tỷ kheo tinh tấn hành đạo thì ai cũng phát tâm, hoan hỷ bàn với nhau, ruộng phước khó gặp lắm, chúng ta hãy thiết một lễ hiến cúng nhỏ mọn. Mỗi thương khách bỏ ra một viên ngọc, tất cả đủ số năm trăm viên ngọc như ý, gởi nơi vị tự chủ. Vị tự chủ này sau đó đổ ra xấu bụng, muốn chiếm lấy một mình, không đem số ngọc ấy thiết cúng. Tăng chúng bảo, số ngọc của các thương khách cho nên đem thiết cúng, thì vị tự chủ bảo, ngọc đó họ hiến cho ta, nếu muốn lấy thì để đem phần mà cho các ông. Các ông không đi khỏi đây ngay tức khắc thì ta sẽ chặt chân tay mà ném cả vào hầm phân.

Tăng chúng nghĩ đến cái ngu của vị tự chủ nên yên lặng đi cả. Vì tội ác đó mà ngày nay vị tự chủ

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

phải làm thân con trùng này. Về sau, khi vào địa ngục, thống khổ lại còn khốc liệt nhiều hơn.

Ở thành Vương Xá có một kẻ lừa dài và lớn, bị đóng đinh sắt là lửa cháy bùng lên, cả ngày lẫn đêm thống khổ thảm thiết. Mục Liên tôn giả bạch Phật, vì tội gì mà kẻ ấy chịu khổ đến như vậy? – Phật dạy, kẻ ấy xưa kia cũng là một vị tự chủ, nhưng nhiếc mắng và trục xuất các vị Tỷ kheo, bắt kẻ khách Tăng hay thường trú, không cho ăn uống, không cho nhận đồ hiến cúng. Vì tội ác đó mà bị khổ báo như vậy.

Lại có kẻ thân hình cao lớn, trên đầu có cái vạc, lửa bốc dữ dội. Trong vạc đầy nước đồng sôi chảy tràn bốn mặt miệng vạc, tưới xuống cùng mình, làm cho kẻ ấy chạy khắp không gian, không thể đứng lại mà nghỉ. Mục Liên tôn giả bạch Phật, kẻ ấy vì tội gì mà chịu thống khổ như vậy? – Phật

## Thích Giác Quả

đạy, kẻ ấy đòi trước làm tri sự trong chùa, thí chủ cúng dầu không đem phân cúng cho các vị khách Tăng, chờ họ đi mới chia nhau với người trong chùa. Vì tội ác đó mà bị khổ báo như vậy.

Lại có kẻ thân thể bị một viên sắt nóng đỏ rực, xoi vào từ trên đầu và đâm ra dưới chân, làm cho kẻ ấy chạy khắp không gian, thống khổ dữ dội. Mục Liên tôn giả bạch Phật, vì tội gì mà bị cực hình ấy? – Phật dạy, xưa kia người ấy là một Sa di, trộm bảy quả trong vườn của Tăng chúng, đã đọa địa ngục chịu vô lượng khổ rồi, vì tội dư chưa hết nên bị cực hình này.

Lại có một con cá lớn, một thân mà có đến trăm đầu, đầu nào cũng khác nhau, bị sa lưới của ngư phủ. Phật thấy, nhập định từ tâm, gọi tên nó, tức thì nó trả lời. Phật hỏi, mẹ con ở đâu? – Nó đáp, làm sâu trong nhà xí. Phật nói với các Tỷ kheo,

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

con cá này, thời kỳ đức Phật Ca Diếp, là một vị Tỷ kheo thông suốt ba tạng kinh điển, vì ác khẩu mà bị Quả báo nhiều đầu. Mẹ nó lúc ấy, hưởng đồ người ta cúng dường cho nó, nên bây giờ làm sâu trong nhà xí.

Quả báo con cá này do ác khẩu thô lỗ, hung hăng, phản gián đôi bên, rối loạn hai phía. Sau khi chết, nó đã đọa vào địa ngục, ngục tốt đã nung đỏ rực con dao bằng sắt mà áp lưỡi nó; lại nung câu sắt mà cắt, thứ câu có ba mũi, sắc như đầu mũi nhọn; rồi dùng trâu cày nát lưỡi ấy; lại dùng chày sắt nóng đâm vào cổ. Mấy ngàn vạn kiếp mới hết tội báo như vậy và được thoát khỏi địa ngục, nhưng lại sinh vào loài thú vật như thế này đây. Nếu ai chỉ trích cha mẹ, sư trưởng hay quốc chúa thì tội báo còn hơn nữa.



trong ngoài đều đỏ rực. Lửa ở trên xông xuống sát đất, lửa ở dưới cũng xông lên sát lưới.

Địa ngục có những tên gọi sau đây, biểu lộ hình cụ và cực hình trong những địa ngục ấy: Ép lại, Tội tằm, Vàng đao, Rừng kiếm, Máy chém, Rừng chông, Lưới sắt, Hang sắt, Viên sắt, Đá nhọn, Hàm than, Rừng cháy, Cọp sói, Kêu gào, Vạc sôi, Lò than, Núi đao, Cây kiếm, Cối lửa, Thành lửa, Trụ đồng, Phun lửa, Cực nóng, Cực lạnh, Rút lưỡi, Đóng đinh, Trâu cày, Chém chặt, Đao binh, Mỏ xẻ, Sông tro, Phẫn sôi, Băng lạnh, Bùn lầy, Si ngốc, Khóc lóc, Đui điếc, Cầm ngọng, Câu sắt, Mỏ sắt.

Nhưng quan trọng nhất là địa ngục A tỳ. Tội nhân bị đọa vào địa ngục A tỳ thì không ai có thể cản trở và cứu vớt được; tội nhân ở địa ngục này bị khổ đau cực độ, bị hành hình liên miên không

### III-3. Phẩm 8 – NÓI VỀ ĐỊA NGỤC

Khế kinh dạy: Cái khoảng hắc ám nhất giữa những núi Thiết Vi này với núi Thiết Vi khác của toàn cõi tam thiên thế giới, là cảnh giới địa ngục. Thành của mỗi địa ngục toàn bằng sắt, dọc ngang rộng đến một ngàn sáu trăm vạn dặm. Trong thành có tám vạn bốn ngàn ngăn. Dưới thành là đất sắt, trên thành là lưới sắt. Lửa nung lên thì thành ấy

Thích Giác Quả

có dừng nghỉ, các ngục tốt thì rất hung dữ tàn bạo. Tóm lại, ai bị đọa vào địa ngục A tỳ là đã tạo ác nghiệp bậc nhất và cực hình tại đây cũng đứng bậc nhất trong tất cả địa ngục



## Chương IV

### NHÂN QUẢ trong KINH THỦY SÁM<sup>13</sup>

#### QUYỀN GIỮA

##### IV-1. Ba Ác Nghiệp Của Thân.

###### *1- Ác Nghiệp Sát Sanh:*

<sup>13</sup> - Trích bản dịch của HT. Trí Quang, ấn tống 1994.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Tâm thức con người thường ác độc, không có từ tâm: hoặc tham mà giết, hoặc giận, hoặc ngu, hoặc vì kiêu ngạo mà giết hại chúng sanh; giết bằng phương tiện, bằng sự thề nguyện, rửa nợn thù chú... Hoặc phá ao hồ, hoặc đốt rừng rẫy, săn bắn chài lưới, đón gió phóng hỏa; hoặc phóng chim cắt, hay phóng chó săn làm hại nhiều loài. Hoặc đặt cũi đặt lưới, đặt hầm đặt máy, dùng xóc dùng chĩa, dùng cung dùng nỏ, nhất là dùng đạn, để bắt để đâm, để bắn những loài chim bay thú chạy. Hoặc dùng lưới dùng chài, dùng rờ dùng câu, mà vơ mà lọc những loài ở nước, như các thứ cá, ba ba giải đà, tôm hến ốc trai và bao nhiêu giống sinh sống dưới nước, làm cho hết thảy những loài dưới nước, trên đất trong không, hết chỗ ẩn trốn. Hoặc là nuôi gà, hay nuôi bò dê chó heo, các loại ngỗng vịt để tự cung cấp bép núc của mình, hoặc thuê kẻ

## Thích Giác Quả

khác làm thịt mà bán, khiến chúng chưa tắt tiếng kêu bi thương thì lông cánh đã rụng, vảy mai đã rã, thân đầu rời nhau, xương thịt tan tác. Rồi lột rời xé, rời mổ rời cắt, sao đốt nấu nướng, bao nhiêu đau đớn độc địa thảm thiết đều đem trút vào những loài vô tội một cách ngang trái. Khoái khâu một chút mùi vị bao lăm, bắt quá cái lưỡi ba tác mà thôi, nhưng rồi khổ báo lụy đến muôn kiếp.

Hoặc là động binh đánh nhau, giao tranh biên giới, xông đến với nhau bằng hai chiến trận, sát hại lẫn nhau. Hoặc đích thân mình giết, bảo kẻ khác giết, nghe giết vui mừng. Hoặc làm nghề đồ tể, nghề đao phủ thủ, phanh thây loài vật, chém chặt kẻ khác, làm các ác nghiệp thật quá bất nhân. Hoặc buông thả cuồng nộ, vung những khí giới có lưỡi sắc bén, múa các khí giới có mũi sắc nhọn mà chém mà đâm. Hoặc xô ngã hầm hố, nhận chìm

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

xuống nước, bít hang phá tổ, lấp bằng đất đá, cán bằng ngựa xe, dẫm đạp sinh vật. Hoặc phá thai phá trứng, thuốc độc trùng độc, sát hại chúng sanh. Hoặc khẩn đào đất đai, trồng tria ruộng vườn, nuôi tằm nấu tơ, giết hại không ít. Hoặc đánh đập muỗi mòng, bằm cắn rận rệp, đốt khử dọn quét, mở ngòi tháo kênh, làm hại sinh vật một cách oan uổng. Hoặc đốt các thứ củi, để trần đèn nến, cháy các loài trùng. Hoặc đổ dốc nước sôi, tưới giết sâu kiến; cho đến đi đứng nằm ngòì thường làm tổn hại các loài nhỏ nhất trong không trên đất. Hoặc đã dùng roi gậy, gông gổ khóa sắt, cùm to cùm chân, đè ép bẻ gãy, tra khảo đánh đòn, đánh đập quăng ném, sử dụng tay chân, đá nhào giẫm đạp, bắt trói nhốt buộc, cúp nước cắt cơm, những phương tiện ác đủ thứ như vậy làm khổ chúng sanh, kể không thể hết...

## Thích Giác Quả

Tóm lại, ba nghiệp của thân thì tội sát hại đứng đầu. Trong kinh huấn thị “*tự tha thứ mình cũng đủ ví dụ, để đừng sát hại cũng đừng đánh đập*”. Vì lẽ cảm thú tuy khác với ta, nhưng mà bản năng ham sống sợ chết thì vẫn đồng nhất. Nếu xét cho kỹ về các loài ấy thì từ vô thủy, tất cả đã là cha mẹ anh em bà con của ta, chỉ vì Nghiệp lực mà phải luân hồi khắp cả sáu nẻo, vào chết ra sống, biến đổi thân hình, thay đổi Quả báo cho nên không còn nhận biết được nhau. Vậy mà ngày nay chúng ta sát hại, nhai nuốt thịt họ thì thật thương tổn đức từ quá lắm.

Khế kinh đã dạy cái tội sát hại làm cho con người sa vào địa ngục cùng với ngựa quỷ chịu đủ thống khổ. Nếu sinh súc sinh thì làm cạp beo, làm loài lang sói, làm cắt làm điều, hoặc làm rắn độc hay loài bò cạp hay loài cùng loại tính thường độc

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

dữ; hoặc làm con chương con hươu tính thường sợ hãi. Còn sinh loài người thì bị hai báo, một là lắm bệnh, hai là chết yếu. Sát sanh ăn thịt bị nhiều Quả báo khổ đau khốc liệt trải qua nhiều đời nhiều kiếp như vậy.

### **2- Ác Nghiệp Trộm Cướp:**

Trong kinh huấn thị, vật thuộc kẻ khác, kẻ khác giữ gìn, dầu một ngọn cỏ hay một chiếc lá kẻ ấy không cho thì không được lấy, hưởng chi lén trộm. Nhưng vì con người chỉ thấy cái lợi trước mắt nên đã dùng mọi cách để lấy một cách vô đạo, hoặc trộm cắp tài sản vàng ngọc của người bằng cách dùng khí giới cưỡng đoạt, hay dùng sức lực ép buộc mà lấy. Hoặc ỷ công oai, hoặc mượn thế lực, công lớn cùm to, ép uổng lương thiện, nuốt của hối lộ, bẻ thẳng thành cong – vì lý do này họ bị pháp luật. Dung túng cấp dưới cai trị bất chính,

## Thích Giác Quả

lãnh của lo lót. Lấn công lợi tư, đoạt tư lợi công. Làm hại kẻ này để lợi kẻ khác, làm hại kẻ khác để lợi kẻ này. Cắt xén của người để tự lợi mình. Miệng tuy nói cho, lòng lại keo kiệt. Trộm thuế nông nghiệp, cấp thuế thương mại. Vượt ải qua đò không trả lệ phí. Giấu riêng thuế công, lén giấu công dịch.

Hoặc cướp trộm đồ vật của Phật-Pháp-Tăng. Vật của kinh tượng, vật sửa chùa tháp, vật hiến cúng cho Tăng thường trú, vật hiến cúng cho Tăng bốn phương mà lấy lén lút, hay sử dụng lạm, hoặc ỷ thế lực mượn mà không trả. Hoặc mượn cho mình, hoặc mượn cho người, hoặc lại trao đổi nhưng rồi không hoàn hay quên mất đi. Phân phối sử dụng, một cách lẩn lộn vật của Tam Bảo. Lấy vật Tăng chúng: Thóc gạo củi thuốc, muối đậu tương giấm, rau củ trái hạt, tiền lụa tre gỗ, tơ thao

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

phan lọng, hương hoa dầu đèn, mặc lòng tùy ý lấy dùng cho mình hoặc đem cho người. Hoặc trích hoa quả của người cúng Phật, hoặc dùng vật dụng cúng dường hiện tiền Tăng, nhân của Tam Bảo mà tự lợi riêng. Hoặc đối với những người chu toàn cho mình như thầy, bạn, Tăng chúng đồng học, cha mẹ anh em, bà con nội ngoại, sống chung ở chung mà đồ cần dùng nhiều cũng như ít, đều lừa dối nhau. Đối với làng xóm gần gũi với nhau dè dặt rào xê vách, lấn đất nhà người, đổi nêu dèi mốc, bắt người cướp của, chiếm đoạt ruộng vườn. Mượn có việc công mà mưu lợi riêng, chiếm đoạt dinh thự thương điểm của người, chiếm luôn những chỗ chất chứa đồ vật.

Hoặc đánh thành phá nước, đốt làng phá rào, trộm bán lương dân, dụ tội tở người. Ép uống vô tội, khiến họ thân chết, máu vấy gươm đao, hoặc

## Thích Giác Quả

bị đầy giam, gia sản thân nhân tan tác tất cả, những kẻ máu huyết sống mà xa nhau, kẻ bắc người nam, sống chết cách tuyệt. Hoặc là buôn bán, lãnh giao hàng hóa, lập hàng dựng quán, mua bán đổi chác, vậy mà sử dụng cân nhẹ đầu non, cắt bớt thước tấc, gian xảo đồng cân, lừa dối đồ đong, tráo xấu đổi tốt, dùng ngắn thay dài, gian trá đủ cách, cầu lợi trăm bề. Hoặc xoi tường khoét vách, chặn đường cướp của. Cướp giạt vốn lời, phụ lòng sai hẹn. Ngoài mặt lừa dối, trong ý mưu toan. Phi lý chiếm đoạt vật của quỷ thần, vật của cầm thú, vật của bốn loài. Mượn việc bói tướng chiếm đoạt của người, cho đến lấy lợi cầu lợi, cầu mà gian ác, cầu muốn cho nhiều, cầu không biết chán, cũng không biết đủ.

Ác nghiệp trộm cắp như vậy vô lượng vô biên không thể kể hết, làm cho tương lai phải chịu khổ

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

báo của những ác nghiệp này. Do đó trong kinh dạy cái tội trộm cướp làm cho con người sa vào địa ngục cùng với ngựa quỷ, chịu mọi thống khổ. Nếu sinh súc sinh thì làm trâu bò, lừa ngựa lạc đà, hay loài cùng loại, độc hết sức mình, độc cả máu thịt mà trả nợ cũ. Nếu sinh loài người phải làm tôi tớ cho bao kẻ khác, áo không kín thân, cơm không đầy miệng, nghèo nàn khôn đốn, lẽ sống con người cơ hồ mất hết. Nghiệp ác trộm cướp bị nhiều Quả báo khổ đau khốc liệt trải qua nhiều đời nhiều kiếp như vậy.

### **3- Ác Nghiệp Dâm Dục:**

Trong kinh đã nói chỉ vì ái dục mà bao nhiêu người bị nhốt trong ngục ngu si ám chướng, bị chìm trong biển sinh tử thống khổ, không biết không thể tìm đường thoát khỏi. Chính vì ngũ dục mà từ vô thủy cho đến ngày nay, hết thảy chúng

## Thích Giác Quả

sanh luân hồi sinh tử. Hết thầy chúng sanh, trong bao đời kiếp nếu chất xương lại hơn núi Phú-la ở thành Vương-xá, sữa mẹ đã uống như nước bốn biển, máu đã đổ ra lại còn hơn nhiều, cha mẹ anh em bà con nội ngoại than khóc lúc chết nước mắt đổ ra như nước bốn biển. Lý do là vì trộm cướp vợ chính vợ hầu của người, chiếm đoạt quả phụ, con gái kẻ khác, xâm phạm phá hoại trinh tiết của họ. Làm cho dơ bẩn các Tỷ kheo ni, phá cho hư hỏng phạn hạnh của người, cưỡng bức hãm hiếp một cách bất lương. Ý nghĩ vẫn đục, mắt nhìn bất chính, lời nói đùa cợt. Làm cho sỉ nhục gia đình của người, vấy cho dơ bẩn tiếng tốt kẻ khác. Làm chuyện dơ bẩn đối với năm loại đàn ông bất thường<sup>14</sup>.

---

<sup>14</sup> - Năm loại đàn ông bất thường (ngũ chủng bất nam): Năm loại đàn ông khiếm khuyết về nam căn.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Ác nghiệp như vậy vô lượng vô biên, không thể kể hết, làm cho tương lai phải chịu khổ báo của những ác nghiệp ấy. Vì vậy trong kinh dạy ác nghiệp dâm dục làm cho con người sa đọa địa ngục cùng với ngạ quỷ chịu đủ thống khổ. Sau đó sinh vào súc sinh thì làm thân bò trâu chim sẻ hay chim uyên ương; sinh trong loài người thì vợ con bất chính, bà con bất hòa. Nghiệp ác dâm dục bị nhiều Quả báo khổ đau khóc liệt như vậy trải qua nhiều đời nhiều kiếp.

### **IV-2. Bốn Ác Nghiệp Của Miệng.**

#### ***1- Ác Nghiệp Nói Thô Ác:***

Vì nói thô ác, mà với toàn bộ lục đạo tứ sinh con người đã tạo đủ thứ tội lỗi: Nói năng thô dữ, lời tiếng ngang bạo, không kể tôn ti quen lạ sang hèn. Một chút phật ý tức thì giận dữ, mắng nhiếc chửi rủa, tạp nhạp nham nhở, dơ bẩn hung ác,

Thích Giác Quả

không thiếu điều nào. Làm cho đối phương ngậm hờn suốt đời, liên họa kết thù, không bao giờ ngưng. Lại còn oán trách trời đất quỷ thần, chỉ trích hiền thánh, vu khống lương thiện; ác khẩu như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

**2- Ác Nghiệp Nói Dối Trá:** Có hai thứ.

*a- Ác nghiệp nói dối trá nặng:*

Vì nói dối trá mà đã gây ra đủ thứ tội lỗi, với ý thức hy vọng danh dự, mưu cầu quyền lợi: Cát giấu tình thật biến trá trăm cách, trong lòng đen tối, ngoài mặt dạn dày. Chỉ có nói không, chỉ không bảo có. Thấy nói không thấy, không thấy nói thấy. Nghe nói không nghe, không nghe nói nghe. Biết nói không biết, không biết nói biết. Làm nói không làm, không làm nói làm. Dối trá Hiền Thánh, lừa đảo thế nhân. Thậm chí cha con, vua tôi bằng hữu, thân thích quyền thuộc nói cũng

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

không thật, làm cho người nghe làm tin đến nỗi tan nhà mất nước; dối trá như thế vô lượng vô biên không thể kể xiết.

*b- Ác nghiệp nói dối trá lớn:*

Hoặc mượn yêu thuật mà tự tán mình, rằng đã thành tựu bốn thứ thiên định, bốn thứ không định, phép đếm hơi thở (sổ tức quán), mười sáu hành tướng. Được quả Dự lưu cho đến La hán. Được quả Duyên giác, Bồ-tát bất thoái. Trời đến rồng đến, thần gió thần đất đều đến chỗ ta. Bày điều kỳ dị mê hoặc quần chúng, ý cầu kính trọng, hiến dâng đồ ăn, đồ mặc đồ nằm, cùng với dược phẩm; vọng ngôn như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

**3- Ác Nghiệp Nói Thêu dệt:**

Vì nói thêu dệt mà đã gây ra đủ thứ tội lỗi: Lời tiếng văn hoa, bút mực diễm lệ. Diễm tô điều lỗi,



## Thích Giác Quả

trau chuốt việc trái. Khéo tạo khúc hát say tình  
nhụt chí. Hình dung yêu kiều, biểu lộ dâm thái.  
Làm cho những kẻ tâm chí bình thường hay quá  
thấp kém, phải loạn tâm tư, phải hồng chí khí, đam  
mê tửu sắc, hết biết quay lại.

Hoặc không kèm chế thù riêng của mình mà bỏ  
mất đi cái việc phê phán một cách công minh. Dẫn  
cho người ta thật là trung thân, thật là hiếu tử, có  
kẻ đích xác chí sĩ hiền nhân, mình vẫn viết bài,  
viết cả sách vở, lợi dụng văn chương vu khống  
xuyên tạc, hậu thế coi đọc, lầm tưởng là đúng,  
khiến những người này, oan ức trọn đời không thể  
biện bạch; ý ngữ như vậy tội lỗi vô lượng vô biên  
không thể kể xiết.

### **4- Ác Nghiệp Nói Hai Lưỡi:**

Vì nói hai lưỡi mà đã gây ra đủ thứ tội lỗi:  
Trước mặt tán dương, sau lưng chỉ trích, xảo trá

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

trăm chiều. Đến với người này nói xấu người kia,  
đến với người kia nói xấu người này, với cái ý  
thức chỉ biết lợi mình bất kể hại ai. Gièm pha cốt ý  
ly gián vua tôi; vu khống chủ tâm phỉ báng lương  
thiện. Làm cho vua tôi nghi kỵ lẫn nhau, cha con  
bất hòa, vợ chồng cách biệt, thân thích xa nhau, ơn  
thầy phải hết, nghĩa bạn cũng tuyệt.

Ly gián đến nỗi thôi động hai nước hủy bỏ liên  
minh, cắt đứt giao hảo, liên kết căm thù, liên minh  
quân sự, sát hại dân chúng; lương thiệt như vậy vô  
lượng vô biên không thể kể xiết.

Tự trung, trong kinh huấn thị ác nghiệp của  
miệng làm cho con người sa đọa địa ngục cùng  
với ngạ quỷ chịu đủ thống khổ. Về sau sinh vào  
súc sinh phải làm cú mèo tiếng kêu ai nghe cũng  
ghét. Nếu sanh vào loài người hơi miệng luôn  
luôn hôi thối, nói ra điều gì cũng không ai tin, thân

Thích Giác Quả

quyến bất hòa hay tranh hay cãi. Nghiệp ác của miệng bị nhiều Quả báo khổ đau khốc liệt trải qua nhiều đời nhiều kiếp như thế.

### **IV-3. Ác Nghiệp Của Sáu Căn.**

Qua sáu giác quan con người đã gây ra vô số tội lỗi.

#### ***1- Ác Nghiệp Của Mắt:***

Mắt bị màu sắc làm cho mê-hoặc; ưa thích đen-vàng-hồng-xanh-đỏ-tía hay đồ thường ngoạn cùng đồ trang sức quý mà đẹp. Hoặc thích hình tướng cao thấp trắng đen của trai của gái, thích những dáng dấp thùỵ mị kiều diễm, từ đó phát sinh ý tưởng bất chính.

#### ***2- Ác Nghiệp Của Tai:***

Tai tham tiếng hay, tiếng căn bản nhất, tiếng trong thanh nhất, tiếng của dây đàn, tiếng của ống sáo, tiếng của âm nhạc, tiếng của hát ca. Hoặc

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

thích âm thanh con trai con gái, thích cái giọng điệu nói năng khóc cười, từ đó phát sinh ý tưởng bất chính.

#### ***3- Ác Nghiệp Của Mũi:***

Mũi khoái hơi thơm, hơi của danh hương như những thứ trầm hương, đàn hương, long hương xạ hương, uất kim tô hạp, từ đó phát sinh ý tưởng bất chính.

#### ***4- Ác Nghiệp Của Lưỡi:***

Lưỡi ham mùi ngon, tươi tốt ngọt béo máu thịt sinh vật, nuôi dưỡng cơ thể bồi thêm gốc khổ, từ đó phát sinh ý tưởng bất chính.

#### ***5- Ác Nghiệp Của Thân:***

Thân ưa lụa hoa, gấm dệt năm màu, gấm thêu năm sắc, lụa dây sa trun, mọi thứ mịn láng, đồ

Thích Giác Quả

mặc đồ đeo rực rỡ hoa lệ đủ bảy thứ quý, từ đó phát sinh ý tưởng bất chính.

### **6- Ác Nghiệp Của Ý:**

Ý thì lắm thứ tư tưởng thác loạn, gặp gì cũng nghĩ trái với chánh pháp, từ đó phát sinh ý tưởng bất chính.

## **QUYÊN SAU**

### **IV-4. Ác Nghiệp Với Tam Bảo.**

#### **1- Ác Nghiệp Với Phật Bảo:**

Con người thường bị vô minh che mắt tâm trí, phối hợp phiền não khuất mờ tâm tư, đến nỗi thấy được tôn tượng của Phật mà cũng không biết hết

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

lòng kính ngưỡng; khinh miệt Tăng chúng, tác hại thiện hữu, phá tháp phá chùa, đốt kinh đốt tượng, đến nỗi làm cho thân Phật chảy máu. Lại còn có kẻ thân mình thì ở phòng ốc hoa lệ còn tượng tôn nghiêm để chỗ thấp xấu, khói xông nắng tấp, gió lộng mưa xoang, bụi đóng đất dính, chim phá chuột gặm. Cũng có những kẻ đặt tượng tôn nghiêm ngay trong phòng mình, ở đã ở đó, ngủ cũng ở đó, không biết tôn trọng. Có lúc khóa thân ngang qua trước tượng, cũng không lưu tâm ăn mặc nghiêm chỉnh. Che đèn ngăn nến, đóng cửa bít điện, làm mất ánh sáng nơi tôn tượng Phật. Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

#### **2- Ác Nghiệp Với Pháp Bảo:**

Đối với Phật pháp, đã cầm kinh sách bằng tay dơ bẩn. Đối diện kinh sách nói phi chánh pháp, nói thô nói tục. Hoặc để kinh sách ngay trên đầu

Thích Giác Quả

giường, nằm ngòai bắt kính. Hoặ để kinh sách trong hòm trong hộp, có lúc mở mãi, có khi đóng hoài, sâu mọt hư rã. Đầu trục rơi rách, bộ pho lẫn lộn. Kéo rút bắt cần, rơi sót lằm lằm, giấy mực rách nát. Mình đã không tu theo kinh sách ấy, lại cũng chẳng chịu truyền bá cho ai.

Có lúc nằm ngang mà nghe kinh pháp, có khi nằm ngửa đọc tụng kinh ấy. Lớn tiếng nói cười làm loạn tâm người đang nghe kinh pháp. Hiểu sai lời Phật, nói lạc ý Thánh, tà pháp bảo chánh, chánh pháp bảo tà, giữ giới nói phạm, phạm giới nói giữ, tội nhẹ bảo nặng, tội nặng bảo nhẹ. Chép trước đem sau, chép sau đem trước, trước sau để giữa, giữa đưa trước sau. Tự ý trau chuốt văn từ kinh điển hay chọn văn từ để vào sách mình. Thuyết pháp cho người thì vì lợi lộc, vì được tiếng khen hay được cung kính, không có tâm tốt. Thảo

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

luận chánh pháp thì cố tìm lỗi của người diễn giảng, phi lý kích bác, chớ không cốt ý tăng thêm chánh giải, cầu pháp giải thoát. Coi nhẹ lời Phật đề cao tà giáo. Phỉ báng Đại thừa ca tụng Thanh văn. Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

### ***3- Ác Nghiệp Với Tăng Bảo:***

Đối với Tăng chúng hại cả La hán, phá Tăng hòa hợp, hại người lập chí mong cầu tuệ giác Vô thượng Bồ-đề, làm cho tuyệt tự dòng họ Phật-đà, làm cho Phật pháp không được lưu hành. Bóc lột Tăng sĩ, hành hạ xuất gia, thậm chí không từ cả sự đánh mắng. Phá hoại tịnh giới, phá hoại oai nghi. Khuyến dụ kẻ khác bỏ bát chánh đạo, công nhận năm pháp. Hoặ giả hình dạng của người xuất gia, dòm ngó dò xét nội bộ Tăng chúng. Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

## Thích Giác Quả

Tự trung, ác nghiệp đối với Tam Bảo vô lượng vô biên làm cho con người sa vào địa ngục cùng với ngạ quỷ, súc sinh chịu nhiều thống khổ. Nghiệp ác đối với Tam Bảo chịu nhiều Quả báo khổ đau khốc liệt trải qua nhiều đời nhiều kiếp.

### **IV-5. Những Ác Nghiệp Khác.**

#### ***1- Ác Nghiệp Mê Tín:***

Con người thường tin theo lý thuyết vừa công vừa ngược, sát hại sinh vật giải tấu quỷ thần, những loài yêu quái, là muốn mạng sống kéo dài nhưng chung cục không thể đạt được. Lại có những kẻ nói dối thầy quỷ, giả xưng lời thần... Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

#### ***2- Ác Nghiệp Ngạo Ngược:***

Con người nói năng cử động ngạo ngược phách láo, tự cao tự đại. Ý thị dòng họ, khinh miệt hết thầy. Ý sang khinh hèn, lấy mạnh hiếp yếu.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Chè chén đấu loạn, bắt kẻ quen lạ; say sưa suốt ngày hết biết tôn ti... Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

#### ***3- Ác Nghiệp Nhậu Nhẹt:***

Con người thường ham ăn háu uống, không kể giờ giấc, chẳng cần chừng mực. Ăn sống thịt cá, ăn năm vị tân, nồng hôi kinh tượng, nồng ngạt những kẻ chỉ biết chạy tịnh. Phóng túng dục vọng, buông xả ước mơ, không biết kèm chế. Xa lánh người tốt, thân gần bạn xấu... Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

#### ***4- Ác Nghiệp Tự Thi:***

Con người thường kiêu căng làm bộ, kiêu ngạo tự chuyên. Ương ngạnh xúc phạm bất kể nhân tình. Tự cho mình phải, bảo ai cũng trái. Mơ ước viễn vông, hành động phiêu lưu... Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

**5- Ác Nghiệp Buôn Lường:**

Con người hễ thấy của cải là hết nhường nhịn, hết cả liêm sỉ. Bằng nghề thợ thịt, bằng sự buôn rượ, lừa dối mà sống. Cho vay tính lời tính cả ngày giờ. Gom góp khắc nghiệt, ham hố không nản. Nhận của hiền cúng không biết hô thẹn. Giới đức không có nhận của hiền cúng một cách vô bổ... Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

**6- Sáu Hối Ác Nghiệp Tàn Nhẫn:**

Con người thường đánh đập tôi tớ, hành hạ thuộc hạ, không hỏi đói khát, chẳng nghĩ nóng lạnh. Phá cầu triệt cống, lấp đường bít ngõ... Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

**7- Ác Nghiệp Phóng Túng:**

Con người thường phóng túng buông thả, đãng tính náo động. Đánh bạc đánh cờ, kết đoàn họp lũ. Uống rượ ăn thịt, quấy nhau tiền nhau. Đấu hót vô vị, bàn tán chuyện người. Cùng năm suốt tháng, chôn không thì giờ. Đầu đêm cuối đêm cũng như giữa đêm, không có lúc nào tu tập các hạnh tụng kinh tham thiền. Nhác cho đến nổi nằm suốt cả ngày như cái thây chết. Đối với sáu chỗ đặt đề tưởng niệm, chưa có lúc nào tâm trí biết đến. Nhìn thấy việc tốt mà người khác có, lòng mình tức thì nổi lên đố kỵ. Lòng đầy độc địa, dẫy đủ phiền não. Đến nỗi làm cho cuồng phong tội lỗi thổi bùng củi lửa của bao ác nghiệp bùng cháy mãi hoài, không lúc nào tắt. Thiện nghiệp kém cỏi của thân miệng ý cháy tan hết thảy. Thiện nghiệp đã cháy thành "nhất xiển đề", đọa đại địa ngục, hết

Thích Giác Quả

mong giải thoát... Tội lỗi như vậy vô lượng vô biên không thể kể xiết.

Tóm lại, do những ác nghiệp ấy làm cho con người sa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu nhiều Quả báo khổ đau khốc liệt trải qua nhiều đời nhiều kiếp.



## Chương V

### NHÂN QUẢ trong KINH ĐỊA TẠNG<sup>15</sup>

#### Phần Thứ 3

<sup>15</sup> - Trích bản dịch của HT. Trí Quang, ấn tống 1970.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

### V-1. Quán Sát Nghiệp Quả Chúng sanh

Ác nghiệp và Quả báo ác nghiệp có những danh xưng như thế này:

Kẻ nào bất hiếu đến nỗi sát hại cha mẹ thì đọa vô gián ngục, ngàn vạn ức kiếp muốn thoát không khỏi.

Kẻ nào làm chảy máu thân Phật, phỉ báng Tam Bảo, khinh thị kinh pháp cũng đọa vô gián ngục, ngàn vạn ức kiếp muốn thoát không khỏi.

Kẻ nào xâm phạm thường trú, làm bản Tăng Ni, ngay trong nội địa già lam mà dâm loạn, tàn sát thì đọa vô gián ngục, ngàn vạn ức kiếp muốn thoát không khỏi.

Kẻ nào giả làm sa môn mà tâm tánh không phải sa môn, phá tán thường trú, lường đảo thế gian, vi phạm giới pháp, tạo đủ ác nghiệp thì đọa vô gián ngục, ngàn vạn ức kiếp muốn thoát không khỏi.

## Thích Giác Quả

Kẻ nào trộm của thường trú tài vật, lúa gạo, đồ ăn, đồ mặc, cho đến một vật không cho mà lấy thì đọa vô gián ngục, ngàn vạn ức kiếp muốn thoát không khỏi.

Những kẻ làm những ác nghiệp trên đây thì phải đọa vào vô gián ngục, nơi có năm sự không gián đoạn, mong mỗi thống khổ tạm ngừng một thoáng cũng không thể được.

*Năm sự không gián đoạn:*

Một là cực hình chịu suốt ngày đêm, cho đến hết kiếp số vô số, không lúc nào gián đoạn, nên mệnh danh vô gián.

Hai là một tội nhân cũng tự thấy đầy cả ngục, mà nhiều tội nhân thì ai cũng tự thấy đầy cả ngục, không có chỗ cách hở nên mệnh danh vô gián.

Ba là cực hình qua hình cụ như chia, gậy, điều, rắn, sỏi, chó, cối giã, cối xay, cưa, đục, mác sắc,

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

chảo ôi, lưới sắt, giầy sắt, lừa sắt, ngựa sắt, da sống niên đầu, sắt sôi dội thân, đói ăn hoàn sắt nóng, khát uống nước sắt sôi, hết năm này qua năm khác, trọn kiếp số vô số, cực hình liên liền, không có một chút gián đoạn nên mệnh danh vô gián.

Bốn là bất kể trai gái, mọi rợ văn minh, già trẻ, sang hèn, rồng thần, trời quỷ hễ tạo ác nghiệp thì kết ác báo, đồng chịu như nhau nên mệnh danh vô gián.

Năm là đọa vô gián ngục thì từ lúc vào cho đến trăm ngàn kiếp, một ngày đêm chết đi sống lại hàng vạn lần, cầu một thoáng tạm ngừng cũng không thể được, trừ khi ác nghiệp hết mới được thọ sanh, vì sự chết sống liên liền nên mệnh danh vô gián.



## Thích Giác Quả

Tự trung, địa ngục vô gián cả vòng có một vạn tám ngàn dặm, tường ngục cao một ngàn dặm, làm toàn bằng sắt. Lửa trên thấu dưới, lửa dưới thấu trên. Rắn sắt và chó sắt phun lửa mà đuổi, lại bò và chạy qua lại trên tường ngục mà canh. Trong ngục có cái giường rộng đến vạn dặm. Một người thọ hình tự thấy thân mình nằm đầy mặt giường, mà vạn người thọ hình mỗi người cũng tự thấy thân mình nằm đầy mặt giường. Bởi do ác nghiệp giống nhau nên kết quả ác báo như thế.

Cực hình mà tội nhân phải chịu ở địa ngục vô gián thì đủ mọi sắc thái. Trăm ngàn dạ xoa và ác quỷ nanh như gươm, mắt như điện, móng tay như đồng cầu xé tội nhân. Dạ xoa khác cầm kích sắt đâm tội nhân vào mình, vào miệng, vào mũi, vào bụng, vào lưng, dòi lên không gian lại lấy kích hứng lấy hoặc để trên giường. Điều hâu bằng sắt

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

moi mắt tội nhân. Rắn sắt xiết cổ tội nhân. Cả trăm khớp và đốt khắp cơ thể đều bị đóng đinh dài. Lưỡi bị kéo ra mà cày bừa lên, ruột bị moi ra mà chặt mà vằm đi, miệng bị đổ nước đồng sôi, thân bị quấn dây sắt đỏ. Chết đi sống lại cả ngàn vạn lần trong một ngày đêm. Vậy mà kéo dài đến cả ức kiếp, cầu thoát không khỏi. Hễ thế giới hệ này hư hoại thì bị chuyển qua thế giới hệ khác, thế giới hệ ấy hư hoại thì chuyển qua thế giới hệ khác nữa, thế giới hệ khác hư hoại thì chuyển qua thế giới hệ khác khác nữa. Thế giới này sau thời kỳ hoàn thành lại bị đưa về. Ác báo tại địa ngục vô gián là như thế đó.

## Phẩm Thứ 4

### V-2. Nghiệp Quả Của Người Diêm Phù<sup>16</sup>

Kẻ sát sanh thì bị ác báo trả thù, chết yểu.

<sup>16</sup> - *Diêm phù*: Tức cõi Diêm phù, cõi chúng ta đang sống.

## Thích Giác Quả

Kẻ trộm cắp thì bị ác báo nghèo nàn, khốn khổ.  
Kẻ tà dâm thì bị ác báo se sẻ, uyên ương.  
Kẻ ác khẩu thì bị ác báo bà con kình chống.  
Kẻ chê bai thì bị ác báo không lười, lỗ miệng.  
Kẻ giận dữ thì bị ác báo xấu xí, tàn tật.  
Kẻ keo lẩn thì bị ác báo ước muốn không thỏa.  
Kẻ ăn uống vô độ thì bị ác báo đói khát, thực khí bệnh tật.  
Kẻ sẵn bản tha hồ thì bị ác báo cuồng sợ, tán mạng.  
Kẻ kình chống cha mẹ thì bị ác báo trời đất giết bằng tai họa.  
Kẻ thiêu đốt núi rừng thì bị ác báo cuồng điên mà chết.  
Kẻ cha ghẻ mẹ ghẻ cư xử bất nhân thì bị ác báo trở lại chịu sự hành hạ ngay trong đời này.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Kẻ sập bắt chim non thì bị ác báo cốt nhục phân ly.  
Kẻ phỉ báng Tam Bảo thì bị ác báo đui điếc, câm ngọng.  
Kẻ khinh thường giáo pháp thì bị ác báo ở ác đạo.  
Kẻ phá tán lam dụng của thường trú thì bị ác báo ức kiếp luân hồi địa ngục.  
Kẻ làm bản phạn hạnh vu không Tăng Ni thì bị ác báo ở mãi súc sinh.  
Kẻ sát hại sinh vật bằng cách cắt mổ, nấu nướng thì bị ác báo luân hồi thường mạng.  
Kẻ phá giới phạm trai thì bị ác báo cầm thú đói khát.  
Kẻ phung phí vô lý thì bị ác báo ước mong thiếu hụt.

Thích Giác Quả

Kẻ mà y tao kiêu ngạo thì bị ác báo tới tở hèn hạ.

Kẻ đâm thọc gây rối thì bị ác báo không lưỡi, nhiều lưỡi.

Kẻ tà kiến ngoại đạo thì bị ác báo sanh chỗ mọi rợ.

## Phẩm Thứ 5

### V-3. Danh Xưng Địa Ngục

Tổng quát về danh xưng địa ngục:

Phía Đông cõi Diêm Phù có dãy núi tên Thiết vi. Giữa dãy núi ấy đen tối thăm thẳm, không có ánh sáng của mặt trăng và mặt trời, có địa ngục lớn nhất tên Cực Vô gián, có địa ngục tên đại A tỳ, có địa ngục tên Bốn góc, có địa ngục tên Dao bay,

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

có địa ngục tên Tên lửa, có địa ngục tên Núi ép, có địa ngục tên Phóng giáo, có địa ngục tên Xe sắt, có địa ngục tên Giường sắt, có địa ngục tên Trâu sắt, có địa ngục tên Áo sắt, có địa ngục tên Ngàn mũi nhọn, có địa ngục tên Lửa sắt, có địa ngục tên Nước đồng sôi, có địa ngục tên Ôm cột đồng, có địa ngục tên Lửa tuôn, có địa ngục tên Cày lưỡi, có địa ngục tên Chặt đầu, có địa ngục tên Đốt chân, có địa ngục tên Ăn mắt, có địa ngục tên Hoàn sắt, có địa ngục tên Cãi cọ, có địa ngục tên Rựa sắt, có địa ngục tên Rát giận.

Trong dãy núi Thiết vi có những địa ngục tương tự như thế số lượng thật là vô số. Lại còn có địa ngục Kêu la, địa ngục Rút lưỡi, địa ngục Phần giải, địa ngục Khóa đồng, địa ngục Voi lửa, địa ngục Chó lửa, địa ngục Ngựa lửa, địa ngục Trâu lửa, địa ngục Núi lửa, địa ngục Đá lửa, địa ngục

## Thích Giác Quả

Giường lửa, địa ngục Điều lửa, địa ngục Cưa răng, địa ngục Lộ da, địa ngục Uông máu, địa ngục Đốt tay, địa ngục Đâm ngược, địa ngục Nhà lửa, địa ngục Nhà sắt, địa ngục Sói lửa. Những địa ngục như vậy mỗi cái lại còn có những địa ngục nhỏ phụ thuộc, hoặc một hoặc hai, hoặc ba hoặc bốn, cho đến hàng trăm ngàn địa ngục danh xưng cũng khác nhau.

Tất cả địa ngục trên là do nghiệp lực của những kẻ tạo ác ở cõi Diêm phù mà hiện ra.

*Cảnh tượng ác báo tại địa ngục:*

Có nơi kéo lưỡi tội nhân cho trâu cày lên trên đó.

Có nơi moi tim tội nhân cho dạ xoa ăn.

Có nơi đun vạc sôi cuộn cuộn mà nấu thân tội nhân.

Có nơi nung đỏ cột đồng bắt tội nhân ôm vào.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Có nơi phun lửa tấp vào tội nhân.

Có nơi toàn là băng tuyết.

Có nơi tràn đầy phần dãi.

Có nơi toàn là lao bay chông phóng.

Có nơi phóng toàn giáo lửa.

Có nơi chỉ đánh bụng và lưng.

Có nơi chỉ đốt tay và chân.

Có nơi thả rắn sắt quấn và cắn.

Có nơi xua chó sắt cắn.

Có nơi toàn bắt cỡi lừa sắt.

Ác báo như vậy trong mỗi địa ngục có đến hàng trăm hàng ngàn hình cụ toàn là đồng, sắt, đá và lửa. Bốn chất ấy đều do ác nghiệp chung mà hiện ra. Nếu nói rõ về hình cụ và hình phạt của ác báo ở địa ngục thì trong mỗi một chỗ đã có hàng trăm hàng ngàn cảnh tượng thống khổ hướng chi nhiều nơi. Cho nên, muốn nói cho rõ và giải thích

Thích Giác Quả

lý do thì cùng tận kiếp số cũng không diễn tả hết được.

Tự trung, nghiệp ác con người quá lớn, cao như núi cao, sâu như biển cả, hại cả Thánh đạo. Vì vậy, con người đừng khinh thường lỗi nhỏ cho là không hại gì. Vì lẽ sau khi chết rồi, ác báo tơ tóc cũng phải tự chịu lấy. Chí thân như tình phụ tử đi nữa cũng đường ai nấy đi, giả sử được gặp nhau cũng không thể chịu thay cho nhau.

Phổ Hiền đại sĩ thừa Địa Tạng đại sĩ: Nhân giả! từ lâu tôi đã biết rõ ác báo trong các ác đạo, nhưng tôi thỉnh cầu Ngài nói đề sau này trong thời đại mạt pháp những kẻ tội ác nghe được lời Ngài mà biết quy y Phật-đà.



Kinh Nhân Quả Luân Hồi

## Chương VI

### KINH KIẾN CHÁNH

#### Đức Phật giảng kinh Kiến Chánh

*Dịch giả: Tk. Thích Giác Quả*

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật đang lưu trú tại Tịnh xá Kỳ Hoàn<sup>(17)</sup> thuộc kinh thành La-

---

<sup>17</sup> - Kỳ Hoàn (Anàtapindika): Còn gọi là Kỳ Viên, Kỳ Viên Tịnh xá, Kỳ thọ Cấp cô độc viên, tức vườn cây của Thái tử Kỳ đà và ông Cấp cô độc.

Thích Giác Quả

duyệt-kỳ<sup>(18)</sup>. Bảy giờ, gần đến giờ ngọ, đức Phật cùng năm trăm vị Tỷ-kheo, một ngàn vị Bồ-tát và Ưu-bà-tắc đang nâng thực phẩm cúng dường đi ra ngoài thành La-duyệt-kỳ, bỗng thấy cây đại thọ tên là Cam Hương, cây to gốc lớn, cành lá sum sê, hoa trái tươi đẹp đỏ hồng, hàm chứa mùi vị ngọt thơm, xung quanh gốc cây sạch sẽ bằng phẳng. Đức Phật muốn dừng lại tại đây, hàng đệ tử tùy tùng đều vâng lời, rồi lấy đá làm toà ngồi cho Ngài, sau đó đại chúng ngồi xung quanh đức Phật.

Trong hàng đệ tử của đức Phật, có Tỷ-kheo tên là Kiến Chánh, mới nhập đạo tu tập, nên thầy hay nghi ngờ rằng: “Đức Phật thường dạy có các đời sau, nhưng từ loài vật đến loài người, sau khi chết chưa có một ai trở lại báo tin cho biết sự kiện ấy như thế nào cả”. Thầy liền trình bày những nghi

---

<sup>18</sup> *La-duyệt-kỳ* (Rājagṛha): Còn gọi là La-việt, La-duyệt, La-duyệt-kỳ-ca-la, tức thành Vương Xá của nước Ma Kiệt Đà.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

ngờ ấy lên đức Phật. Nhân đây, đức Phật chỉ dạy để các đệ tử được hiểu rõ bằng những thí dụ, chứng minh như sau:

- Gốc đại thọ này vốn từ một hạt giống và các trợ duyên của đất, nước, gió, lửa mà được to lớn, tàng cây có thể che phủ một số người nhiều như thế này. Nếu truy nguyên khi đang còn hạt giống thì không thấy nhánh, lá, hoa, trái gì cả. Nhưng nhờ gặp đủ nhân duyên tứ đại<sup>(19)</sup>, hạt giống mới nứt mầm, nảy nhánh sanh hoa, kết trái và dần dần trở thành một cây to lớn, tàng lá che phủ một khoảng đất rộng. Ban đầu, nó chỉ là một hạt giống, rồi hạt sanh mầm, mầm sanh nhánh, nhánh sanh lá, lá sanh hoa, hoa sanh trái, cứ thế chuyển qua nhiều giai đoạn biến chuyển mới thành cây đại thọ. Như vậy, cây đại thọ và hạt giống không phải

---

<sup>19</sup> *Tứ đại*: Là bốn chất, Địa, Thủy, Hỏa, Phong (chất rắn, chất lỏng, chất nóng và chất hơi) luôn có mặt khắp thế giới.

## Thích Giác Quả

là một mà cũng không phải là khác, có danh nhưng chẳng phải thường danh<sup>(20)</sup>. Bây giờ nó đã trở thành cây đại thọ, vậy có thể tập hợp tất cả hoa, trái, nhánh, lá, cọng, gốc ấy lại, để làm thành hạt giống như cũ được không?

+ Các đệ tử đáp: Không thể được. Chúng đã biến chuyển thì không trở lại như cũ được. Hạt giống trở thành mầm, nhánh.v.v. mỗi ngày mỗi thoái hoá, càng sanh thì càng biến đổi, tuy không tiêu mất, nhưng không thể trở lại hạt giống như cũ được.

- Vấn đề sanh tử cũng tương tự như thế. Thần thức<sup>(21)</sup> là pháp duyên khởi, pháp ấy là si (vô minh). Do vô minh sanh tham ái. Vô minh tương tự như hạt giống. Hạt giống tuy nhỏ mà tăng

---

<sup>20</sup> Chỉ là giả danh, không phải thật danh.

<sup>21</sup> *Thần thức*: Tâm thức linh diệu của loài hữu tình, không thể nghĩ bàn. Thông thường gọi là Linh hồn-nhưng đạo Phật không gọi như vậy.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

trưởng thành cây đại thọ; vô minh tuy vi tế, vô hình mà tạo thành những hiện tượng nhân duyên sai khác. Các hiện tượng nhân duyên ấy đều do tâm thức biến hiện. Do vô minh sanh hành, hành sanh thức, thức sanh danh sắc, danh sắc sanh lục nhập, lục nhập sanh xúc, xúc sanh thọ, thọ sanh ái, ái sanh thủ, thủ sanh hữu, hữu sanh sanh, sanh sanh lão tử, cọng lại là mười hai nhân duyên làm căn bản cho thân này. Đã có thân thì phải có ngày bị già, chết. Khi chết, tùy theo nghiệp lực đã làm, thân thức sẽ được dẫn dắt tái sanh thành một thân xác mới, cũng có cha mẹ, cũng có sanh sáu tình<sup>(22)</sup>, cũng khởi ô nhiễm, cũng chịu khổ vui, cũng theo phong tục, nhưng không thứ nào giống như đời trước. Kiến thức đã không trở lại như cũ thì làm sao biết được quá khứ. Do vậy, con người chỉ

---

<sup>22</sup> *Sáu tình* (Lục dục): Tức sáu căn (Lục căn). Là cách dịch cũ.

Thích Giác Quả

thuận theo kiến thức mới trong hiện tại mà cho kiến thức là thật có, là thường còn, rồi chấp cái tri kiến ấy. Do cố chấp nên không biết rằng: “*Có đời trước, có đời sau là do thân thức biến chuyển theo nghiệp lực mà hiện diện*”.

Thân thức đã biến chuyển, lại có cha mẹ làm trợ duyên để sanh ra thân xác mới, rồi bị trói buộc theo sáu tình, ô nhiễm, khổ vui, phong tục không thể trở lại thân xác cũ, tập quán cũ, kiến thức cũ, cuộc đời cũ; tương tự như cây đại thọ không thể trở lại hạt giống của ngày trước được.

Sau khi được nghe đức Phật chỉ dạy, Tỷ-kheo Kiến Chánh từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước đức Phật quỳ xuống bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, sự nghi ngờ của đệ tử vẫn chưa được giải trừ. Giờ đây, chính là lúc đệ tử tỏ bày sự ngu si của mình, ngưỡng cầu Thế Tôn từ bi chỉ bảo. Kể từ khi còn

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

nhỏ tới giờ, đệ tử đã gặp những người chết rất nhiều; hoặc là cha mẹ, anh em, vợ chồng, nội ngoại; hoặc là bạn hữu đang thương yêu nhau; hoặc là kẻ thù đang oán hận nhau, thế mà sau khi chết, thân thức của họ không có một ai trở lại để báo tin người nào khổ, người nào sướng cả. Tại sao như vậy? Thân thức bị trở ngại điều gì mà họ không trở lại báo tin cho người sống biết? Mong Thế Tôn phân tích và giải bày giúp đệ tử chúng con đoạn trừ được nghi hoặc, thấy rõ sự thật.”

- Này Tỷ-kheo! Thân thức ấy không có hình tướng, khi biến chuyển thì tùy theo nghiệp lực mà hiện diện. Giả như một người làm nhiều việc phước, khi chết thân thức có phước đức chuyển sang một đời sống khác, cũng không thể trở lại báo tin, hưởng gì kẻ độc ác. Tại sao thế?- Ví như người kỹ sư nấu đá hoá lỏng để tìm thiếc, rồi lấy



## Thích Giác Quả

thiếc đúc thành các dụng cụ. Vậy các dụng cụ ấy có thể trở thành đá được không?

+ Thừa không.

- Thân thức biến chuyển thành thân trung ấm<sup>(23)</sup>, tương tự như đá lọc thành thiếc; thân trung ấm biến chuyển để thọ thân khác, tương tự như thiếc đã đúc thành khí cụ. Cho nên, khi thân xác đã thay đổi, biến mất thì làm sao trở lại thân cũ được.

Những người nào tu tập năm điều thiện (năm giới) thì được tái sanh làm người; họ sẽ có cha mẹ và sẽ bị ràng buộc bởi sáu thứ. Đó là: thứ nhất, trú tại thân trung ấm không thể trở lại đời sống cũ; thứ hai, bị trói buộc trong bào thai; thứ ba, khi đang bị chèn ép đau đớn, quên mất quá khứ; thứ tư, khi rớt xuống chỗ sanh, các kiến thức cũ đều quên mất,

---

<sup>23</sup> *Thân trung ấm*: Còn gọi là thân trung hữu. Là thân thể trong buổi giao thời sau khi chết và trước khi tái sanh, cũng đầy đủ cả năm ấm.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

phát sanh kiến thức mới; thứ năm, sanh rồi liền tham chấp vật dục, vì tham chấp nên kiến thức cũ bị gián đoạn; thứ sáu, dần dần khôn lớn, sống theo kiến thức mới chứ không nhớ kiến thức cũ.

- Các đệ tử! Ví như có nhà kinh doanh đi khắp bốn phương gặp đủ mọi điều gian khổ, vui sướng. Khi nhớ nghĩ những điều đã xảy ra ở quận này, ở thôn nọ của phương đông thì ông ta không còn nhớ những gì đã xảy ra ở ba phương kia nữa. Trong dòng sanh tử cũng vậy, đời này tạo tác các hạnh nghiệp, rồi sanh qua đời sống khác, đã thọ thân khác liền sanh kiến thức mới, nên kiến thức cũ không thể hiện diện được. Bởi sáu thứ ấy ngăn che, trói buộc, nên không còn nhớ đời trước thì làm sao có sự báo tin!

- Hoặc như người thợ gốm nung đất để làm đồ dùng, do sức nóng của lửa đốt, miếng đất trở thành

Thích Giác Quả

tám ngói. Vậy ta có thể khiến tám ngói ấy trở thành cục đất được không?

+ Thưa, không thể được.

- Hoặc như một cây đại thọ bị đốn xuống, người ta cưa xẻ...làm thành hàng trăm loại đồ dùng. Nếu có người muốn tập hợp các tấm gỗ đã bị cưa và mọi vật dụng đã được hình thành, làm thành cây đại thọ như cũ có được không?

+ Thưa, không được.

- Hoặc như người thợ nấu cát thành màu hồng, rồi thành màu trắng như nước. Vậy ta có thể khiến màu trắng ấy trở thành cát được không?

+ Thưa, không được.

- Vấn đề sanh tử cũng thế. Người chưa ngộ đạo lý, chưa có đạo nhãn<sup>(24)</sup>, khi chết, thần thức biến chuyển theo nghiệp lực để thọ thân khác. Vì vậy,

---

<sup>24</sup> Đạo nhãn: Chính là Thiên nhãn. Sự thấy nhìn không bị chướng ngại nhờ công phu tu tập,

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

những kiến thức đời trước của họ, giờ đây đang bị che lấp trong bào thai, trong kiến thức mới, trong tập quán mới, nên không thể biết gì về đời trước được.

- Hoặc như nước được chứa trong bình tròn thì nước có hình tròn, nếu đổ nước qua bình vuông thì nước có hình vuông. Tùy theo vật chứa mà nước thay hình đổi dạng theo tướng trạng lớn nhỏ, vuông tròn. Vấn đề sanh tử cũng như thế. Tâm thức vốn không có tướng trạng cố định, chỉ tùy theo hành vi thiện ác mà thọ lãnh báo thân. Báo thân ấy đối diện với sự trắng-đen, dài-ngắn, khổ-vui, lành-dữ đều là sự hiện hành biến chuyển theo nghiệp lực cả. Như đời này, tâm thức của chúng ta đã tạo nhiều điều phi pháp, nên khi chết sẽ bị đọa làm súc sinh, bị khổ sở, mất tự do. Như vậy, làm sao nhớ được đời trước mà về báo tin!

## Thích Giác Quả

- Hoặc như con sùng sanh ở trong đất, không kêu, không có cánh; nhưng đúng thời tiết thì nó hoá thành con ve, ở trên cây kêu suốt ngày không dứt. Vậy ta có thể bảo con ve ấy trở thành con sùng để báo tin cho các con sùng khác đang ở dưới đất biết được không?

+ Thưa, không được. Con sùng đã biến đổi rời âm (đất) để sống trên dương khí, thân xác thay đổi dần cho đến ngày chết hay bị chim chóc bắt ăn thịt, chứ không thể trở lại thân con sùng được.

- Vấn đề sanh tử cũng như thế. Thân này chết rồi, thần thức biến chuyển để thọ thân mới, bị năm ám<sup>(25)</sup> ngăn che; nào kiến thức, nào tập quán đều biến đổi theo môi trường mới; cho đến ngày suy tàn, già chết, chứ không thể trở lại thân xác cũ với kiến thức cũ để báo tin cho người ta biết được.

---

<sup>25</sup> Năm ám (ngũ ám): Còn gọi là Ngũ uẩn. Gồm sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Là năm yếu tố hình thành cá thể mọi người.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Hoặc như miếng thịt sống để lâu ngày trở thành hôi thối, sanh ra trùng giòi. Vậy có thể khiến nó trở thành miếng thịt tươi được không?

+ Thưa, không được.

- Vấn đề sanh tử cũng như thế. Người thế gian thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác; khi chết thần thức của họ biến chuyển đọa vào địa ngục hoặc súc sinh. Khi ở trong cảnh giới mới lạ ấy thì sự thấy biết sẽ khác với đời trước, lại bị lưới tội trói buộc, chuyện cũ quên hết; nên không thể trở lại báo tin cho người ta biết được.

- Hoặc như đêm tối không trăng, mọi vật đều chìm trong đen tối, giả sử trong trăm ngàn vạn người, có một người nhìn vào trong đêm tối ấy, có thể phân biệt rõ ràng các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen của các vật được không?

## Thích Giác Quả

+ Dù ức triệu người nhìn vào đêm tối cũng chẳng thấy được gì, huống là phân biệt rõ ràng năm màu.

- Nếu có người cầm đuốc soi sáng rồi bảo nó nhìn xem. Vậy nó có thể thấy được không?

+ Có thể thấy được.

- Nếu có người ngu không cầm đuốc đi vào chỗ tối, càng đi xa càng thấy tối. Vậy, nó muốn thấy năm màu ấy được không?

+ Người ngu đã xây lưng với ánh sáng mà đi vào chỗ tối, nó đã đi xa ánh sáng nên không thể thấy được màu sắc.

- Các đệ tử! Chúng sanh ở trong dòng sanh tử tối tăm cũng như thế. Kể từ con người cho đến súc sinh, đã thọ thân xác đầy ngu si mờ ám, không có đạo hạnh, không hiểu được nguồn cội của thân

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

tâm, chưa có tuệ nhãn<sup>(26)</sup> mà nôn nóng muốn biết thần thức qua lại, thọ sanh trong dòng sanh tử và trở về báo tin, thì chẳng khác gì trong đêm tối mà muốn thấy rõ năm màu sắc. Trái lại, nếu ai biết học Kinh, trì Luật, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo Bồ-đề, giữ gìn tâm ý thanh tịnh; đây là người như kẻ cầm đuốc thấy rõ năm màu. Người nương theo giáo pháp của đức Phật có thể biết rõ dòng sanh tử và các cảnh giới thiện hay ác mà thần thức đã đi qua. Bên cạnh, những người không hiểu rõ thân tâm, chông bỏ Kinh, Luật, cuốn theo trần tục, tự ý buông lung, đoạn diệt chánh pháp, tâm không tin tưởng và thực hành pháp Phật; đây là người như kẻ ném đuốc mà đi vào chỗ tối, càng đi càng đen tối chẳng thấy gì cả.

---

<sup>26</sup> *Tuệ nhãn*: Mắt tuệ-do tu tập mà được. Là một trong năm mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

## Thích Giác Quả

- Các đệ tử! Các người chớ thuận theo tâm ý ngu si, phiền não mà nghi ngờ đạo lý chân chánh thanh tịnh. Nếu thuận theo tâm ý ngu si ấy, thì các người khó thoát khỏi những cảnh giới xấu ác, đọa đầy thống khổ. Ta đã cố ý dẫn dụ, giải thích rõ ràng; vậy, các người hãy tinh tấn phụng hành, đừng bao giờ lãng quên.

- Các đệ tử! Người đời với đôi mắt thịt nên chỉ thấy những việc trong hiện tại, mà không thể thấy mình từ đâu đến và sau khi già chết sẽ đi về đâu, sẽ thọ lãnh thân gì. Vì sao thế? Vì mỗi lần sống chết, thần thức biến chuyển theo mười hai nhân duyên, mà trong mười hai nhân duyên, ngu si (vô minh) là chủ yếu và mang tính chất u tối, nên một lần chuyển đổi là khó nhớ biết việc cũ. Như đem tấm vải màu trắng nhuộm thành các màu xanh, vàng, đỏ, tím thì tấm vải ấy

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

không thể trở lại màu trắng được. Sự sanh tử luôn biến chuyển cũng như thế. Tâm thức không có thể-tánh cố định, nó bị ảnh hưởng theo hạnh nghiệp mà biến đổi không ngừng. Hơn nữa, tâm ý của chúng sanh trong một đời, luôn niệm tưởng về mọi pháp, luôn nhớ nghĩ rất nhiều về các điều lành dữ báo ứng, hễ niệm mới sanh khởi thì niệm cũ tiêu diệt, chỉ có ngu si (vô minh) là thường hiện diện trong dòng sanh tử. Nếu ai muốn hiểu nguồn gốc sanh tử qua lại (luân hồi) thì hãy tinh tấn tu luyện thân tâm, tư duy nguồn cội vạn pháp, thâm nhập thanh tịnh (thiền định) thì có thể khai ngộ như giấc ngủ đã tỉnh thức.

- Các đệ tử! Thần thức bị ngu si đầu độc trong các việc thiện ác, nên khi chết thì lại tái sanh với các thân hình sai khác. Nếu không tạo tác thiện ác

## Thích Giác Quả

thì không thọ lãnh thân khác nữa, như lửa gặp củi thì còn, củi cháy hết thì lửa mất. Ý thức không chấp trước hành vi thiện ác thì không còn hình thức tái sinh nào nữa.

- Hoặc như tấm gương dơ bẩn không thể soi thấy gì được. Cũng vậy, tấm gương tâm thức bị ô uế ngăn che, biến chuyển sanh tử, bị dẫn dắt theo sự họa phúc tai ương, tràn đầy thảm khốc sợ hãi, nên chẳng soi thấy được gì trong đời trước. Như ao nước đục, dù có cá trạch trong ao cũng không trông thấy. Cũng vậy, ở trong sanh tử hỗn độn, bị mọi điều sầu đau, lo lắng ngăn che, nên khi một lần chuyển sanh đời khác là một lần quên hết đời trước. Như người nhắm mắt đi trong đêm tối, hoàn toàn chẳng trông thấy được gì. Cũng vậy, người đi trong đêm tối sanh tử, trôi dạt theo dòng họa phúc, phải gánh

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

chịu những điều vui mừng, đau khổ, không thể nhớ biết việc cũ đời trước.

- Các đệ tử! Ta dùng tuệ nhãn thanh tịnh soi thấy một cách rõ ràng rằng, hết thảy chúng sanh sanh tử qua lại trong ba cõi, khác nào nhìn rõ sợi chỉ hoặc xanh, hoặc vàng trong hạt ngọc thủy tinh lưu ly. Hoặc như nước trong có thể nhìn thấy đáy và thấy cả mọi loài thủy tộc. Đức Phật thấy chúng sanh sống chết trong năm đường<sup>(27)</sup> như người đứng cạnh chiếc cầu lớn thấy rõ mọi hành khách qua lại trên cầu. Hoặc như đứng trên núi cao nhìn thấy cả bốn phương xa gần. Với tuệ nhãn siêu việt, đức Phật thấy sự sanh tử của mọi loài cũng tương tự như vậy.

---

<sup>27</sup> Năm đường (Ngũ thú): Còn gọi là Ngũ đạo, Ngũ ác thú. Đó là năm đường ác dữ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Người và Trời (A-tu-la được xếp vào loài trời)

## Thích Giác Quả

Các đệ tử! Nếu tuân theo lời chỉ bảo của Ta thì sẽ biết rõ sự sanh tử trong muôn ngàn kiếp. Bằng cách thực hành ba mươi bảy pháp trọng yếu, đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Chánh đạo để diệt trừ sự ô uế của tự tâm, đoạn tận ba độc tham-sân-si, cắt đứt mọi nghi ngờ, khai mở trí tuệ như chư Phật, là có thể biết được mọi việc của quá khứ và vị lai.

- Các đệ tử! Người đời làm những điều thiện hoặc điều ác, sau khi chết đều có Quả báo tương xứng. Dù vậy, nhưng không ai biết được; bởi vì chưa có ba thứ tịnh nhãn<sup>(28)</sup>, và đang bị ngăn che bởi sáu căn<sup>(29)</sup>, nhìn với con mắt thịt, cứ làm theo những điều xấu xa, ô uế, đấm đuổi trong chốn

---

<sup>28</sup> *Ba tịnh nhãn* (Tam tịnh nhãn): Ba thứ mắt hay ba thứ thấy nhìn thanh tịnh. Đó là Thiên nhãn, Tuệ nhãn và Pháp nhãn.

<sup>29</sup> *Sáu căn* (Lục căn): Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỵ căn, Thiệt căn, Thân căn và Ý căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý)

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

ngu si, biến chuyển theo dòng sanh tử, bị chướng ngại bởi xác thân, nên rời xa việc cũ, say mê việc mới, mà không biết Quả báo tương xứng với hành nghiệp. Sự thật, ở đời có sự đón nhận phước đức, có sự đón nhận tai họa, hoặc tốt nhiều hay xấu nhiều. Đó chính là bảo chứng về sự báo tin (Quả báo) của các hành nghiệp trong quá khứ vậy.

Những người sanh ra từ chỗ ngu si, bị trói buộc trong sự nghi ngờ, không chút hành vi thanh tịnh mà muốn biết các việc đời trước và Quả báo tương xứng, khác gì kẻ không có tay mà muốn viết, kẻ không có mắt mà muốn nhìn. Đây là lý do mà đức Phật xuất thế giảng dạy kinh pháp để khai mở tâm ý cho mọi người. Ai là kẻ muốn biết rõ và hoán chuyển Nhân quả cho mình trong dòng sanh tử thì hãy tuân theo lời dạy của Phật mà thực hành chánh

## Thích Giác Quả

pháp, điều chỉnh tâm ý, luyện tập thiền quán, trau dồi trí tuệ, thì sẽ được kết quả như ý.

- Các đệ tử! Thần thức có tên gọi (danh) mà không có hình tướng, nó phụ thuộc vào bốn đại làm thể chất và các hành vi thiện ác. Khi mới sanh ra, thân hình bé nhỏ, sáu căn chưa hoàn bị, kiến thức nông cạn, hiểu biết hẹp hòi. Đến khi khôn lớn, sáu căn phong phú, tâm, thức huân tập các điều ái dục mỗi ngày mỗi nhiều; đến ngày yếu già, bốn đại hao mòn, sáu tình sút giảm, tâm, thức không còn minh mẫn. Chỉ trong một đời hiện tại mà thay đổi thường xuyên, sau không giống trước, kiến thức của tuổi trẻ hầu như bị lãng quên khi tuổi già đến, huống gì là nhiều đời cách biệt, thai âm ngăn che, tà hạnh mê lầm, chưa đạt đạo lý mà mong biết sau khi chết trở lại báo tin. Sự mong

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

muốn ấy khác gì kẻ xâu kim trong đêm tối, kẻ tìm lửa ở trong nước.

Vậy, các đệ tử hãy tinh tấn thực hành giới pháp, tư duy sâu sắc nguồn gốc: Sanh tử từ đâu đến và sẽ về đâu? Do Nhân gì mà có sự qua lại? Do duyên gì mà phải sanh tử? Suy tư thật kỹ tự tánh vô ngã của các pháp thì mọi sự nghi ngờ tức khắc tự giải.

Khi đức Phật giảng kinh này xong, năm trăm vị Tỷ-kheo và Ưu-bà-tắc đều được Kiến đạo<sup>(30)</sup>, các hàng Bồ-tát đều chứng Bất thối Tam-muội<sup>(31)</sup>, Đại chúng đứng dậy nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi đánh lễ Ngài sát đất, sau đó theo đức Phật trở về Tịnh xá.

<sup>30</sup> Kiến đạo: Thấy rõ con đường dẫn đến Niết-bàn. Là một trong ba Đạo: Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo.

<sup>31</sup> Bất thối tam-muội: Chánh định không còn thối chuyển.





Ở trước, các kinh do bút giả dịch hay do các bậc Tôn Túc dịch tất cả đều trình bày về Nhân quả tội phước, riêng kinh *Kiến Chánh* dù vẫn nói về Nhân quả nhưng trọng tâm là diễn bày quy trình luân hồi của con người nói riêng và mọi loài mọi vật nói chung. Đại để, hệ Nhân quả trong các kinh đều chọn con người làm trung tâm, hoặc trình bày đời này con người tạo Nhân thiện hay ác thì đời sau sẽ đón nhận Quả báo thiện hay ác tương xứng, hoặc trình bày đời này con người đang đón nhận Quả báo tốt hay xấu là tương xứng với Nhân thiện hay ác mà họ đã tạo đời trước; tức trình bày Nhân quả tương quan ba đời – hiện tại với tương lai, hiện tại với quá khứ.

Qua Nhân quả mà Thế Tôn đã dạy trong các kinh được dịch và trích dẫn trên cũng đủ minh

## PHỤ LỤC I

### Những Mê Tín Hiện Hữu Trong Tứ Chúng

## Thích Giác Quả

chứng rằng hết thảy mọi sự tốt đẹp hay xấu xa, hạnh phúc hay đau khổ... xảy ra mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày trong đời sống con người, tất cả những hiện tượng đó hoàn toàn không phải ngẫu nhiên, không do số mệnh, định mệnh, thiên mệnh, hay do một vị Thần linh, một đấng sáng thế ban phước giáng họa, mà chính là những Quả báo mà mỗi người đã gieo Nhân trong quá khứ hoặc đời này hay những đời trước; đây là sự thật của đời sống con người và đời sống của mọi chúng sanh. Đến với đạo Phật để học hỏi các sự thật, hiểu đúng sự thật ấy, tin đúng sự thật ấy và trên hết là sống đúng sự thật ấy nhằm thăng hoa đời mình từ cõi người lên cõi trời, lên các cõi Thánh, lên các cõi Bồ-tát, để cuối cùng đạt được quả vị Phật-đà; hoặc từ cõi người tu Nhân để được Quả báo vãng sanh

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Cực Lạc hầu con đường chúng quả Phật-đà dễ dàng nhanh chóng hơn.

Thế nhưng, thật đáng tiếc! Hiện tại đa phần Phật tử tại gia và một số vị xuất gia đã tin và sống với những tín ngưỡng hoàn toàn phi Nhân quả, phi Phật giáo để đời mình trôi theo tà kiến, tà tín, tà hạnh mâu thuẫn với lời thệ nguyện khi thọ Tam quy trước Tam Bảo và trái với nguyên lý Nhân quả. Cụ thể những vị ấy tin và sống với: *Dâng sao giải hạn, trừ tà trị diên, cúng quan sát thành thai, cúng bái am đền, hầu đồng sai vía sai phan, xin xăm bói quẻ, đoán tử vi, xem chỉ tay chân, đoán tướng mặt tướng người, bảm độn bói bài, thờ thần tài thổ địa, thờ trang ông trang bà, thế sanh mạng bằng ảnh hay nộm, đốt vàng mã cho người âm, tin đau ốm do người âm quở trách...*, những niềm tin,

Thích Giác Quả

những hành hoạt tương tự như trên rất đa dạng, tại đây bút giả chỉ trưng dẫn một số tiêu biểu mà thôi.

Dưới đây bút giả sẽ luận giải bốn hiện tượng mê tín là “*Dâng sao giải hạn*”, “*Xin xăm bói quẻ*”, “*Đốt vàng mã*”, “*Tin đau ốm do người âm quở trách*” đại diện cho hết thảy mê tín đang có mặt trong Phật giáo và cuộc đời.

## VI-1. Dâng Sao Giải Hạn

### 1- Khái lược nội dung:

Sách sao hạn<sup>32</sup> ghi rằng con người từ 10 tuổi trở lên<sup>33</sup> mỗi năm có một thần sao chiếu mạng, dù gặp sao nào thì năm ấy vẫn có một hoặc hai tháng bị hạn, đa phần là hạn xấu. Cụ thể, có tất cả chín thần sao danh xưng là: *thần La Hầu, Thổ Tú, Thủy Diệu, Thái Bạch, Thái Dương, Văn Hán, Kế Đô*,

<sup>32</sup> - Không ghi tên tác giả.

<sup>33</sup> - Sách ghi từ 10 đến 90 tuổi.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*Thái Âm và thần Mộc Đức*; trong chín sao này chỉ có sao Mộc Đức là hạn tốt, tám sao còn lại đều là hạn xấu, chỉ sai khác xấu ít hay nhiều mà thôi.

Điều này trong “*Cửu Tinh Thi*” diễn tả:

*La Hầu chánh, thất kiến hung tai,  
Thổ Tú, Thủy Diệu tứ, bát ai,  
Thái Bạch kim tinh ngũ nguyệt kỵ,  
Thái Dương lục, cửu thất tiền tài,  
Văn Hán nhị, bát đa hao tổn,  
Kế Đô tam, cửu mạng thương tai,  
Thái Âm ngũ, thập nhất ưu hoạn,  
Mộc Đức thập nhị quý nhân lai.*

*Tạm dịch:*

(Gặp sao) *La Hầu*, tháng giêng, tháng bảy bị tai họa hung hiểm,

(Gặp sao) *Thổ Tú, Thủy Diệu* tháng tư, tháng tám bị sầu khổ đau thương,

## Thích Giác Quả

(Gặp sao) *Thái Bạch*, tháng năm bị ganh ghét đố kỵ,

(Gặp sao) *Thái Dương*, tháng sáu, tháng chín hao tổn tiền tài,

(Gặp sao) *Vân Hán*, tháng hai, tháng tám bị nhiều hư hao tổn hại,

(Gặp sao) *Kế Đô*, tháng ba, tháng chín thân mạng bị thương tích, đau ốm, tai họa,

(Gặp sao) *Thái Âm*, tháng năm, tháng mười một bị sầu lo hoạn nạn,

(Gặp sao) *Mộc Đức*, tháng mười hai được hội ngộ quý nhân.

Ý nghĩa bài thơ trên là nội dung chủ yếu để những người tin theo sao hạn lấy làm căn cứ, để năm nào ai gặp sao gì thì cúng thần sao, giải hạn sao và kiêng cử các tháng hạn của sao ấy.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Ngoài niềm tin thần sao, thần hạn nói trên (sao-hạn), họ còn tin năm ấy thuộc cung nào trong tám cung (Bát quái) và thần hạn gì trong các hạn (cung-hạn). Nội dung của tám cung là *cung Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn* và *cung Đoài*; về hạn thì có các thần như *Huỳnh Tuyên thần quan, Thái Sơn thần quan, Mộc Ách thần quan, Toán Tận Mộc Ách thần quan, Cát Lợi Mộc Ách thần quan, Nhập Mộ Kim Lâu thần quan, Toán Tận Nhập Mộ thần quan, Thái Sơn Kim Lâu thần quan, Huỳnh Tuyên Nhập Mộ thần quan.v.v.*<sup>34</sup> Qua nội dung trên, ví dụ một người hai mươi tuổi thì gặp sao-hạn và cung hạn<sup>35</sup> như sau:

<sup>34</sup> - Thật sự những người tin và xin cúng sao hạn chẳng mấy người hiểu rõ sao-hạn và cung-hạn.

<sup>35</sup> - Cùng tuổi nhưng sao-hạn và cung-hạn nam nữ khác nhau.

## Thích Giác Quả

- *Nam giới*: Gặp thần sao *Thổ Tú*, hạn tháng tư tháng tám; *cung Khâm*, thần hạn *Toán Tận Kim Lôu*.

- *Nữ giới*: Gặp thần sao *Vân Hán*, hạn tháng hai tháng tám; *cung Ly*, thần hạn *Cát Lợi Kim Lôu*.

Tóm lại, ở trên là nội dung khái quát về sao-hạn và cung-hạn được ghi trong sách sao-hạn, đây là cơ sở để những vị chủ trương cúng sao-hạn xác định sao-hạn cho những gia chủ xin dâng sao giải hạn vào đầu mỗi năm (phổ biến là ngày 15 tháng giêng).

### **2- Luận giải.**

Trước hết, *sao-hạn* vốn không phải giáo lý Phật giáo nên không nằm trong nội dung của Tam tạng kinh điển.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

-Nếu người chủ trương *cúng sao-hạn* và người *xin dâng sao giải hạn* không phải đệ tử Phật, tại đây không bàn đến.

-Trái lại, người cúng và người xin cúng là Phật tử, đây là điều rất đáng buồn và cần được bàn rõ.

+ *Thứ nhất*, gọi là Phật tử tức người ấy đã phát nguyện thọ trì Tam quy y, nghĩa là phát nguyện trở về nương tựa ba ngôi tôn quý Phật-Pháp-Tăng, đây là nhân tố tối thiểu để một người ngoài đạo Phật trở thành đệ tử của Phật. Và trong lễ Quy y, sau khi đã thọ Tam quy y người Phật tử ấy cũng đã phát Ba thế nguyện (Tam nguyện), cụ thể:

- Đệ tử đã quy y Phật (đã trở về nương tựa Phật) nguyện suốt đời không quy y trời, thần, quỷ, vật.

## Thích Giác Quả

- Đệ tử đã quy y Pháp (đã trở về nương tựa Pháp) nguyện suốt đời không quy y tà giáo ngoại đạo.
- Đệ tử đã quy y Tăng (đã trở về nương tựa Tăng) nguyện suốt đời không quy y tà sư, bè phái xấu ác.

Phát Ba thệ nguyện khi đang quy y này gọi là Nhân, trọn đời giữ nghiêm túc Ba thệ nguyện ấy gọi là Duyên, do Nhân và Duyên đều Thiện nên sau khi lâm chung được Quả báo là không bị đọa vào Ba đường ác dữ, gọi là Tam cát; cụ thể:

- Đệ tử đã quy y Phật không đọa địa ngục.
- Đệ tử đã quy y Pháp không đọa ngã quỷ.
- Đệ tử đã quy y Tăng không đọa bàng sanh (súc sinh).

Như thế, một người đã quy y là đã tuân tự thực hiện ba nội dung: thọ nhận Ba quy y Phật-Pháp-

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Tăng, phát Ba thệ nguyện và tiếp nhận Ba cát (ba điều tốt đẹp) trong tương lai; chính do thành tâm trước, trong và sau khi quy y, người ấy trở thành một Phật tử Chánh tín nằm trong hàng Tứ chúng đệ tử đức Phật. Thế thì, *một Phật tử mà tự mình chủ trương tin sao-hạn, trực tiếp chủ lễ cúng sao-hạn và xin được dâng sao giải hạn là trái ngược với nội dung đã quy y*, và vô hình trung tự phủ nhận sự quy y của mình, trở lại quy y (nương tựa) những chúng sanh trong sáu loài ba cõi. Với hành hoạt này, người đã quy y tự đánh mất “Tam cát” của mình ở đời sau, không được lợi ích thoát khỏi tam đồ ác đạo; đồng thời, hiện tại không được Tam Bảo gia hộ nên không đủ Nhân và Duyên tu tập những giáo lý Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa v.v. để tương lai đạt những Quả báo tốt đẹp như được làm người, được sanh lên các cõi

## Thích Giác Quả

trời, được chúng bốn quả Thánh (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán).v.v. Mặt khác, một người vừa quy y Tam Bảo vừa quy thần sao thần hạn và các quỷ thần khác thì kiến thức người này là tà kiến, niềm tin người này là tà tín, hành hoạt người này là tà hạnh, người này đang sống với tư tưởng đa thần – một hệ tư tưởng ngoại đạo, tư tưởng dễ mãi bị trôi lăn trong thế giới tà kiến thần quyền.

+ *Thứ hai*, đứng trên nguyên lý Nhân quả để nhận định, khái lược có hai điểm chính:

- *Điểm thứ nhất*: Người *tin sao-hạn* và *sống với sao-hạn* tức đang tạo Nhân (hay chủng tử) để đời sau lại nhận Quả báo làm con dân của ma, tiếp tục chịu khổ đau trong tử sanh mê muội của vòng luân hồi.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- *Điểm thứ hai*: Tương hệ của đạo lý Nhân quả là “*tự tác tự thọ*” – ai làm gì thì chính người ấy đón nhận kết quả của hành động ấy. Trên sự thật này, không ai có thể thay đổi Nhân quả cho một người khác, trừ chính người ấy tự đổi thay Nhân quả cho mình (biệt nghiệp); do thế, đạo lý Nhân quả phủ quyết hoàn toàn sự ban phước giáng họa của bất cứ người nào, vị nào trên thế gian này; bên cạnh, cũng phủ quyết quan điểm “*người này tạo Nhân mà người kia nhận Quả*”.

Tóm lại, một Phật tử mà tin tưởng và cúng bái thần sao, thần hạn là tự phủ nhận lý tưởng đã quy y Tam Bảo và tự hủy bỏ “Tam cát” của mình trong đời sau, để trở về với đường xưa lối cũ tiếp tục nương tựa trời thần quỷ vật, sống theo lý thuyết cong queo ngược trái của ngoại đạo, qua sự dẫn dắt của các tà sư và bè bạn bất thiện, do vậy sẽ

## Thích Giác Quả

đón nhận Quả báo xấu ác trong tương lai. Bên cạnh, tin tưởng trời thần quý vật sẽ ban phước lộc, trừ tai họa cho bản thân và gia đình là điều không thể xảy ra vì sai sự thật Nhân quả, nếu không kịp giác tỉnh thì sẽ đi mãi trong đêm dài tăm tối khó có cơ hội trở về với Tam Bảo. Cần nói thêm, trong kinh điển Phật giáo chỉ đề cập đến “*thiên thần*” (thần ở cõi trời) và “*địa thần*” (thần ở mặt đất), chứ không có chỗ nào nói đến thần sao (tinh quân). Cụ thể:

- Về thiên thần có những loại thần như *A-tu-la*, *Khẩn-na-la*, *Càn-thát-bà*.v.v.

- Về địa thần có các vị như *thần thổ địa*, *thần cây*, *thần núi*, *thần sông*.v.v.

Ngoài ra, với sự phát triển của ngành Thiên văn học trong thế kỷ XX, trừ sao Thái Dương (mặt trời) và sao Thái Âm (mặt trăng), các nhà thiên

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

văn đã phát hiện thêm các sao (hành tinh) như sao Kim, sao Mộc, sao Thủy, sao Hỏa, sao Thổ, sao Thiên vương thuộc Thái Dương hệ, và vô số các sao xa xôi của dãy Ngân hà, Thiên hà. Bên cạnh, khoảng 20 năm trở lại, ngành Thiên văn học phát triển rất đáng kể. Theo bảng kê khai từ trang Web [Wikipedia.org/exoplanet](http://Wikipedia.org/exoplanet) có khoảng 650 ngoại hành tinh (exoplanets) đã được phát hiện, trong đó có những hành tinh có bầu khí quyển và nhiệt độ như hành tinh của chúng ta; thí dụ như hành tinh Gliese581e. Cũng theo trang Web Wikipedia, trong thời gian gần đây, Giáo sư ngành Thiên văn Matthew Bailes tại Swinburne University of Technology ở Melbourne đã khám phá một hành tinh bằng kim cương (vốn do từ những phản ứng của hóa chất hữu cơ Carbon hình thành). Hành tinh quay chung quanh ngôi sao Trung hòa tử



Thích Giác Quả

(Neutron star) và cách hành tinh của chúng ta khoảng 4000 năm ánh sáng!

Tự trung, với sự thấy biết (Nhất thiết trí) của đức Thế Tôn, cộng thêm sự phát hiện của ngành Thiên văn học cận đại và hiện đại, là cơ sở để phủ quyết thần sao-hạn tuyệt đối không thật có, đây chỉ là niềm tin máy móc không có bảo chứng của những người thiếu trách nhiệm với tự thân và xã hội.

## **VI-2. Hầu Xăm, Bói Quẻ (Kể cả bói bài, đoán tử vi, xem chỉ tay...)**

### **1- Khái lược nội dung:**

*Hầu xăm, bói quẻ...* là hành hoạt của những người tin rằng xăm, quẻ... có khả năng báo trước các điều tốt (cát), xấu (hung) của cá nhân, gia đình hay dòng họ.v.v. Do đó, khi họ gặp một sự kiện

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

bất trắc nghi ngại, hay sắp thực hiện một điều gì, hoặc muốn tìm hiểu về tương lai như thế nào... họ đến các am, đền, chùa (một số chùa vẫn còn sử dụng xăm Quán Âm hoặc xăm Quan Thánh) để *hầu xăm, bói quẻ*; hoặc đến những người chuyên chăm , *đoán tử vi, bói bài...* để được chỉ bảo, sau đó họ căn cứ vào lời mách bảo ấy để có thái độ xuất xử, nếu tốt thì vui mừng, chờ đợi hoặc thực hiện, nếu xấu thì buồn lo, tìm cách né tránh hoặc cầu đảo.

Xét về xăm thì có *xăm Quán Âm, xăm Thánh Mẫu, xăm Quan Thánh* (Quan Công).v.v. Về quẻ thì có *quẻ Bát quái, quẻ Khổng Minh, quẻ Âm dương* (hai đồng tiền xua).v.v.

Nếu hầu xăm , căn cứ thẻ xăm xin được để tìm số trang trong sách xăm, thầy đoán xăm dựa vào ý nghĩa bài văn trong trang ấy để luận đoán. Nếu bói

## Thích Giác Quả

quẻ, chẳng hạn như quẻ Khổng Minh , người xin quẻ bốc tuần tự ba số trong hộp số (gồm 10 số từ số 0 đến số 9), ví dụ bốc được ba số 475, thầy đoán quẻ sẽ căn cứ ba số này để tìm câu tương ứng trong sách Khổng Minh, rồi dựa vào ý nghĩa của câu đó để luận đoán.v.v.

### **2- Luận giải.**

Nội dung của *xăm, quẻ, tử vi.v.v.* hoàn toàn không phải giáo lý Phật giáo ; do vậy , một Phật tử mà tin tưởng và thực hiện các nội dung ấy thì cần được bàn rõ.

- *Thứ nhất*, người Phật tử đó đã sống mâu thuẫn với ba lời thệ nguyện (Tam nguyện) sau khi vừa thọ nhận Tam quy y trong lễ quy y, nên sẽ không gặp được ba điều đại lợi ích (Tam cát) sau khi lâm chung; đồng thời , trong hiện tại và tương lai

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

người này luôn sống trong bất an của mê tín và Quả báo sẽ tương ứng với hành động mê tín đó.

- *Thứ hai*, trên sự thật của Nhân quả, dù bói toán đúng hay sai vẫn không thay đổi được Quả báo đã chín muồi mà người ấy phải đón nhận. Nói cách khác, *xăm, quẻ, bói toán...* không phải nhân tố chánh kiến hiền thiện để hóa giải và chuyển đổi Nhân quả xấu thành Nhân quả tốt , trái lại người ấy đang tạo Nhân mê tín để nhận Quả mê tín trong tương lai. Mặt khác, *tin tưởng xăm, quẻ, bói toán...* là tin vào định mệnh, thiên mệnh trái ngược với giáo lý Nhân quả Nghiệp báo của Phật giáo.

### **VI-3. Đốt Vàng Mã.**

#### **1- Khái lược nội dung.**

## Thích Giác Quả

*Vàng mã* thì ai cũng biết, đó là những vật dụng làm bằng giấy (hoặc sừn tre dán giấy) lấy theo mẫu mã những vật dụng con người sử dụng hằng ngày, như áo quần, giày giép, dù mũ, rương tráp, đồng tiền, vàng bạc, ngựa, voi, cung tên, cây đại thọ, nộm, ảnh...; gần đây lại ra đời thêm các loại mới, như tiền Việt âm phủ, tiền đô-la âm phủ, xe máy, xe hơi, điện thoại di động, nhà lầu, tàu thủy.v.v.

Xưa nay, đa phần những người *đốt vàng mã* tại Việt Nam quan niệm khái quát rằng “*sống tạm thác về*”<sup>36</sup> - sống trên dương gian là sống tạm thời, sau khi chết mới trở về quê hương âm phủ sống chung miên viễn với tổ tiên ông bà, thân quyến nội ngoại... đã chết; tại Trung Hoa họ lại có quan

---

<sup>36</sup> - Một số người đốt vàng mã do ảnh hưởng ông bà cha mẹ chứ không có quan điểm gì cả.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

niệm tất cả người chết đều biến thành quỷ<sup>37</sup>, đồng thời họ nghĩ rằng cuộc sống trên dương gian như thế nào thì cuộc sống dưới âm phủ cũng tương tự như thế, do vậy họ dùng những vật dụng *vàng mã* đốt cho những người đã chết tiêu dùng. Thông thường *vàng mã* được đốt vào các dịp như ngày tang lễ, ngày giỗ, ngày tảo mộ (chạp mã), lễ cầu siêu, lễ tưởng niệm, ngày tế lễ, ngày trả lễ, các lễ cầu đảo.v.v.

### **2- Luận giải.**

Trước khi luận giải việc *đốt vàng mã*, mời quý độc giả tham khảo ba bài dưới đây của ba tác giả để nắm rõ nguồn gốc của hiện tượng ấy.



---

<sup>37</sup> - Bởi ảnh hưởng từ “Kinh Hoàn Thọ Sanh” do người Trung Hoa sáng tác.

Phàm ở đời, cái gì cũng phải có nguyên nhân mới có kết quả, dưới đây sẽ biện bạch rõ cái nguyên nhân của tục *đốt vàng mã*.

Đọc kinh Dịch nhà Nho, chúng ta thấy rằng: Tục chôn người chết của nước Tàu về đời thượng cổ, một khi có người chết cứ để thể đem chôn, không quan, không ván, lại cũng không khăn phủ mộ chi cả. Đến đời vua Hoàng đế (2679 TTL.) cho rằng: Con cháu đối với ông bà, cha mẹ trong việc mai táng cầu thả như thế là thiếu bổn phận, mới sai ông Xích Xương sáng chế ra quan, quách để chôn cất. Trải qua đời Hoàng đế đến đời Đường Ngu, cái lệ tục chôn cất người chết chỉ có thể thôi.

Nổi nhà Ngu là nhà Hạ (2205 TTL.), người Tàu mới bắt đầu dùng đất sét nặn làm mâm bát, dùng tre gỗ làm nhạc khí, như chuông khánh, đàn

## **Bài Một: Nguyên Nhân Tục Đốt Vàng Mã**

*Hòa Thượng Tố Liên*<sup>38</sup>

---

<sup>38</sup> - HT. Tố Liên: Một vị danh Tăng trong phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Bắc nói riêng.

## Thích Giác Quả

sáo v.v... để đem theo người chết. Các đồ vật đó được gọi là *minh khí*, hoặc gọi là *quý khí*, tức là những đồ vật đem chôn theo cho thần hồn người chết dùng ở âm phủ, lễ nhạc đối với người chết bắt đầu có từ đây. Rồi đã chế ra đồ dùng cho người chết, tất phải có người hầu hạ người chết, người ta mới lại chế ra người bù nhìn bằng gỗ đem chôn theo với người chết. Đến đời nhà Ân (1765 TTL.), lại không dùng mâm bát đồ đất và nhạc khí bằng tre gỗ để chôn theo người chết nữa. Thay vào cái đồ tế khí, dùng toàn đồ thật chôn theo.

Đời nhà Chu (1122 TTL.), người Tàu đã bắt đầu văn minh; Cố nhiên lễ nhạc đối với người chết cũng được ăn nhịp mà tiến bộ, giữa người chết với người chết đã được người sống phân ra giai cấp sang, hèn trong việc lễ nghi chôn cất. Số là từ vua cho đến các quan lớn khi chết đi, sẽ được dùng cả

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

đồ vật giả theo lệ nhà Hạ, đồ vật thật theo lệ nhà Ân để đem theo các vua chúa đã chết, còn từ hạng sĩ phu tới bình dân, khi chết chỉ được chôn theo một thứ đồ giả thôi. Nếu người hèn hạ nào mà dùng nghi lễ ngang với người sang tức khắc phải tội "*Tiếm lễ*". Không những thế mà thôi, đã man nhất, độc ác nhất là người ta còn bịa đặt ra những "*Tuần Táng*", nghĩa là khi các vua và các quan lớn chết đi, từ vợ con đến bộ hạ của các vua, các quan lớn, đồ yêu quý khi còn sống sẽ phải đem chôn sống để làm đồ dùng khi đã chết. Việc này chúng ta được thấy sự thật đã chép ở sách *Tả Truyện* rằng:

"Đời vua Văn Công thứ 6, vua Tân Mục Công tên là Hiếu Nhân chết, ba anh em họ Tư-xa là Yểm Tục, Trọng Hành và Chàm Hồ đều bị chôn sống theo Mục Công, vì Mục Công khi còn sống,

## Thích Giác Quả

*yêu quý nhất ba anh em họ Tứ-xa*”. Người trong nước tỏ lòng thương tiếc ba anh em họ Tứ-xa là người hiền đức, mới làm ra thơ *Hoàng Diệu* để tỏ ý than vãn, mỉa mai. Trong thơ đại ý nói: “*Ba anh em họ Tứ-xa đều là người hiền đức gấp trăm nghìn người khác, trời đất ơi! Sao nỡ đem chôn sống để đi theo với người đã tận số là Mục Công. Nếu ba trăm người như chúng tôi này được chết theo Mục Công để thế mệnh cho ba người hiền đức ấy, chúng tôi rất vui lòng mà chết thay*”. Về sau người ta cũng biết đem người sống chôn theo với người chết là vô nhân đạo, mới chế ra người cở “*Sô linh*”, sau vì người cở không được mỹ thuật, người ta lại dùng đồ gỗ “*Mộc ngẫu*” như trước. Sách *Trang Tử* chép rằng: “*Vua Mục Vương nhà Chu (1001 TTL.) có người tên là Yến Sư chế ra người gỗ để chôn theo người chết*”. Đức Khổng

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Tử đọc đến chuyện này liền nổi lòng phẫn uất mà thông mạ rằng: “*Kẻ nào sinh ra tục chôn người gỗ theo với người chết là bất nhân*”. Thầy Mạnh Tử cũng ác cảm với tục hình nhân thế mệnh mà nguyên một câu đọc rằng: “*Kẻ nào dùng người bù nhìn là tuyệt tự*”.

Đến đời nhà Hán, giới trí thức Nho học cảm động với lời tuyệt cự thông thiết của ngài Khổng, Mạnh trong tục lệ dùng người sống chôn theo với người chết, mới bỏ tục lệ “*Tuấn Táng*”, không dùng người sống chôn theo với người chết nữa, nhưng lại làm ra nhà mồ để cho vợ, con, tôi, tớ người đã chết ra để áp mộ. Còn các thức đồ ăn, mặc, đồ dùng của người chết kia, khi còn sống dùng những thức gì, khi chết cũng đem chôn theo hết. Ngôi nhà mồ kia muốn cho thêm oai vẻ ,

Thích Giác Quả

người ta lại đục phỗng đá hình voi, ngựa để bài trí chung quanh phân mộ nữa.

Đến đây chúng ta sẽ lại tìm thấy *nguyên nhân của tục đốt vàng mã giấy*. Đời Hán Hoa đến năm Nguyên Hưng nguyên niên (105TL), ông Thái Lĩnh bắt đầu lấy vỏ cây dó và dẻ rách, lưới rách đem chế ra giấy, vì đã có giấy, ông Vương Dũ liền chế ra vàng bạc, quần áo .v.v. đều bằng đồ giấy để cúng rồi đốt đi để thay thế cho vàng bạc và đồ dùng thật trong khi tang ma, tế lễ. Sách “*Thông giám cương mục*” có chép: “*Vì Huyền Tôn mê thuật quỷ thần mới dùng ông Vương Dũ làm quan Thái Thường học sĩ để coi việc chế vàng mã dùng trong khi nhà vua có tế lễ*”. Chúng ta có thể liệt Vương Dũ vào hạng Thủy tổ nghề vàng mã được.

Đức Phật Thích Ca Ngài không hề dạy *đốt vàng mã* để cúng gia tiên. Tại sao ngày rằm tháng

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

bảy là ngày lễ trọng thể của Phật giáo mà thấy một số tín đồ nhà Phật đốt rất nhiều *vàng mã* để kính biểu gia tiên? Chính ý nghĩa ngày rằm tháng bảy của Phật giáo là thế này: Ngài Mục Kiền Liên là bậc đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca. Ngài đã tu chứng được 6 phép thần thông, mắt trông thấy thân mẫu Ngài là bà Thanh Đề phải đày đoạ ở địa ngục, mà Ngài không sao cứu được mới cầu cứu đến Đức Phật. Đức Phật dạy rằng: “*Dẫu ông thần thông đến đâu chẳng nữa, cũng không có thể cứu được tội nghiệp của thân mẫu ông, phải nhờ đến công đức tu hành của chư Tăng mới cứu được tội nghiệp cho thân mẫu của ông được*. Ngày rằm tháng bảy sắp tới đây, nó sẽ là ngày của chư Phật hoan hỷ, ngày của chư Tăng hành đạo tự tứ. Ông phải chí thành sắm lễ nghi trai đàn đem dâng

Thích Giác Quả

*cúng dàng chư Tăng. Các Ngài sẽ cầu nguyện cho thân mẫu ông được giải thoát.”*

Chính ý nghĩa của ngày rằm tháng bảy chỉ có thể thôi, không hơn không kém. Chúng ta có ai thấy Phật dạy *đốt vàng mã* cúng gia tiên về ngày rằm tháng bảy đâu? Tại sao lại có tục lệ mê tín dị đoan ấy? Nguyên nhân *đốt vàng mã* vào ngày rằm tháng bảy là thế này: Triều vua Đạt Tôn nhà Đường (762TL) nhằm lúc Phật giáo cực thịnh ở Tàu, vị sư tên là Đạo Tăng, muốn cho dân chúng Tàu vì ngày rằm tháng bảy mà bông bột theo Phật giáo, bèn lợi dụng tục *đốt vàng mã* của nhân dân Tàu vào tâu với vua Đạt Tôn rằng: Rằm tháng bảy là ngày vua Diêm vương ở âm phủ xét tội phúc thăng trầm, nhà vua nên thông sức cho thiên hạ, trong việc lễ cúng gia tiên vào ngày rằm tháng bảy

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

nên đốt nhiều vàng mã để cúng biếu các vong nhân dùng.

Vua Đạt Tôn đương muốn được lòng dân nên rất hợp ý với lời tâu của Đạo Tăng liền hạ chiếu cho thiên hạ, thế là nhân dân nước Tàu lại được dịp thi nhau *đốt vàng mã* vào ngày 15 tháng 7 để kính biếu gia tiên. Nhưng chẳng bao lâu lại bị chư Tăng công kích bài trừ về việc *đốt vàng mã* vào ngày trọng lễ của Phật giáo làm cho cái lệ ngày 15 tháng 7 không còn có chính nghĩa nữa. Phần lớn dân chúng Tàu hồi đó, hầu tinh ngộ cùng nhau bỏ tục *đốt vàng mã* làm cho các nhà chuyên sinh sống về nghề nghiệp vàng mã gần như bị thất nghiệp, nhất là người Vương Luân dòng dõi của Vương Dũ là đã bịa đặt chế ra đồ *vàng mã*. Vương Luân mới bàn cùng với các bạn đồng nghiệp âm mưu phục hưng lại nghề nghiệp hàng mã trong



## Thích Giác Quả

bọn họ. Một người giả cách ồm mấy hôm, rồi tin chết được loan ra, còn cái xác giả chết kia lập tức được khâm liệm vào quan tài, đã có lỗ hồng và sẵn sàng thức ăn, nước uống. Đương khi mọi người họ Mạc đến thăm viếng đông đúc, Vương Luân với một lũ người tát tưới đem trăm nghìn thứ *đồ mã* đến, có cả hình nhân thế mệnh nữa. Đem đến để làm gì? Bầy đàn cúng các quan thiên phủ, địa phủ và nhân phủ. Chả! Chả! Phép quý thần màu nhiệm quá nhỉ! Thiêng liêng quá nhỉ! Khi mọi người đương suýt xoa khấn khứa, bỗng trăm nghìn mắt như một, trông thấy hai năm rõ mười, cỗ quan tài rung động lên. Bấy giờ, Vương Luân đã đứng sẵn bên quan tài, liền mở nắp quan tài ra. Chàng giả cách chết kia cũng lò dò ngồi dậy, giả vờ lù dù, trông trước, trông sau, mới bước từ từ ra khỏi quan tài! Với một điệu bộ như người chết đi sống

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

lại, rồi thuật lại chuyện với công chúng rằng: "*Các thần thánh trong tam, tứ phủ vừa nhận được hình nhân thế mệnh cho tôi, với tiền bạc và đồ mã, nên mới tha cho ba hồn bảy vía của tôi được phục sinh về nhân thế*". Công chúng lúc đó ai cũng tưởng thật, cho rằng hình nhân có thể thế mệnh được và thánh thần trong tam, tứ phủ cùng ăn lễ đồ mã, tăng phúc, giảm tội và cho tăng thêm tuổi thọ. Từ đấy các nghề hàng mã lại được phục hưng một cách nhanh chóng vì không những linh hồn các gia tiên dùng *vàng mã*, mà đến cả thiên, địa, quý, thần trong tam, tứ phủ cũng tiêu dùng đồ, thì hẳn nhiên là *vàng mã* phải đắt hàng. Chuyện này còn chép rõ ràng ở sách *Trực Ngôn Cảnh Giáo*.

Như thế, chúng ta nên thẳng thắn nhìn nhận rằng: Bịa đặt ra tục mê tín, dị đoan, làm hình nhân thế mạng vào lễ tam, tứ phủ để đầu độc mê

Thích Giác Quả

tín đến ngày nay là bắt đầu từ người Vương Luân. Người Trung Hoa đã bị cái bả mê tín *vàng mã* do Vương Luân đầu độc đến nay đã được 1847 năm (1052-1952). Dân tộc Việt Nam chúng ta mê tín cũng chẳng kém thế, nhưng vì trước đây, chúng ta bị họ đô hộ hơn 1.000 năm. Phong tục của người họ như thế nào, người mình cũng dập theo đúng khuôn khổ như vậy, bất luận hay, dở, phải, trái, tà, chính. Đó là do cái tính cầu thả, phụ họa của người mình. Nếu chúng ta đã thừa nhận tinh thần của dân tộc Việt Nam đều nhờ Phật giáo và Nho giáo đào tạo nên, vậy thì xin hỏi giới trí thức Việt Nam: Hiện tại có ai tìm thấy Phật giáo và Nho giáo dạy về thuyết *đốt Vàng mã* ở kinh sách nào? Nếu các Ngài tìm thấy, bản Tăng này xin cam tâm vào địa ngục để chịu lấy tội vong hữu. Nếu không tìm thấy tục *đốt vàng mã* do Phật giáo hay Nho

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

giáo truyền dạy, một lần nữa bản Tăng thiết tha yêu cầu các Ngài bỏ tục *đốt vàng mã* đi, lại sẽ khuyến hoá mọi người bỏ tục *đốt vàng mã* đi, vì tục *đốt vàng mã* là bợn Vương Dũ và Vương Luân đầu độc dân Tàu làm cho dân Việt Nam chúng ta cũng bị hại lây. Nay chúng ta cùng nhau triệt để bài trừ mê tín tục *đốt vàng mã*, quyết nhiên giữa dân tộc Việt Nam này để dành cho chúng ta viên thành một công nghiệp kiến quốc vậy.<sup>39</sup>

1952

## **Bài Hai: Đốt Vàng Mã Một Thói Tục Mê Tín Cần Hủy Bỏ**

*Hoàng Liên Tâm*

---

<sup>39</sup> Trích website: [www.lieuquanhue.com.vn](http://www.lieuquanhue.com.vn).

## Thích Giác Quả

Trong một dịp đi hành hương các chùa nhân dịp đầu năm, chúng tôi có cơ hội chứng kiến việc *đốt vàng mã* để cúng lễ tại các chùa đền khắp nước Việt Nam, điển hình, tại lễ hội chùa Hương cảnh hai lò *đốt vàng mã* đặt tại chùa Thiên Trù và động Hương Tích hoạt động không ngừng nghỉ, đốt suốt ngày đêm mà không đáp ứng kịp nhu cầu của người hành lễ. Nay trong một dịp dự tang lễ người thân quen tại một nhà quán ở thành phố Westminster Hoa Kỳ, chúng tôi cũng chứng kiến việc *đốt vàng mã* cúng tế người quá vãng. Thật không ngờ tục lệ này lại có thể thực hiện nơi một xứ được gọi là văn minh tiên tiến nhất thế giới hiện nay. Sau khi tìm hiểu chúng tôi được cho biết là ngay trong cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ và một vài nước khác trên thế giới, vẫn còn việc *đốt sớ* và *vàng mã* cho những người đã khuất nhân dịp

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

họ cúng giỗ và cầu siêu tại gia đình hay tại một số chùa.

Vì có một số ít Phật tử cho rằng *đốt vàng mã* cúng người chết giúp cho người sống được an tâm, nên trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày về nguồn gốc của tục lệ *đốt vàng mã* và quan điểm của nhà Phật về việc này.

Thật ra, tục lệ *đốt vàng mã* đã có từ lâu đời, đã bén rễ và ăn sâu vào tâm thức của người dân Việt Nam. Nhiều người cho tục lệ đó là một trong những nét đẹp văn hoá của phong tục thờ cúng tổ tiên. Trong bất cứ dịp lễ nào, từ ngày rằm, mừng một hàng tháng đến ngày Tết, ngày hoá vàng, ngày cúng giỗ tổ tiên ông bà hay dọn nhà, giải hạn, lập bàn thờ, bốc bát hương... đều phải có ít nhất vài bó vàng tiền để đốt như là một sự gửi gắm và chăm lo cho những người đã khuất có một cuộc

## Thích Giác Quả

sống sung túc ở cõi âm, hoặc mong được thứ lỗi, hay có được sự thanh thản trong tâm hồn. Với suy nghĩ, càng mua nhiều đồ hàng mã càng tốt, đồ càng đắt tiền càng có nhiều lộc và càng được bình an, người ta không ngần ngại lấy tiền thật để đổi lấy tiền giả là những tờ giấy xanh đỏ hay những vật dụng bằng giấy màu.

Hiện nay tại Việt Nam, tục lệ *đốt vàng mã* đã và đang phát triển mạnh, không còn ở trong phạm vi cúng giỗ ở gia đình và chùa đền mà còn lan sang các công ty xí nghiệp, các cơ quan công quyền quốc doanh, trở thành một nghi thức mới không thể thiếu của các công ty xây dựng cầu đường và các công trình thủy điện, trong các buổi lễ động thổ, khởi công các công trình do nhà nước giao phó. Theo thống kê cho biết khoảng 50.000 tấn *vàng mã* được sử dụng trong một năm và riêng

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

tại Hà Nội đã tiêu thụ trên 400 tỉ đồng cho việc *đốt vàng mã* (năm 2003). Tại tiểu bang California và Texas, nơi có đông người Việt cư ngụ, không có con số thống kê nhưng tất cả các siêu thị Việt Nam và Trung Hoa đều bày bán *vàng mã*, chứng tỏ có nhu cầu tiêu thụ.

Trong nước, đã có nhiều vị Sư kêu gọi bà con nên bỏ thói tục mê tín này. Một vị Hoà Thượng lớn ở tỉnh Lâm Đồng Đà Lạt cho biết lỗi lầm mê tín này là do quý Sư không giáo dục Tăng Ni Phật tử. Gần đây, một vị Hoà Thượng lớn khác tại Hà Nội cũng lên tiếng chỉ trích việc *đốt vàng mã*. Sư cho biết “*nhiều người lúc cha mẹ còn sống thì ngược đãi, đánh đập. Thế mà đến ngày lễ Vu Lan thì những người con ấy lại đốt vàng mã thật nhiều để báo hiếu cha mẹ. Hành vi ngược đãi cha mẹ, luật pháp cũng không dung tha, Phật cũng không*

Thích Giác Quả

*chấp nhận lễ của những đứa con bất hiếu đó. Phật dạy, con cái phải thờ phụng cha mẹ, nuôi dưỡng cha mẹ lúc già yếu. Không nên biến ngày lễ Vu Lan trở thành ngày mê tín dị đoan, lãng phí.”*

Trong khi đó, cũng trong địa bàn Hà Nội, có một vị Sư trụ trì một ngôi chùa ở ngoại ô Hà Nội, từng du học ở Trung Quốc với học hàm Tiến sĩ, khi được hỏi về việc này lại cho biết “... *Hết thấy mọi pháp đều là Phật pháp. Nếu chúng ta nhận thức được thì việc đó (việc đốt vàng mã) cũng không hề sai. Khi tâm mình chưa thanh thản thì cũng nên làm bất cứ một điều gì (như đốt vàng mã) để cho tâm được thanh thản. Khi đó, việc học đạo, làm việc đều thành tựu. Nếu cứ chấp trước cái này là của Phật pháp, cái kia không phải thì sẽ sinh tâm phân biệt như vậy càng xa với Phật pháp.”*

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Chúng tôi rất ngạc nhiên khi nghe lời dạy này từ một vị tu sĩ Phật giáo. Câu nói: “*Tất cả các pháp đều là Phật pháp*” chỉ là một nửa câu, nửa câu sau là: “*Phật pháp là pháp bất nhị*”. Toàn cả câu là: “*Tất cả các pháp đều là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị*” cốt để hiển thị tính chất bao hàm của “*Tự Tánh bất nhị*” đối với toàn thể thế giới hiện tượng tương đối. Nếu hiểu lầm rằng “*tất cả các pháp đều là Phật pháp*”, cho nên bất cứ chuyện hay, dở gì trong thế gian cũng đều như nhau, đều có thể làm được, không phân biệt tốt, xấu, vì đều “*là Phật pháp*”, thì không đúng rồi.

“*Bất Nhị*” là cảnh giới “*Chân Tâm tuyệt đối*”. Nói về đời sống nhị biên, tương đối, thì Đức Phật đã dạy rằng “*Không làm điều xấu, ác và siêng làm điều thiện, lành*”. Người học Phật cần biết cái gì là xấu, ác, để tránh và cái gì là thiện, lành, để

Thích Giác Quả

làm. Không thể nói rằng: “*Nếu cứ chấp trước cái này là của Phật pháp, cái kia không phải thì sẽ sinh tâm phân biệt như vậy càng xa với Phật pháp*”. Không phân biệt được thiện và ác thì làm sao mà tu hành để chuyển nghiệp xấu, ác thành thiện, lành được ?

\*\*\*

Kinh Phật dạy con cái phải tận hiếu với cha mẹ khi các người còn sống, và cho rằng sau khi chết một thời gian ngắn, Thần Thức đã theo nghiệp thiện hoặc ác mà đi đầu thai vào một đời sống mới. Thần Thức cũng không thể ở trong cái nhà hoặc dùng đồ đạc bằng giấy tùy theo ý kiến của nhà sản xuất *vàng mã* chế ra.

Sự kiện *đốt vàng mã* chỉ tạo nên ảo tưởng, hoặc sự khoe khoang về báo hiếu. Ngoài ra, nó còn có thể khiến cho những người con bất hiếu tha hồ xử

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

tệ với cha mẹ khi các người còn sống, thí dụ tống cha mẹ ra ở góc vườn với ý nghĩ: “*Ui da, mai một ông bà ấy chết ta đốt cho họ cái lâu đài đầy đồ đạc, xe cộ ê hê, tiền bạc vài trăm tỷ, cho tha hồ mà ăn ở, tiêu xài rộng rãi, sướng nhé*”.

Đã thế, sự kiện báo hiếu bằng *vàng mã* sẽ có thể khiến cho những người mê tín thi đua nhau, ai nhà nghèo không đốt được lâu đài cho cha mẹ thì lại tui thân : “*Tội nghiệp cha mẹ mình, sống đã phải ở chui rúc, chết cũng không có được cái nhà cao cửa rộng*”. Thế là lại vay công mượn nợ để đốt cho cha mẹ cái building, xe Mercedes, vài ngàn thỏi vàng hồ, cho hồn ma cha mẹ vênh vang với các ma hàng xóm và mình cũng nở mày nở mặt với bà con.

Như vậy, chúng ta cũng nên xét lại vấn đề đem tiền thật mua những đồ *vàng mã* như nhà cửa, xe

## Thích Giác Quả

cộ, tiền bạc giả và các vật dụng trong gia đình hoàn toàn bằng giấy rồi đem đốt đi nhằm mục đích để ông bà và người thân nơi âm phủ có đủ vật dụng để tiêu dùng.

Theo sử sách của người Trung Hoa, tục *đốt vàng mã* bắt đầu từ thời nhà Hán. Nguyên do vì nhà vua muốn thực hành lời dạy của Đức Khổng Tử: “*Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn*”, nghĩa là thờ người chết như thờ người sống, thờ người mất như thờ người còn và cho rằng người mất sống nơi cõi âm vẫn có những nhu cầu như kẻ còn sống như tiền bạc, nhà cửa, thực phẩm v.v... Nên khi nhà vua băng hà, phải bỏ tiền bạc thật vào trong áo quan để vua tiêu dùng. Sau đó quan bắt chước vua và rồi dân bắt chước quan. Ai cũng chôn tiền thật theo người chết. Bọn trộm cướp biết vậy nên đào trộm mộ những người giàu có,

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

như mộ vua Hán Văn Đế bị quân trộm khai quật lấy hết vàng bạc châu báu. Về sau từ quan đến dân thấy việc chôn tiền bạc thật quá tốn kém nên mới nảy sinh ra dùng giấy cắt ra làm tiền giả, vàng giả để thay thế. Dần dà người dân bắt chước và trở thành tập tục. Đến năm Khai Nguyên thứ 26 (738 DL), đời Đường Huyền Tông, nhà vua ra sắc dụ cho phép dùng tiền giấy thay cho tiền thật trong việc cúng tế cầu siêu do quan tể tự Vương Dũ phụ trách. Việc sử dụng *vàng mã* chính thức bắt đầu từ đây.

Không bao lâu, dân chúng chán bỏ vì thấy việc *đốt vàng mã* không hiệu nghiệm, họ đốt đủ thứ cần dùng để người quá cố tiêu dùng mà không thấy được báo mộng hay có một hiện tượng gì chứng tỏ người chết được hưởng dụng, nhất là đối với những người nghèo không đủ tiền mua sắm đồ mã

## Thích Giác Quả

nên họ bảo nhau không đót nữa, thế là nghề làm đồ mã bị ế ẩm. Sách *Trực Ngôn Cảnh Giác* của Trung Hoa kể lại rằng Vương Luân là dòng dõi của Vương Dũ, vì không muốn nghề nghiệp gia truyền làm *vàng mã* bị mai một, nên cố gắng hết sức để chấn hưng nghề làm đồ mã, bèn lập mưu với người bạn thân, lên kế hoạch bí mật chết giả, bằng cách để người bạn thân đó giả vờ đau ốm cho mọi người biết, khoảng vài ngày sau Vương Luân loan tin người bạn thân đã qua đời, sau đó khâm liệm bỏ vào quan tài chờ ngày an táng. Nhưng sự thật thì người bạn của Vương Luân vẫn còn sống, tuy ở trong quan tài nhưng vẫn có lỗ trống ở dưới đáy để thở và đưa thức ăn vào. Đến ngày đưa đám tang, trong khi lễ nhạc linh đình, phúng điệu rộn rịp, Vương Luân đem giấy tiền *vàng mã* và những đồ dùng bằng giấy như nhà cửa, áo quần và hình

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

nhân thể mạng, đích thân làm lễ cúng tế để cầu nguyện cho người bạn thân. Sau đó ông ta đót hết giấy tiền *vàng mã* và hình nhân thể mạng.

Khi đót xong thì quan tài tự nhiên rung động, ai nấy đều mục kích rõ ràng, vội cùng nhau mở nắp quan tài ra. Người bạn thân của Vương Luân quả nhiên sống lại, đến trước mặt Vương Luân phủ phục xuống đất cảm tạ và thuật lại cho mọi người nghe rằng chư vị thần dưới âm đã nhận được *vàng mã* và hình nhân thể mạng nên thả hồn ông ta trở về cõi trần, nên ông ta mới được sống lại.

Mọi người đều tin là thật và tin tức được loan truyền rộng rãi trong dân gian, nên đồ mã của Vương Luân sau đó lại được hưng thịnh như xưa. Nhờ thế các nhà buôn đồ mã lại làm giàu một cách nhanh chóng và phổ biến sang các nước chư hầu để tiêu thụ, trong đó có Việt Nam. Sau này do



## Thích Giác Quả

sự cạnh tranh nghề nghiệp, nên người bạn thân đã tiết lộ mưu kế gian xảo của Vương Luân và vì thế ngày nay chúng ta mới biết lai lịch việc này.

Tục lệ *đốt vàng mã* này ảnh hưởng sâu đậm vào nước ta, từ vua chúa đến thứ dân. Vụ *đốt vàng mã* lớn nhất Việt Nam vào đầu thế kỷ XX là trong đám tang của Vua Khải Định, băng hà vào ngày 25 tháng 11 năm 1925, triều đình Huế đã làm nguyên cả ngôi điện Kiến Trung bằng giấy thật lớn và nhiều loại đồ dùng của vua như ngự liễn, long xa, tàn kiệu, v.v... để đốt theo vua.

Ngày nay, dưới ánh sáng văn minh, ai cũng biết người chết không thể nào tiêu xài số tiền vàng và các thứ cần dùng chôn theo ấy. Như có người ở Hà Nội cúng người chết cả máy điện thoại Nokia cầm tay bằng giấy, Honda Dream bằng giấy và máy vi tính bằng giấy nữa. Khi còn sống không hiểu

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

người chết ấy có biết sử dụng máy vi tính, điện thoại cầm tay hay xe Honda không? Xin kính gửi tới quý vị đoạn phóng sự viết vào thời gian ngày Vu Lan vừa qua tại Hà Nội:

*“Tại phố Hàng Mã, điểm "phân phối" hàng mã cho những người bán rong trên các đường phố luôn đông nghịt người mua sắm, bộ cúng thần linh rẻ nhất cũng 15.000 đồng, cúng chúng sanh giá tương tự. Chúng tôi chen chân hỏi mua đồ cúng với giá "bình dân" đã không được các chủ hàng bán. Tôi chứng kiến một phụ nữ trung niên cùng cô con gái đến mua nhà lầu, xe hơi, điện thoại di động, tivi, xe máy, quần áo, tiền dollars Mỹ. Họ còn mua thêm một cô gái bằng giấy như búp bê, mang giày cao gót, mặc váy ngắn, áo lửng. Khi bà mẹ cầm "cô gái" trong tay thì cô con gái cầm ngay chiếc kéo nhỏ đâm lia lịa vào mặt hình nhân thế*

Thích Giác Quả

*mạng. Giải thích cho những người hiếu kỳ xung quanh về việc làm kỳ quặc của cô con gái, người phụ nữ trung niên nói: "Bố cháu làm tổng giám đốc, nay xuống dưới ấy cũng phải gửi cho ông ấy cô thư ký, nhưng phải làm cho nó xấu xí để khỏi trở thành bồ của bố cháu".*

Theo sự nghiên cứu, chúng tôi không hề thấy có việc đốt vàng mã cúng tế người chết được ghi trong tam tạng kinh điển của nhà Phật. Đạo Phật hoàn toàn bác bỏ tục lệ mê tín này. Quan niệm "sống chết" đối với Phật giáo chỉ là hai mắt xích trong một chuỗi sinh tử dài vô tận từ vô thủy cho tới ngày giải thoát tối hậu, con người đạt tới cảnh giới bất tử. Do đó, Phật giáo không có khái niệm về một nơi chốn dành riêng cho những người đã chết, mà dân gian thường hay gọi là cõi âm hay là

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

âm phủ. Có thể đây là những từ ngữ của tín ngưỡng dân gian.

Hoà Thượng Thích Thánh Nghiêm, trong một bài giảng Phật Pháp, nói rằng: "Rất đáng tiếc là hiện nay, đa số Tăng ni cũng không hiểu đạo lý ấy, thậm chí Phật tử ở Trung Hoa lục địa sang Đài Loan còn phát minh ra loại tiền giấy đặc biệt gọi là "tiền giấy vãng sinh", tức là trên một tờ giấy màu vàng, dùng mực đỏ in bài chú vãng sinh bằng chữ Phạn. Thực ra, công dụng tụng chú và tác dụng đốt tiền giấy là hai chuyện căn bản khác nhau... Hơn nữa, các Tăng Ni tụng kinh, lễ sám, cầu đảo v.v... đều có viết sớ. Đọc sớ xong rồi đốt sớ đi. Đó là bắt chước đạo gia đọc sớ cho quỷ thần nghe, đó là mê tín, hoàn toàn không có căn cứ gì trong giáo lý đạo Phật cả. Trong mọi việc, Phật giáo đều chủ trương lấy tâm thành kính để có

Thích Giác Quả

*cảm ứng. Đã đạt tới chỗ tâm thành và cảm ứng rồi, là có linh nghiệm, chứ không cần phải đốt lá sớ.”*

Nếu cho rằng việc *đốt vàng mã* làm người sống cảm thấy trong lòng thanh thản hơn, an lạc hơn, thì chỉ là một cách nói, một cách đánh lừa tâm thức, nếu có chăng chỉ là an lạc tạm thời như người dùng thuốc phiện. Muốn tâm thanh thoi an lạc, không có gì hay hơn là trong cuộc sống hàng ngày chúng ta thực hiện lời Phật dạy:

*“Không làm điều xấu, ác*

*Siêng làm điều thiện, lành*

*Tự thanh tịnh tâm ý...”*

Còn chuyện hoang đường như *đốt vàng mã*, thì ngoài việc đã làm tổn hại tài nguyên, còn mâu thuẫn cả về mặt tâm tư. Trong khi chúng ta cầu nguyện cho người thân quá vãng được tái sinh vào

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

cõi an lành, như sanh cõi trời hay cõi người hay về cảnh giới Tây phương Cực lạc hay một cảnh giới thanh tịnh nào đó mà lại đi đốt giấy tiền vàng mã và đồ dùng bằng giấy xuống âm phủ cho người thân tiêu dùng trong các lễ tang, lễ giỗ, thì như vậy có phải chúng ta cầu cho người thân ở mãi cảnh giới âm u tối tăm đó để xài tiền ma, đồ dùng ma hay sao! Thậm chí có người, khi đốt xong còn lo lắng không biết người thân có nhận được không?<sup>40</sup> ...

Vu Lan 2003

## **Bài Ba: Phật Giáo Có Chủ Trương Đốt Vàng Mã Hay Không?**

*Tác giả : Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm<sup>41</sup>*

<sup>40</sup> - Trích website: [www.lieuquanhue.com.vn](http://www.lieuquanhue.com.vn). Trong bài có 3 ảnh- Hai ảnh chụp các Phật tử đang đốt vàng mã, một ảnh chụp một tu sĩ đang sắp đồ mã ở chùa để cúng.

<sup>41</sup> - Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm – học giả nổi tiếng người Trung Quốc. Ngài sinh năm 1930 ở Giang Tô, đỗ tiến sĩ ở Đại học Tokyo năm 1975,

Thích Giác Quả

*Dịch giả : Cư sĩ Huyền Chân*

Không! Phật giáo không có một quy định mê tín như vậy. Người Trung Quốc có tập tục đốt tiền giấy, ngay từ sau đời nhà Hán. Bác sĩ Vương Dư đời Đường viết rằng: "*Từ đời nhà Hán, có tục chôn tiền, và đời sau lấy giấy thay tiền...*". Như vậy, từ đời nhà Hán về sau, có tập tục chôn tiền cùng với người chết. Vì ở Trung Quốc, từ thời xưa, có niềm tin là người chết biến thành quỷ. Sách vở cũng viết: "*Người chết biến thành quỷ*". Thế giới của quỷ cũng giống như thế giới của người, chỉ có âm dương khác nhau mà thôi. Quỷ cũng phải có tiền để sống, do đó mà chôn tiền. Về sau, người ta thấy rằng chôn tiền thật là lãng phí, bèn lấy giấy cắt thành tiền giấy, rồi đốt đi để cho quỷ dùng. Ở thời cận đại tiền giấy lưu thông có cả

---

sáng lập Trung tâm Thiền ở New York năm 1980 và sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Trung Quốc năm 1985...

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

tiền của "*Ngân hàng dưới âm phủ*" được lạm phát rộng rãi !.

Lỗi mê tín hạ đẳng này, bộ tộc nguyên thủy nào cũng có ít nhiều. Người ta cùng chôn với người chết đồ vật, tiền tài, châu báu, vải vóc, thậm chí cả đến người sống và súc vật sống nữa.

Vì sao lại đốt tiền giấy? Điều này có liên quan đến một loại tôn giáo gọi là Hỏa giáo. Hỏa giáo tin rằng Thần Hỏa có khả năng đưa vật bị đốt đến cho quỷ thần dùng. Trong Ấn Độ giáo thờ Hỏa thần Agni (A-kỳ-tu) có công năng đem đồ tế bị đốt đến cho quỷ thần.

Trong dân gian Trung Quốc, người ta không những đốt tiền giấy, bạc giấy, mà còn làm cả nhà cửa, gia cụ bằng giấy, thậm chí làm cả tàu bay, thuyền bè bằng giấy để *đốt vàng mã*, cúng người chết.

## Thích Giác Quả

Sự thực, Phật giáo không cho rằng, người chết đều biến thành quỷ. Cõi quỷ chỉ là một trong sáu cõi sống của chúng sanh. Phật giáo lại càng không tin quỷ có thể dùng được tiền giấy và các dụng cụ bằng giấy bị đốt! Phật giáo chỉ tin rằng, con cái thân thuộc của người chết có thể làm các việc như bố thí, cúng Phật, trai Tăng, rồi hồi hướng công đức ấy cho vong linh, và siêu độ vong linh. Còn tất cả mọi việc làm khác đều chỉ là mê tín vô ích mà thôi. Phật giáo không những không chủ trương mai táng đồ vật, mà còn chủ trương không nên dùng quan tài đất tiền, không nên để cho người chết mặc quần áo đất tiền, không nên lãng phí quá nhiều công và của. Trái lại, nên mặc cho người chết quần áo bình thường, sạch sẽ, còn quần áo tốt đẹp và mới thì nên đem bố thí cho kẻ nghèo, nếu có tiền thì nên đem cúng dường Tam Bảo và bố thí

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

cho người nghèo, chỉ có làm như vậy, vong linh người chết mới thật sự được lợi ích; còn nếu đem các đồ vật quý cùng mai táng với người chết thì đó là hành vi ngu si nhất, không xứng đáng là một Phật tử chính tín.

Đáng tiếc là hiện nay, đa số Tăng Ni cũng không hiểu đạo lý ấy, thậm chí Phật tử ở Trung Hoa lục địa sang Đài Loan còn phát minh ra loại tiền giấy đặc biệt gọi là "*tiền giấy vãng sinh*", tức là trên một tờ giấy màu vàng, dùng mực đỏ in bài chú vãng sinh bằng chữ Phạn. Thực ra, công dụng tụng chú và tác dụng đốt tiền giấy là 2 chuyện căn bản khác nhau. Nếu hiểu đúng theo kinh Phật, thì không được đốt kinh và chú, nếu đốt thì có tội.

Hơn nữa, các Tăng Ni tụng kinh, lễ sám, cầu đảo v.v... đều có viết sớ. Đọc sớ xong rồi đốt sớ đi. Đó là bắt chước đạo gia đọc sớ cho quỷ thần

## Thích Giác Quả

nghe, đó là mê tín, hoàn toàn không có căn cứ gì trong giáo lý đạo Phật cả. Trong mọi việc, Phật giáo đều chủ trương lấy tâm thành kính để có cảm ứng. Đã đạt tới chỗ tâm thành và cảm ứng rồi, là có linh nghiệm, chứ không cần phải đốt lá sớ. Bằng không thì dù có đốt đến trăm ngàn lá sớ, cũng chẳng có ích gì.<sup>42</sup>



Tựu trung, nội dung ba bài trích dẫn trên, dù được viết ba thời gian khác nhau, nhưng đều nhất quán các điểm chủ yếu sau:

1- Trước hết, *vàng mã* hoàn toàn không có trong tam tạng kinh điển Phật giáo.

2- Nguyên nhân tục *đốt vàng mã* khởi đầu vào triều đại nhà Hán Trung Hoa, thi tổ *vàng mã* là Vương Dũ, hậu duệ của Vương Luân

<sup>42</sup> - Trích từ sách: “*Phật Giáo Chánh Tín*”, Phân viện Nghiên cứu Phật học, Hà Nội xuất bản 1991, trừ trang 70 đến 72.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

– người có kế hoạch gian xảo để phổ biến tục *đốt vàng mã* khắp Trung Hoa, Việt Nam là một trong những nước bị ảnh hưởng.

3- Tin tất cả người chết đều về sống ở âm phủ, hay đều biến thành quỷ và có cuộc sống như con người là tà tín, phi Nhân quả.

4- Con người sau khi chết tùy hành động đã làm (Nghiệp nhân) để có một thân mạng và thế giới sống mới (Nghiệp quả) tương xứng với những hành động đã làm ấy.

5- Người Phật tử cần triệt để loại trừ tập tục *đốt vàng mã* ra khỏi sinh hoạt bản thân và môi trường Phật giáo, trả lại mọi hành hoạt của Tứ chúng đều xuất phát từ Chánh kiến, Chánh tín thuần nhất một vị Chánh pháp.

\* Ngoài năm điểm chủ yếu nhất quán giữa ba bài, còn có hai điểm đặc thù của hai tác giả.

## Thích Giác Quả

- *Điểm thứ nhất:* Hòa thượng Thánh Nghiêm xác quyết rằng hành động dùng số điệp trong các nghi lễ Phật giáo cũng giống như sử dụng vàng mã mà thôi, vì số điệp không có căn cứ gì trong tam tạng kinh điển.

Tại điểm này, bút giả trình bày cụ thể thêm. Ngoài việc số điệp không có gốc tích trong giáo lý, tệ hại hơn, nội dung một số điệp vẫn còn không chuyên tải được tư tưởng của Phật giáo, như trong các “*điệp điện đám tang*”, cụ thể “*điệp triều điện*” có đoạn: “*Ô hô! ... hậu vũ tiên đường bất kiến vãng lai chi tích, đông hiên tây xá vô văn tiểu ngữ chi thanh; tuyền đài nguyệt lãnh dạ thê thê, (Thung đường hay Huyền đường) sương xâm vân ám ám... Âm dương sứ giả tiếp linh thấu chấp...*”  
Tạm dịch: “Than ôi!... nhà trước hiên sau không còn nghe được tiếng nói giọng cười; (giờ đây ở)

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

dưới suối vàng (âm phủ) đêm trăng lạnh lẽo thảm thiết, và (nhà của cha hay nhà của mẹ) sương đã phủ dày mây giăng mờ mịt... Sứ giả cõi âm dương dẫn hương linh nhận lấy điệp này...”

Qua đoạn văn trích dẫn tiêu biểu trên đã biểu thị quá rõ tư tưởng hoài cảm bi thương của thế tục, cộng thêm niềm tin khi chết là trở về cõi âm phủ và được sứ giả cõi âm dương dẫn hương hồn người chết đi. Tư tưởng và niềm tin này hoàn toàn không tương hệ gì với giáo lý Phật giáo.

- *Điểm thứ hai:* Nhận định từ bài viết của Phật tử Hoàng Liên Tâm, đó là “khi học mà chưa hiểu rõ ráo (Chánh kiến) một thuật ngữ nào, một câu nào... của giáo lý, người Phật tử chớ vội tuyên bố là thế này, khẳng định thế kia để tự hại, hại tha nhân và xã hội.”

## Thích Giác Quả

Cụ thể, trong bài ghi: “... có một vị Sư trú trì một ngôi chùa ở ngoại ô Hà Nội, từng tu học ở Trung Quốc với học hàm Tiến sĩ, khi được hỏi về việc này (vàng mã) lại cho biết: Hết thấy mọi pháp đều là Phật pháp. ... Nếu cứ chấp trước cái này là của Phật pháp, cái kia không phải thì sẽ sinh tâm phân biệt, như vậy càng xa với Phật pháp.” - Lời tuyên bố này sai lầm như thế nào đã được Phật tử Liên Tâm giải thích rất rõ trong bài.

Hiện tại, cách tuyên bố thiếu Chánh kiến, thiếu trách nhiệm của một số Phật tử tương tự như thế khá phổ biến; chẳng hạn trong bài “**Văn hóa hay sự phô trương núp danh truyền thống?**”<sup>43</sup> Thượng tọa Thích Thanh Thắng viết: “... Lúc đó, tôi nghĩ đến câu “nhất thiết duy tâm tạo” trong kinh Hoa Nghiêm, người cậu của tôi đã tạo ra cái

<sup>43</sup> - Trích website: [www.lieuquanhue.com.vn](http://www.lieuquanhue.com.vn)

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

tâm cúng ông bà và căn dặn vợ tôi đừng làm gì cầu kỳ, tốn kém chỉ cần đốt cho vài bộ quần áo và ít tiền giấy là được. Chính cái “tâm tạo” ấy mà tôi cho rằng cậu tôi sẽ “nhận” được những gì mà vợ tôi đốt xuống”. Vì Thượng tọa Thanh Thắng bóp méo lời dạy “nhất thiết duy tâm tạo” của đức Phật theo tư kiến của mình nên mới khẳng định:

“... tôi không có ý định bảo rằng phải loại bỏ nó (vàng mã) ra khỏi đời sống gia đình chỉ vì không có kinh Phật nào dạy như vậy. ... Có người đã nhầm lẫn, thậm chí vội vàng khi gạt bỏ hiện tượng tín ngưỡng trên ra khỏi văn hóa Phật giáo. Thực tế, đó là những nét tín ngưỡng từ lâu đã gắn kết với văn hóa Phật giáo và hòa hợp với văn hóa Phật giáo. Không phải bất cứ những gì thuộc về văn hóa Phật giáo đều phải là những điều có trong kinh điển, hay được đức Phật rọi ra...”



## Thích Giác Quả

\* Qua năm điểm chủ yếu và hai điểm đặc thù rút ra từ ba bài trích đăng trên đã biểu lộ hai thái độ nghịch chiều:

- *Thứ nhất*, một số đệ tử Phật (xuất gia và tại gia) cận đại và đương đại đã và đang nỗ lực bảo vệ Chánh pháp bằng cách tự mình và sách tấn Tứ chúng nghiêm túc thực hiện những điều đức Phật đã dạy, đồng thời triệt để loại trừ những điều đức Phật không dạy (hay những điều không có trong tam tạng kinh điển) ra khỏi đời sống của mình và phạm vi sinh hoạt của Tứ chúng, tiêu biểu như ba vị tác giả của ba bài trên, mà đậm nét nhất và cảm động nhất là lời thệ nguyện của Hòa thượng Tố Liên.

- *Thứ hai*, một số đệ tử Phật lại chấp nhận những tín ngưỡng ngoại lai đã và đang xâm nhập vào sinh hoạt của Tứ chúng, họ cho rằng thái độ

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

chấp nhận ấy là tâm vô phân biệt khế hợp với Phật pháp.

Như thế, hai hệ tư tưởng trên hệ nào là chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh? – Điều này kinh *Câu pháp*<sup>44</sup> đã khẳng định: “*Quy y Tam Bảo chỉ có một việc là học và tu các pháp Phật dạy...*”

Qua lời dạy trên đã xác định rõ ràng người Phật tử cần học gì, tin gì và làm gì mới đúng nghĩa một Phật tử đích thực rồi.

Tóm lại, với nội dung ba bài trích đăng tiêu biểu trên, đã xác quyết hiện tượng *đốt vàng mã* hoàn toàn không có trong tam tạng kinh điển Phật giáo. Do vậy, một Phật tử mà tin và *đốt vàng mã*, xét trên căn bản tối thiểu của một người đệ tử Phật thì đã sai lầm hai điểm.

---

<sup>44</sup> - *Kinh Câu Pháp*: số 88 Trung A-hàm tương đương kinh Thừa Tỳ Pháp Trung Bộ kinh.

## Thích Giác Quả

- *Thứ nhất*, người Phật tử ấy đã sống trái ngược với nội dung đã tự phát nguyện quy y, cụ thể là sống mâu thuẫn với lời phát nguyện (Tam nguyện) sau khi đã thọ nhận Tam quy y. Vì không thực hiện lời phát nguyện này (Nhân) nên sau khi lâm chung không hưởng được ba điều đại lợi ích (Quả, Tam cát) như đã nói ở các phần trước.

- *Thứ hai*, người Phật tử ấy đã tin hiểu trái với luật Nhân quả. Bởi lẽ:

- Không có trường hợp tất cả người chết đều làm quý.
- Không có trường hợp tất cả người chết về sống ở âm phủ, và thật sự chẳng có một cõi âm phủ nào cả.
- Không có loài chúng sanh nào trong sáu loài dùng vàng mã mà vàng mã ấy đã đốt thành tro.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Tự trung, một Phật tử mà tạo Nhân mê tín, tà tín thì sẽ đón nhận Quả báo sống trong lo sợ khổ não của rừng rậm mê tín dị đoan ở đời này và những đời về sau, khó có cơ hội gặp lại Chánh pháp; đồng thời người Phật tử này còn gây thêm các tội:

- Cầu cho tổ tiên ông bà... ở mãi dưới âm phủ.
- Dùng vật dụng giả mạo để lừa dối tổ tiên, ông bà...
- Tạo tâm lý khó xử cho tổ tiên, ông bà... vì vừa cầu siêu thoát vừa cầu ở mãi dưới suối vàng (âm phủ).

### **VI-4. Tin Đau Óm Do Người Âm Quở Trách.**

#### **1- *Khái lược nội dung.***

## Thích Giác Quả

Thông thường, một người bị bệnh có những triệu chứng khác lạ<sup>45</sup>, như khi một khi khỏe, sáng đau chiều khỏe, ngày khỏe đêm đau, khi nóng khi lạnh, khi mê khi tỉnh, khi ăn được khi không ăn; hoặc thân thể thì khỏe mạnh mà tính tình lại đổi thay, như hay giận hờn, không thích nói chuyện, xa lánh mọi người, buồn rầu lạnh nhạt.v.v. bệnh nhân đã dùng nhiều loại thuốc mà bệnh vẫn không thuyên giảm; gặp những trường hợp này thân nhân người bệnh và chính người bệnh nghi rằng bệnh này có thể do người âm quở trách.

Do tin như thế nên họ tìm đến các am, đền hay các người hành nghề bói toán, xăm quẻ.v.v. để được mách bảo, và có thể được bảo do nội thân như bị bà cô tam đội (đại) trầm thủy bắt bớ, hay mộ ông cô bị động nên quở trách.v.v. hoặc được

---

<sup>45</sup> - Một số người bất cứ bị bệnh gì đều nghi do người âm quở trách nên chỉ cầu đảo cúng bái, chứ không chịu chữa Tây y hay Đông y.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

bảo bị vương ở đền ấy, vương ở đền kia, vương ở cây đa đầu làng.v.v. Rồi căn cứ vào sự mách bảo này để cầu đảo, khẩn vái, trả lễ; hoặc bệnh nhân được cho uống nước phép, đeo bùa, cho phù trần nhà, trần cửa ngõ.v.v.

### **2- Luận giải.**

Tại đây, bút giả không bàn đến bệnh lành hay không qua các cách chữa bệnh nói trên, chỉ khẳng định rằng một Phật tử mà tin và chữa bệnh như thế là mê tín dị đoan. Bởi lẽ, đã là Phật tử thì mọi sinh hoạt đều phải tuân theo lời đức Phật dạy để xuất xử, trong đó có đau ốm bệnh tật, nếu ốm đau mà chữa bệnh qua bói toán, khẩn đảo như trên là trái ngược với “Tam nguyện” và nguyên lý “Nhân Quả” như đã phân tích nhiều lần ở trước, tại đây xin không lặp lại nữa.

## Thích Giác Quả

Như vậy, người Phật tử bị bệnh cần chữa trị như thế nào mới đúng Pháp?– Vấn đề này nếu một Phật tử hiểu và tin Nhân quả Nghiệp báo thì sẽ thấy rất rõ cách chữa bệnh. Đại để có hai cách:

a- *Chữa bằng y-tâm lý học*: Tức chữa bằng y học và tâm lý học.

\* *Chữa bằng y học*:

Bị những bệnh về thân thể như các bệnh về tiêu hóa, bài tiết, tim mạch, hô hấp, thần kinh, xương, da, tai, mắt, mũi, họng.v.v. Nếu bệnh nhân thích Tây y thì tìm đến các bác sĩ chuyên khoa để được chữa trị, như bệnh mắt thì tìm đến bác sĩ chuyên về mắt (Nhãn khoa) để khám; bị bệnh về tiêu hóa như bị đại tràng, bao tử... thì tìm đến bác sĩ chuyên về tiêu hóa (Tiêu hóa khoa) để khám... Sau khi khám, bệnh nhân dựa theo lời chỉ dẫn của bác sĩ để mua thuốc và uống thuốc. Nếu bệnh

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

nhân thích Đông y thì tìm đến các bác sĩ, y sĩ, lương y có kinh nghiệm để nhờ họ chữa trị, bệnh nhân cần nghe theo lời dặn của thầy thuốc trong các khâu bốc thuốc, sắc thuốc và uống thuốc. Tuy nhiên, người Phật tử cần có nhận thức đúng bệnh nào nên chữa Tây y, bệnh nào cần đến Đông y thì bệnh tật sớm được chữa lành.

\* *Chữa bằng tâm lý*:

Bị những bệnh thuộc về ý chí, lý trí, tình cảm, hoặc do tình cảm bị sút mẻ, lý tưởng bị sụp đổ, kinh tế bị khánh kiệt, hay do công danh bị tước đoạt.v.v. làm hệ thần kinh bị kích động mạnh dẫn đến tính tình thay đổi, như thường gắt gỏng nóng giận, sầu muộn bất an, nói nhiều, lạnh nhạt, thích sống một mình, thụ động không thích lao động, ăn ngủ bất thường.v.v. Những người bị bệnh này nên tìm đến các bác sĩ chuyên trị bệnh tâm thần, hay

## Thích Giác Quả

các nhà chữa bệnh tâm lý (tâm lý gia) để được chữa trị.

Bên cạnh, để giảm thiểu bệnh tật của thân thể, người Phật tử cần tập thể dục đúng tiêu chuẩn (theo tuổi tác) hằng ngày để phòng bệnh và giảm bệnh; về chế độ ăn uống phải có điều độ và đủ dinh dưỡng tránh ăn uống các thực phẩm độc hại, đồng thời phải biết chọn lựa môi trường để sống, như thiên nhiên thì trong lành, xã hội thì an ninh đạo đức. Đây là thái độ sống có chánh kiến biết tạo Nhân tốt (Nghiệp nhân) trong hiện tại để có Quả tốt (Nghiệp quả, Nghiệp báo) về sức khỏe ở tương lai gần hay xa, đồng thời để vừa hóa giải những Nghiệp nhân xấu trong quá khứ nhằm trợ duyên chữa bệnh bằng Tây y hay Đông y... để thành công hơn.

*b- Chữa bằng tâm linh:*

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Đang làm chúng sanh trong ba cõi là đang bị dẫn dắt bởi Nghiệp lực, điều này Tổ sư Phật Âm đã xác định: “*Do Nghiệp mà thế gian luân chuyển. Do Nghiệp mà chúng sanh tồn tại.*”<sup>46</sup> Nghiệp (hành động có chủ ý) thì có Nghiệp thiện, Nghiệp ác; tổng quát, chúng sanh nào làm điều thiện nhiều, điều ác ít thì được sanh lên các cõi trời, chúng sanh nào làm thiện ít, ác nhiều thì sanh vào loài thần, loài người; chúng sanh nào làm ác nhiều, thiện không đáng kể thì đọa vào ba loài súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Như vậy, ai sanh làm người (Quả báo) thì người ấy đời trước đã làm các điều xấu ác hơn các điều thiện (Nhân), nên đời này đón nhận vui ít, khổ nhiều về cả thân lẫn tâm, đây là sự thật của Nhân quả Nghiệp báo – ai làm điều gì thì chính người ấy đón nhận kết quả đã làm

---

<sup>46</sup> - Trích từ *Atthasàlini* – tác phẩm của Tổ sư Phật Âm (Buddhaghosa).

## Thích Giác Quả

thiện hay ác ấy. Qua đó, để chữa bệnh thân và tâm của mình theo mặt tâm linh, người Phật tử cần tạo Nhân tốt (hành động tốt) trong cuộc sống hằng ngày để thay đổi Nghiệp xấu đã tạo dần dần trở thành ít xấu hay tốt đẹp hơn. Cụ thể:

- Khi khỏe mạnh: Người Phật tử cần nghiêm túc giữ gìn giới pháp đã thọ nhận, như giới của một Ưu-bà-tắc, giới của một Sa-di, giới của một Tỷ kheo.v.v. Ngoài ra, tùy theo căn cơ và hoàn cảnh để phát tâm tu các pháp như Bồ thí, Tụng kinh, Tọa thiền, Niệm Phật.v.v. Sự tu tập này là Nhân tố (Nghiệp nhân) vừa phòng bệnh của thân và tâm trong tương lai, vừa hóa giải Quả báo (Nghiệp quả) sẽ bị bệnh trong hiện tại.

- Khi bị bệnh: Ngoài bốn phạm kiên trì giữ gìn giới luật đã thọ, người Phật tử cần chân thành phát nguyện hoặc trực tiếp hay gián tiếp Tụng kinh, Lễ

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

bái, Niệm Phật.v.v. thiết tha sám hối tội lỗi đã làm và giải tỏa oán kết của “*Tam thế tiền khiên, oan gia trái chủ...*”; bên cạnh, phát tâm Bồ thí, Cúng dường, Phóng sanh... để tăng thêm phước đức hóa giải Nghiệp quả bệnh tật.

Tóm lại, như đức Thế Tôn đã dạy nhiều lần trong các kinh *Nhân Quả* (đã trích dẫn ở trước), đời này con người bị bệnh tật (Quả) là do quá khứ (hoặc gần hoặc xa) đã sát sanh hại mạng chúng sanh (Nhân). Nếu người nào sát hại ít thì ít bệnh và bệnh nhẹ; trái lại, người nào sát hại nhiều thì nhiều bệnh, bệnh nặng và có thể bị chết oan chết yểu. Các cách chữa bệnh bằng y học, tâm lý học và bằng tâm linh được trình bày sơ lược trên là phương pháp chữa bệnh căn cứ vào tương ứng giữa Nhân và Quả để chuyển Nghiệp. Đây là phương pháp chữa trị bệnh thiện xảo nhất, đúng

## Thích Giác Quả

với duyên sinh nhất, để điều trị tận cả ngọn cùng gốc của bệnh; đây cũng là cách chữa bệnh của một người Phật tử có chánh kiến, chánh tín đích thực, đã nương kinh điển hay lời dạy của đức Phật để thực hiện..

Tóm lại, bốn hiện tượng “*Dâng sao giải hạn, Xin xăm bói quẻ, Đốt vàng mã, Tin đau ốm do người âm quở trách*” mà bút giả trình bày khái lược ở trên, chỉ đại biểu cho hàng trăm hiện tượng mê tín tương tự khác (đã nêu tiêu biểu ở trước). Qua nghiên cứu, sự thật những hiện tượng mê tín này phát xuất từ ngoại giáo hay các tập tục dân gian của ngoại bang hay bản địa đã pha trộn vào sinh hoạt Tứ chúng, bởi sự suy thoái của Phật giáo từ nhiều thế kỷ trước và ảnh hưởng mạnh đến tận bây giờ; đây là điều rất đáng tiếc và xót xa.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Hiện tại, những Phật tử nào chưa nhận rõ nguồn gốc của các hiện tượng mê tín nêu trên, nên đã và đang sống chung với chúng, như vậy đã vô tình phủ nhận sự quy y hay sự trở về nương tựa Tam Bảo của mình, đồng thời tự hủy bỏ tiến trình tự nương tựa mình, nương tựa chánh pháp để chuyển hóa Nhân quả Nghiệp báo của mình từ bất thiện trở thành thiện, từ hữu lậu trở thành vô lậu, nhằm dần thoát khỏi sanh tử trong tam giới. Con người hiện hữu hôm nay do những hành động đã làm (Nghiệp) đời trước, đời sau như thế nào do hành động đời này, đây là sự thật của con người mà kinh *Tiểu Nghiệp Phân Biệt* đã nêu: “*Ta là chủ nhân của Nghiệp, là kẻ thừa tự của Nghiệp, Nghiệp là thai tạng, Nghiệp là quyền thuộc,*

Thích Giác Quả

*Nghiệp là điểm tựa. Phàm Nghiệp nào đã làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự Nghiệp ấy.*<sup>47</sup>

Tự trung, Nghiệp do con người tạo thì chính con người tự chuyển đổi Nghiệp của mình. Đức Phật chỉ là vị dạy phương pháp giúp con người chuyển Nghiệp, chứ không thể chuyển thay được. Đức Phật đã không thể chuyển Nghiệp thay con người (chúng sanh) thì làm sao trời, thần, quỷ... có thể làm được việc đó, trong khi họ đang là một chúng sanh!

Cuối cùng, một Phật tử khôn ngoan chỉ có một việc, đó là nương tựa Tam Bảo, nương tựa Phật pháp một cách thiện xảo để tự chuyển Nghiệp, chuyển đổi đời sống cho mình mỗi ngày mỗi tốt đẹp hơn, chứ đừng nương tựa bất cứ ai, hoặc hý luận lời dạy của Thế Tôn theo tư kiến của mình để

<sup>47</sup> - Trung Bộ III, trang 481-ĐTKVN.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

“*bắt rắn độc ở đuôi sẽ bị rắn cắn làm cho khổ sở hoặc bị chết*”<sup>48</sup>, hay sáng tạo rằng những gì đức Thế Tôn không dạy vẫn là Phật pháp. Thật ra, sự uyên bác của những người “*thế trí biện thông*”, cho đến sự thấy biết của các vị ở cõi “*Định Phi tướng Phi phi tướng xứ*” qua cảm thọ của mình, đức Thế Tôn vẫn xếp vào loại kiến chấp ngoại đạo<sup>49</sup>, hưởng gì cái thấy biết của một con người sinh vào thời mạt pháp này!

Người không Phật tử mà mê tín dị đoan còn đáng tiếc thay, hưởng hô là một người con Phật!

<sup>48</sup> - *Kinh Ví Dụ Con Rắn* – Trung Bộ, tương đương kinh A-lê-tra số 200 – Trung A-hàm.

<sup>49</sup> - Theo kinh *Phạm Động* số 21 – Trường A-hàm, trình bày 62 tà thuyết của ngoại đạo.



## PHỤ LỤC II

### **Vi trùng trong thân sư tử giết chết sư tử.**

*(Sư tử trung trùng, thực sự tử nhục)*

*“Đến với giáo pháp của Ta không phải để tin, nhưng đến để thấy và thực hành”* (kinh Trung Bộ)

-Đây là tiêu chí mà đức Thế Tôn khẳng định với bất cứ ai thật sự muốn đến với đạo Phật. Đến với đạo Phật chỉ có một mục đích duy nhất là đoạn tận lậu-hoặc để vĩnh ly sanh tử, thành tựu Phật-đà nhằm tự độ, độ tha; muốn đạt kết quả như thật đó đòi hỏi người Phật tử (nhất là người xuất gia – *“hành Như Lai sự...”*) cần có chánh kiến (thấy) để thực hiện đúng pháp. Chánh kiến điều gì? – Chánh kiến về lý do và mục đích đến với đạo Phật, nhờ có chánh kiến để soi chiếu tiến trình thực hiện Tam học giới-định-tuệ từ khởi điểm đến đích điểm, nhằm giúp hành giả thành tựu cứu cánh giải

thoát của mình. Nếu một hành giả không có chánh kiến hoặc có mà đánh mất thì đón nhận kết quả *“Đạo cũng mất mà đời cũng hỏng”*. Đây là nội dung mà bài **“Luận giải kinh Chí Biên”** muốn giới thiệu.

## **LUẬN GIẢI KINH CHÍ BIÊN**

Luận giải Kinh này, bút giả chỉ trình bày vắn tắt bao gồm trong hai phần: Tóm lược nội dung kinh và Luận giải.

### **I. Tóm lược nội dung kinh.**

Thế Tôn đang du hoá tại Xá-vệ, lưu trú tại vườn của ông Cấp-cô-độc. Bấy giờ, đến thời thuyết pháp, Thế Tôn dạy kinh này.

Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo rằng, phải chăng các thầy vì nhàm tởm, ghê sợ sự sanh, già, bệnh, chết,

Thích Giác Quả

sầu, bi, khổ, ưu não; vì muốn đoạn tận nỗi khổ đau lớn lao ấy; và vì muốn đạt được cứu cánh giải thoát mà xuất gia học Đạo, để chấp nhận sự nuôi sống bằng cách đi ăn xin (*khất thực*), cách nuôi sống thấp hèn nhất của xã hội, mà mọi người đàm tiếu rằng: “*Đầu trọc, tay ôm bình bát bước đi!*” - Các Tỷ-kheo trả lời: “*Thật sự như vậy. Bạch Thế Tôn!*”

Thế Tôn bảo rằng, có những người khi mới xuất gia với tâm niệm như thế; nhưng rồi, họ lại chìm đắm tận cùng trong tham dục. Tâm niệm của họ đầy ô-nhiễm, như thù hận, bất tín, lừa dối, thất niệm, tà định, tà kiến, cuồng tâm, các căn rối loạn; nói chung là không tinh tấn tu tập hạnh Sa-môn.

Cách sống của họ giống như cách tẩy: “*vật dính mực bằng mực, vật dính máu bằng máu..., vật*

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*dính phấn bằng phấn*”, chỉ tăng thêm sự dơ bẩn mà thôi. Cách sống đó cũng tựa như đồng tro tàn của xác người được thiêu đốt trong rừng vắng, chẳng ích lợi gì cả. Và, đó là cách sống bỏ chỗ tối tăm, mịt-mù đi vào chỗ mịt-mù, tối tăm hơn nữa.

Thế Tôn kết luận:

“*Người ngu muội hồng đời dục lạc,  
Và hư luôn cứu cánh Sa-môn,  
Đạo và Tục cả hai đều mất.  
.....*”

Được nghe Thế Tôn dạy, các Tỷ-kheo hoan hỷ phụng hành.

## **II. Luận giải.**

Qua nội dung kinh, đức Thế Tôn đã xác minh năm điểm như sau:

### **1) Lý do xuất gia chân chánh.**

## Thích Giác Quả

*Đức Thế Tôn dạy rằng, lý do xuất gia chân chánh phải được phát xuất từ tâm-ý nhằm tởm, ghê sợ sự sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.*

Qua ý nghĩa trên, có thể hiểu một cách khác, là nhằm tởm, ghê sợ sự có mặt của mình theo dòng sanh tử khổ đau trong Tam giới; hay nhằm tởm, ghê sợ hết thấy các pháp hữu vi, hữu lậu.

Người có được lý do chân chánh trước và khi xuất gia, là người có Chánh kiến về lý do xuất gia. Đây chỉ là Chánh kiến sơ khởi cho quá trình xuất gia, nhưng đóng một vai trò rất quan trọng, là hướng đạo những bước tu tập kế tiếp khởi lệch hướng. Tức là, nhờ Chánh kiến này người xuất gia mới kham nhẫn, hoan hỷ đón nhận đời sống mà về vật chất lẫn tư tưởng hoàn toàn trái ngược với đời sống người thế tục; đó là đời sống “*thiếu dục tri*

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*túc, ly dục*”, hay đời sống “*yếm ly thế gian, xuất thế gian*”. Và nhờ vậy mà đạt được mục đích của sự xuất gia.

Với ý nghĩa này cho chúng ta một cái nhìn đúng Pháp; đó là, bất cứ vị xuất gia nào mà không có cuộc sống “*thiếu dục tri túc, ly dục...*”, tức không có cuộc sống “*giản đơn, đạm bạc và hành trì Oai nghi, Giới luật...*” thì chính vị xuất gia đó chưa có Chánh kiến về lý do xuất gia của mình.

### **2) Mục đích xuất gia chân chánh.**

Theo đức Thế Tôn, mục đích xuất gia có hai điểm:

- Thứ nhất, vì muốn đoạn tận nỗi khổ đau lớn lao.

Nỗi khổ đau lớn lao ấy chính là nỗi khổ đau bị sanh tử luân hồi triền miên trong Tam giới. Để đoạn tận, nhờ có Chánh kiến mà người xuất gia thấy rõ nguyên nhân chủ yếu của nỗi khổ đau ấy

## Thích Giác Quả

chính là tham ái, hay nói đủ là tham-sân-si. Qua nhận diện đích xác này, hành giả tinh tấn vận dụng Chánh pháp xuất thế Giới-Định-Tuệ biểu hiện qua ba nghiệp của mình với năng lực từ hữu lậu đến vô lậu để chế ngự, rồi đoạn tận từ thô đến tế tà pháp thế gian Tam độc đó. Tam độc được đoạn tận hoàn toàn chính là nỗi khổ đau lớn lao ấy được đoạn tận vậy.

- Thứ hai, vì muốn đạt được cứu cánh giải thoát.

Cứu cánh giải thoát chính là đạt quả vị Đại A-la-hán (theo hệ Thanh-văn) hay Phật-đà (theo hệ Bồ-tát). Thời điểm người xuất gia đạt cứu cánh giải thoát, chính là thời điểm thành tựu viên mãn Giới-Định-Tuệ vô lậu, cũng là thời điểm đoạn tận hoàn toàn tham-sân-si, tức thời điểm: “*Sanh đã*

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*tận, phạm hạnh đã thành, những gì cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”* (Khế kinh).

Mục đích xuất gia được đức Thế Tôn phương tiện chia thành hai điểm như trên; trong đó, một điểm thuộc “Hành”, điểm còn lại thuộc “Quả”. Tuy vậy, ý thú của Ngài dạy chúng ta cần hiểu chỉ có một mục đích mà thôi. Bởi lẽ, thực hiện sự đoạn tận khổ đau (Hành) chính là thực hiện sự chứng đạt cứu cánh giải thoát (Quả) vậy (Nhân quả đồng thời).

Qua ý nghĩa mục đích xuất gia vừa đề cập, gợi mở một nhận xét như pháp rằng, nếu ai trong chúng ta (những người xuất gia) qua cuộc sống hằng ngày mà không tu tập Giới-Định-Tuệ (tối thiểu là Giới), đây là bảo chứng vị ấy không có Chánh kiến về mục đích lẫn lý do xuất gia. Và, kết

Thích Giác Quả

quả sự có mặt của vị ấy trong hàng ngũ xuất gia sẽ như thế nào, thì bất cứ ai cũng biết rõ rồi.

### **3) Cách nuôi sống chân chính.**

*Đức Thế Tôn dạy rằng, cách nuôi sống chân chính của người xuất gia, đó là đi ăn xin (khất thực).*

Nói đủ, cách nuôi sống chân chính tối thiểu của người xuất gia gồm có bốn pháp, gọi là “*Hành tứ y*” (bốn pháp y cứ để hành động). Đó là, về ăn thì đi khất thực, về mặc thì mặc y phân tảo, về ngủ thì ngủ dưới gốc cây và về thuốc thì dùng thuốc hủ lạn. Đây là cách nuôi sống thân thể vật lý trong tinh thần “*thiểu dục tri túc*” nghiêm minh nhất, cao đẹp nhất, và đã được đa phần hàng xuất gia áp dụng triệt để vào thời đức Thế Tôn tại thế và thời Chánh pháp.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Với cách nuôi sống này, người xuất gia mới có tâm ý thanh tịnh và nhiều thời giờ nhằm thực hiện nội dung xuất gia chân chánh của mình, để kết quả mục đích xuất gia ấy sẽ hiện hữu ngay trong đời này. Như vào thời đức Thế Tôn và thời Chánh pháp, hầu hết các vị xuất gia đều chứng quả vị cao, mà nhiều nhất là quả vị A-la-hán.

Ngày nay, cách nuôi sống này khó tìm thấy trong hàng ngũ xuất gia. Hoạ hoàn, có một thiếu sót với cách ăn, mặc, ở, và phương tiện sinh hoạt khá khiêm tốn, đơn giản là cao đẹp lắm rồi. Như thế, khi đã không có Chánh kiến về cách nuôi sống; hẳn nhiên, Chánh kiến về lý do và mục đích xuất gia cũng không thể có được.

### **4) Hiện tượng đánh mất Chánh kiến.**

*Đức Thế Tôn dạy rằng, trong những người có Chánh kiến khi mới xuất gia, nhưng sau đó lại có*

Thích Giác Quả

*một thiếu số đánh mất Chánh kiến ấy, để chìm đắm vào cuộc sống thế tục.*

Sự kiện này đã xảy ra vào thời đức Thế Tôn tại thế. Thời đó, hầu hết những vị khi xuất gia đều có Chánh kiến vững mạnh; dù vậy, sau đó cũng có một số thối thất Chánh kiến của mình, rồi chìm đắm trong tham dục, tâm niệm đầy ô-úế, các căn bị rối loạn; chẳng tu tập được gì về hạnh nguyện của một người xuất gia. Sở dĩ có hiện tượng này, một phần do Chánh kiến của các vị ấy chưa kiên cố, một phần do sau khi xuất gia các vị ấy thiếu năng lực tỉnh giác để duy trì và phát triển Chánh kiến của mình, cộng với sự dẫn dắt của nghiệp xấu quá khứ. Trường hợp này, tiêu biểu như Tỷ-kheo Ariththa, lục quần Tỷ-kheo hay lục quần Tỷ-kheo ni.v.v.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Ngày nay, đa phần người mới xuất gia hầu như hiếm có Chánh kiến, và trong nhóm thiếu số có được Chánh kiến, nhưng sau khi xuất gia lại đánh mất cũng chiếm tỷ lệ cao hơn. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm cho Phật pháp vốn đang suy yếu lại càng suy kiệt nhanh hơn. Điều này, chỉ cần nhìn kỹ vào sinh hoạt hằng ngày của mỗi Tăng, Ni hiện tại, thì quá rõ ràng.

### **5) Hậu quả của cuộc sống tà đạo.**

*Đức Thế Tôn dạy rằng, người xuất gia tà kiến sẽ đi vào cuộc sống tà đạo, tức cuộc sống bỏ chỗ tối tăm, mịt-mù đi vào chỗ mịt-mù, tối tăm hơn nữa. Và, chẳng có kết quả tốt đẹp gì về mặt Đạo cũng như mặt Đời.*

Vì sao người xuất gia có cuộc sống tà đạo là bỏ chỗ tối tăm, mịt-mù đi vào chỗ mịt-mù, tối tăm hơn nữa? – Bởi lẽ, như đức Thế Tôn đã dạy về lý

## Thích Giác Quả

do xuất gia chân chánh ở trên, đó là vì nhàm tởm, ghê sợ hết thảy mọi sinh hoạt mang tính chất ô-úế, tối tăm, mịt-mù của thế tục, để đi vào đời sống trong sáng, thánh thiện, xuất thế tục gia. Nhưng khi chính thức sống trong môi trường xuất gia, vị ấy vẫn tiếp diễn cuộc sống theo nội dung thế tục; tức là, tâm ý vị ấy vốn đang chất chứa những chủng tử ô-úế, tối tăm... nay lại huân tập những chủng tử tối tăm, ô-úế thêm nữa, để tương lai càng mịt-mù, đen tối gấp bội. Do thế,

- *Về mặt Đạo*: Một người xuất gia là đang sống với Đạo, nhưng người ấy không tu tập về nội dung giới-định-tuệ của Đạo, mà lại sống theo nội dung năm dục, sáu trần của thế tục, thì kết quả tốt đẹp về mặt Đạo không có gì là việc đương nhiên.

- *Về mặt Đời*: Người xuất gia thì không còn sống trong phạm vi thế tục, nên những việc làm

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

hiền thiện như chăm sóc cha mẹ, ông bà; góp công sức xây dựng xóm làng, xứ sở... không có cơ hội thực hiện. Như thế, người xuất gia đã không gieo nhân tốt ở thế gian thì làm sao có kết quả tốt đẹp ở mặt Đời được!

Với ý nghĩa điểm thứ năm này, nếu vị xuất gia không muốn “*trên dinh cũng hỏng, dưới làng cũng không*”, thì hãy tinh tấn sống đúng bổn phận và danh xưng của mình.

Tóm lại, qua năm điểm mà đức Thế Tôn đã từ bi chỉ dạy cho hàng đệ tử xuất gia trong kinh *Chí Biên*, ai là người xuất gia có lý tưởng, cần tiếp nhận sâu sắc, tư duy đúng đắn năm điểm ấy, rồi đối chiếu sự tu tập của mình, nhằm điều chỉnh và phát huy cách sống của tự thân khế hợp với Pháp, Luật đã lãnh thọ và danh xưng đang sử dụng. Có như vậy mới khỏi rơi vào hiện tình: “... *lời nói,*

Thích Giác Quả

*việc làm trống rỗng, sơ suất; hưởng thọ phẩm vật của tín đồ một cách vô bổ; đường đi năm cũ chẳng đổi thay một bước, một tấc; quờ quạng suốt đời thì lấy gì để cậy nhờ, nương tựa!*<sup>50</sup> - Rất mong!



Muốn phát khởi, phát hiện Chánh kiến tất nhiên người Phật tử phải học Phật pháp, học với tâm lý thiết tha mong được tỏ ngộ ý kinh, ý Phật như chư Tổ thời xưa. Khi Chánh kiến hiện hữu là điều kiện để Phật tử (hành giả) hướng dẫn bảy chi phần còn lại trở thành Bát chánh đạo. Nói cách khác, nhờ Chánh kiến soi chiếu để hành giả thành tựu Tam học giới-định-tuệ và thăng hoa giới-định-tuệ hữu lậu thành giới-định-tuệ vô lậu nhằm đạt được mục đích của học và tập (tu). Nếu Phật tử học Phật pháp với tư kiến thế tục thì “*như kẻ bắt*

<sup>50</sup> - Văn Cảnh Sách của Thiền sư Đại Viên.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*rắn độc ở đuôi sẽ bị rắn cắn làm cho khổ sở hoặc bị chết*”. Đây là các điểm căn bản sẽ được bút giả khai triển ở bài “**Học để làm gì?**”

## HỌC ĐỂ LÀM GÌ?

Nơi đây, bút giả chỉ đề cập đến cái học của người xuất gia và chỉ trình bày vắn tắt một số điểm trong vấn đề này mà thôi.

### I. Nội dung học.

Đại để, nội dung mà người xuất gia hẳn nhiên phải học là Luật, Kinh và Luận hay Giới, Định và Tuệ (Tam học). Đó là ba yếu tố mà bất cứ một người xuất gia nào cũng cần phải học (Văn), cần phải tập (Tu, Tu) để chuyển hoá Tam học thành Tam vô-lậu học.

Về tiến trình học tập, theo truyền thống, *trước hết phải học Luật, kế đến mới học Kinh, chứ không được đảo lộn thứ tự, ngay việc học Kinh*



## Thích Giác Quả

*cũng không được chọn Kinh ứng phó đạo tràng để học (Kinh để cúng tế). Đồng thời, cũng không được học tập các sách ngoại đạo, các sách thế tục, ngoại trừ được Bốn Sư cho phép hay những vị thượng căn trí lực có thừa, muốn đối chiếu sự sâu cạn giữa nội giáo và ngoại giáo, chứ không có ý tưởng học tập<sup>51</sup>.*

## II. Mục đích học.

Mục đích sự học tập của người xuất gia, đại khái, để chứng ngộ các quả vị giải thoát, mà quả vị cao nhất là Đại A-la-hán hay Phật-đà. Các quả vị này được diễn đạt theo ba hệ thống:

1) Hệ thống Thiên: Là tiến trình chứng ngộ gồm chín quả vị, đó là Tứ thiên (Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên), Tứ Không định (Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định,

<sup>51</sup> - Xem Oai nghi thứ tám: Học tập kinh điển.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Vô sở hữu xứ định, Phi tướng phi phi tướng xứ định) và Diệt thọ tưởng định.

2) Hệ thống Thanh-văn: Gồm bốn quả vị Thánh, đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

3) Hệ thống Bồ-tát: Gồm năm mươi hai quả vị, đó là mười quả vị Bồ-tát cấp Tín, mười quả vị Bồ-tát cấp Trụ, mười quả vị Bồ-tát cấp Hạnh, mười quả vị Bồ-tát cấp Hương, mười quả vị Bồ-tát cấp Địa, kể đến là quả vị Đẳng giác và Diệu giác.

Trong ba hệ thống trên, với Thiên thì chứng ngộ Diệt thọ tưởng định là quả vị cao nhất, với Thanh-văn thì A-la-hán là quả vị cao nhất, và với Bồ-tát thì quả vị Diệu giác (Phật-đà) là cao nhất.

## III. Cái học thời Chánh pháp.

Ở thời đại Chánh pháp, các vị xuất gia đều nhất hướng học tập Giới-Định-Tuệ với phong thái

Thích Giác Quả

nhiệt tâm, kiên định và được hướng dẫn bởi các bậc thầy là những Thánh Tăng. Do nhân duyên này, nên hầu hết quý vị xuất gia bấy giờ đều chứng quả A-la-hán. Sở dĩ có được thành tựu viên mãn như thế là phát xuất từ năng lực Chánh kiến của quý ngài về lý do và mục đích xuất gia, để rồi quý ngài nhất quán giữa học và tập, giữa tri và hành một cách niêm mật, đồng liệt nhằm đạt được mục đích của mình.

#### **IV. Cái học thời Mạt pháp.**

Theo kinh Hiền Kiếp, thời Chánh pháp có năm trăm năm, thời Tượng pháp có một ngàn năm. Như vậy, năm Phật lịch 1501 là khởi đầu đi vào thời Mạt pháp, và đến thời điểm hiện tại thì đã đi sâu vào thời Mạt pháp trên ngàn năm.

Xét về cái học của hàng xuất gia đương thời, trên thực tế, cái học đó đã lệch hướng quá xa về cả

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

nội dung lẫn mục đích học, so với các thời kỳ trước. Bấy giờ, đa phần người xuất gia không còn tuân thủ Giới-Luật để học tập theo thứ tự, tức học Luật trước Kinh sau; và ngay cả nội dung cần phải học, bắt buộc phải học là Giới- Định- Tuệ cũng bị giới Tu sĩ này đặt ngang bằng, hoặc thậm chí còn thua kém, không hấp dẫn so với các môn, các ngành của thế học. Do tư tưởng mù mờ như thế dẫn đến khá nhiều Tu sĩ đã quay lưng hoặc ruồng bỏ Phật pháp, để dần thân học tập sống chết với các môn, các ngành của ngoại giáo, thế giáo. Riêng về những Tu sĩ học nội giáo, xét kỹ người có lý tưởng trong học tập rất tối thiểu; ngược lại, đại bộ phận là do ảnh hưởng trào lưu thời đại mà đi học. Dưới cái nhìn của Nhân quả, thì “*Nhân nào Quả đó*”, nguyên nhân học tập đã mang tính thế tục thì hệ quả sẽ đồng tính chất tục đế, tức dùng

Thích Giác Quả

cái sở học ấy dễ trang bị hay tôn vinh “*tự ngã*” và “*sở hữu tự ngã*”. Vì thế và chính thế, những vị Tu sĩ này đã tự mình và trực tiếp hoặc gián tiếp tạo điều kiện thuận tiện cho các học Tăng, học Ni xem thường hay vi phạm Oai nghi, Giới luật, đưa đẩy thế hệ Tăng- Ni trẻ vào cuộc sống theo bản năng thế tục, chẳng cần quá trình hành Điệu, hành Sa-di, chẳng cần nương tựa Thầy Tổ, chẳng cần duy trì nếp sống Thiên môn v.v ...

Trước thực trạng suy thoái trầm trọng về sự học tập của đa phần người xuất gia hiện tại như thế, ai là người xuất gia có thao thức, có lý tưởng, cần tư duy đứng đắn về lý do và mục đích xuất gia của mình để kịp thời điều chỉnh sự tu học đi đúng hướng “*Văn-Tu-Tu*” mà Phật, Tổ đã dạy, nhằm cụ thể hoá mình là “*thân tâm đều xuất gia*” hoặc “*tâm*

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*hình dị tục*”; tức học để làm “*Phật*”, chứ không phải học để làm “*Ma*”.



Chánh kiến là điều kiện tất yếu để người Phật tử (nhất là Phật tử xuất gia) có khả năng “*Phòng phi, Chỉ ác*” và “*Chỉ ác, Tác thiện*”, tức biết chọn lựa sống trên mảnh đất “*Thiểu dục, Tri túc*” để nghiêm trì Oai nghi, Giới luật đã thọ lãnh. Do vậy, người giữ giới đồng nghĩa với người có Chánh kiến và ngược lại. Đây là mẫu Phật tử đang thực hiện ý nghĩa xuất gia thứ nhất (*xuất thế tục gia*), tức đang chế ngự để viễn ly Ngũ dục, Lục trần của Dục giới (*thân xuất gia và Tâm xuất gia, Thân không xuất gia mà Tâm xuất gia*). Ý nghĩa căn bản này sẽ được bút giả trình bày cụ thể trong bài “**Bình giải mười ba điều chướng ngại trong tu tập của người xuất gia**”.

## **BÌNH GIẢI MƯỜI BA ĐIỀU CHƯỚNG NGẠI TRONG TU TẬP CỦA NGƯỜI XUẤT GIA**

Trong quyển 48 của “*Chánh pháp Niệm Xứ*” ghi mười ba điều chướng ngại trong sự tu tập của hàng xuất gia như sau:

1. *Nói nhiều.*
2. *Chữa bệnh.*
3. *Hội họa.*
4. *Đờn ca xướng hát, làm thơ ngâm vịnh.*
5. *Chiêm tinh (Xem thiên văn).*
6. *Đoán điềm triệu (Bói toán).*
7. *Tham ăn ngon.*
8. *Thích của báu (vàng bạc, ngọc ngà, đồ cổ.v.v.)*
9. *Thân cận quyền quý.*
10. *Hy vọng được mời thỉnh.*

11. *Không cầu học Chánh pháp.*

12. *Xã giao rộng.*

13. *Ở chung với người xấu.*

Dưới đây, bút giả sẽ lần lượt giải bình vắn tắt các điểm ấy.

1. *Nói nhiều:* Là diễn bày bằng lời nói mọi sự việc phát xuất từ ba phạm vi được thấy, được nghe và được suy nghĩ.

Theo giáo lý Nghiệp, hiện tượng nói nhiều thuộc về Tập quán nghiệp. Tức là người có thói quen thích nói, nói nhiều.

Thế thì, tại sao “*Nói nhiều*” lại gây chướng ngại cho người xuất gia?

- Theo kinh nghiệm nhân gian, người nói nhiều thì sai lầm nhiều (*đa ngôn đa quá*).

- Theo Thiên sư Đại Viên: “*Người xuất gia là muốn vượt đến phương trời siêu thoát, tâm niệm*

Thích Giác Quả

và hình tướng khác với người thế tục, nối tiếp làm hưng thịnh dòng giống của Phật, gây rúng động về nhiếp phục ma quân, để đền đáp bốn ơn, cứu giúp ba cõi” (Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu)<sup>52</sup>.

Nếu người xuất gia không lập hạnh như thế, mà lại “Ăn rồi xúm đầu chuyện trò náo nhiệt, chỉ nói toàn những chuyện bậy bạ của thế gian” (Khiết liễu tụ đầu huyền huyền, dẫn thuyết nhân gian tạp thoại)<sup>53</sup>. Những người này thì Thiên sư gọi là: “Người xuất gia nếu không lập hạnh như vậy, tức là Ma – Quỷ trà trộn vào hàng ngũ chúng Tăng. Lời nói và việc làm sơ suất, trống rỗng; thọ hưởng uổng phí phẩm vật của tín đồ; lối đi năm cũ không

---

<sup>52</sup> - Văn Cảnh Sách.

<sup>53</sup> - Sđđ.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

thay đổi một tác, một bước; quờ quạng một đời, lấy gì làm chỗ nương tựa!”<sup>54</sup>.

Thế nên, về nói phô, người xuất gia phải vận dụng mọi cách để đạt được Chánh ngữ hữu lậu, kể đến thành tựu viên mãn Chánh ngữ vô lậu. Đây là cứu cánh về sự nói phô của hàng xuất gia. Cần nói thêm rằng, phản nghĩa của Chánh ngữ là tà ngữ. Nội dung của tà ngữ rất phong phú, giả như một người nói đúng Pháp, đúng Luật; nhưng phát xuất từ tâm niệm vì danh, vì lợi; hoặc nói không đúng thời, không đúng chỗ.v.v. cũng vẫn nằm trong nội dung của tà ngữ.

2. *Chữa bệnh*: Là chẩn đoán rồi dùng thuốc Nam, thuốc Bắc, thuốc Tây hay các phương tiện khác như Nhân điện.v.v. để trị các bệnh về tâm-sinh lý cho bệnh nhân.

---

<sup>54</sup> - Sđđ.

“*Chữa bệnh*” là một thiện pháp, tại sao lại bảo gây chướng ngại cho người xuất gia?

- Đúng thế, chữa bệnh (*Y phương minh*) là một việc thiện được đức Thế Tôn cho phép hàng xuất gia thực hành. Hơn thế nữa, Ngài còn cho phép sử dụng ngôn ngữ văn chương (*Thanh minh*), công nghệ kỹ thuật (*Công xảo minh*) và lý luận học (*Nhân minh*) để đem lợi lạc đến cho nhân quần xã hội. Tuy nhiên, người được phép sử dụng bốn phương tiện này phải là người có sở kiến, sở tu, sở chứng về Kinh, Luật và Luận (*Nội minh*). Tức người có kiến giải chân xác sâu sắc về Tam tạng giáo điển, đã tinh tấn hành trì nghiêm túc Giới-Định-Tuệ và đã ngộ đạo chứng quả. Nói cách khác, người được phép thực hành bốn phương tiện trên là người đã làm chủ được tâm ý của mình, không còn bị những ô-úế của thế tục xâm nhiễm.

Và đây chính là sự phát tâm thực hiện hạnh Bồ-tát của vị ấy để tăng trưởng hai đức tính Bi-Trí, nhằm chứng những đạo quả cao hơn của sự giải thoát.

Điều kiện người xuất gia được sử dụng Thanh minh, Công xảo minh, Nhân minh và Y phương minh phải là như thế, nên đức Thế Tôn mới chế Luật để ngăn ngừa các Tỷ-kheo phạm phụ tự tiện làm quấy, như giới thứ 82 của *Ba-dật-đề*<sup>55</sup>.v.v. Hay kinh *Di Giáo* dạy: “...*không được chế thuốc thang...tiên được...*” (Bất đắc hiệp hòa thang được... tiên được)<sup>56</sup>.

Do vậy, một Tỷ-kheo phạm phụ làm nghề thầy thuốc (chữa bệnh) được xem là việc tội tệ, thấp hèn, thường bị các Tỷ-kheo khác khinh bỉ. Tuy

<sup>55</sup> - Xem *Ma-ha Tăng kỳ luật* - Tập IV – TT. Thích Phước Sơn dịch – 2003 (Vì đức Thế Tôn dạy rằng, chỉ có Tỷ-kheo mới được đọc giới Tỷ-kheo, nên bút giả không dám ghi cụ thể).

<sup>56</sup> - HT. Trí Quang dịch, ấn tống 1973.

Thích Giác Quả

nhiên, đức Thế Tôn không cho phép một Tỷ-kheo mà khởi vọng tâm như thế. Điều này được ghi ở “*Kính pháp*” thứ ba, điểm “*Nêu tội*”, rằng: “*Tỷ-kheo ni không được nói tội Tỷ-kheo...nói rằng: Tỷ-kheo thầy thuốc... Tỷ-kheo lâm cảm*”<sup>57</sup>.

3. *Hội họa*: Là dùng các dụng cụ chuyên môn để vẽ các hình ảnh về người, về cảm thú hay về phong cảnh. Nghệ thuật viết chữ (Thư pháp) cũng thuộc ngành hội họa này.

“*Hội họa*” là hoa hương làm cuộc sống con người thêm tươi đẹp, tại sao lại bảo gây chướng ngại cho sự tu tập?

- Người làm nghề hội họa (họa sĩ), thứ nhất là phát xuất từ lòng đam mê nghệ thuật, thứ đến là vì kinh tế. Hai lý do này là tâm lý của người thế tục, không liên quan đến nội dung sinh hoạt của người

<sup>57</sup> - *Ma-ha Tăng kỳ luật* - Tập IV – TT. Thích Phước Sơn dịch – 2003.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

xuất gia. Với người xuất gia thì họ thấy biết rõ rằng, tâm lý đam mê (tham ái) là nguồn gốc của tội lỗi và đau khổ, cần phải được chế ngự và đoạn tận. Còn kinh tế (tiền của) thì không quan trọng để phải lao tâm khổ tứ; bởi lẽ, căn bản đời sống của người xuất gia là một kẻ ăn xin (*khất sĩ*) với tư tưởng “*thiếu dục tri túc*”. Vật chất là phương tiện tối thiểu nhằm trợ duyên cho thân thể vật lý khỏi bị bệnh tật, gây yếu để tấn tu đạo nghiệp. Do thế, chư Phật, chư Tổ đều răn dạy hàng xuất gia không được học nghề hội họa. Chẳng hạn: “Không được học tập thi từ. Không được để tâm tập chữ cho đẹp.v.v.”<sup>58</sup>

4. *Đờn ca xướng hát, làm thơ ngâm vịnh*: Là những sinh hoạt của giới nhạc sĩ, ca sĩ, nghệ sĩ, thi sĩ và các giới văn nghệ nghiệp dư, phong trào.

<sup>58</sup> *Sa-di giới và Sa-di ni giới* - Tập II - Phần phụ oai nghi thứ 8 – HT. Trí Quang dịch.

“*Văn nghệ*” là nghệ thuật làm thư giãn tâm-sinh lý giúp con người thoải mái, tươi vui. Tại sao đạo Phật lại bảo văn nghệ làm chướng ngại cho sự tu tập?

- Văn nghệ phát xuất từ tâm lý thế tục mang tính ô-úế, tham ái (tìm cầu lạc thọ). Tham ái là một trong ba độc tố (*Tam độc*) dẫn dắt con người trôi lăn trong sanh tử khổ đau. Là người xuất gia, bằng mọi giá phải chế phục và đoạn tận không chỉ tham ái mà cả sân nhuế lẫn si mê. Bởi lẽ, ngày nào còn chất liệu của *Tam độc* thì ngày ấy vẫn còn khổ đau, bất an. Chính thế và vì thế, trong Kinh – Luật ghi lại rất nhiều những lời đức Thế Tôn ngăn cấm hàng xuất gia (kể cả tại gia) thực hành các trò văn nghệ ấy.

Chẳng hạn, khi thọ Sa-di, người Sa-di phải giữ giới thứ 7: “*Không được ca vũ, hòa tấu, biểu diễn*

*hay đi xem nghe*” (Bất ca vũ xướng kỹ, bất vãng quan thính)<sup>59</sup>. Còn Sa-di ni thì giữ giới thứ 8: “*Không được ca, múa, tấu nhạc*” (Bất ca vũ âm nhạc giới)<sup>60</sup>. Hoặc Tỷ-kheo ni thì giữ thêm giới thứ 79 của *Ba-dật-đề*<sup>61</sup>, người thọ giới Bồ-tát thì giữ thêm giới thứ 33<sup>62</sup>. Và, ngay đối với Kinh điển người xuất gia cũng không được sử dụng sai mục đích, như: “*Không được chọn Kinh ứng phó đạo tràng mà học tập... Không được học tập cách xướng Kinh, họa Kệ.v.v.*”<sup>63</sup>.

Về Kinh, nếu cần tham khảo thêm thì hãy đọc *Tạp A-hàm* và *Tương Ưng Bộ kinh.v.v.*

5 & 6. *Chiêm tinh, Đoán điềm triệu (Bói toán):*

<sup>59</sup> *Sa-di giới Sa-di ni giới* - Tập I – HT.Trí Quang dịch.

<sup>60</sup> Sđd.

<sup>61</sup> Xem *Tỷ-kheo ni giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>62</sup> Xem *Bồ-tát giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>63</sup> *Sa-di giới và Sa-di ni giới* - Tập II - Phần phụ oai nghi thứ 8 – HT. Trí Quang dịch.



## Thích Giác Quả

*Chiêm tinh* là thuật xem sao, xem hành tinh trên trời mà đoán biết được số mệnh con người hoặc các việc xảy ra trong đời sống con người. Còn *điềm triệ* tức bói toán tìm hiểu các phương diện tương quan đến sức khỏe, danh vọng, mồ mả.v.v. của con người. Vì mục đích đều tìm hiểu về số phận con người nên bút giả gộp lại để cùng giải và bình một lượt.

“*Chiêm tinh*” và “*Bói toán*” sẽ giúp con người biết được những việc tốt – xấu xảy ra chung quanh cuộc sống con người, đó là một điều tốt, tại sao đạo Phật lại bảo sẽ gây chướng ngại cho sự tu tập của người xuất gia?

- Cách nuôi sống của người xuất gia, hẳn phải là chân chánh (*Chánh mạng*) được xây dựng trên lập trường “*thiếu dục tri túc*”. Đó là nhân duyên thuận lợi nhất cho sự tu tập tiến về giác ngộ giải thoát.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Ngược lại, nếu người xuất gia làm những nghề mà Giới Luật ngăn cấm để sinh sống là rơi vào đời sống tại gia, tà mạng, đi vào con đường sanh tử, khổ đau. Cuộc sống tà mạng ấy có bốn thứ<sup>64</sup>.

1. *Hạ khẩu thực*: Làm nghề nông hay nghề thầy thuốc để kiếm sống.

2. *Ngũng khẩu thực*: Làm nghề thuật số, ngược lên trời xem tinh tú, mặt trời, mặt trăng, xem gió, mưa, sấm, chớp để cầu cơm ăn áo mặc.

3. *Phương khẩu thực*: Luồn cúi nịnh bợ những nhà quyền thế, giàu có để được họ sai làm việc này việc nọ, múa mép ba hoa để sinh sống.

4. *Duy khẩu thực*: Duy là tứ duy (Bốn phương trời), chỉ các Tỷ-kheo học các chú thuật, bói toán lành dữ để cầu cơm áo mà sinh sống.

<sup>64</sup> *Từ điển Phật học Hán - Việt* – NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1998.

## Thích Giác Quả

Trong các bộ Luật, chúng ta đã thấy đức Thế Tôn chế nhiều giới để ngăn cấm người xuất gia chọn cách nuôi sống theo các việc tà mạng, chẳng hạn:

“... Không được học tập Kinh điển nguy tạo. Không được học tập sách coi số, sách coi tướng, sách thuốc, sách quân sự, sách bói, sách thiên văn, sách địa lý, sách sâm truyền, cho đến những sách luyện đan, thần kỳ quỷ quái, phù thủy.v.v.”<sup>65</sup>

Hoặc trong luật *Tỳ-kheo* có các giới số 117, 118, 169 và 170.v.v.<sup>66</sup> Về giới *Bồ-tát* thì có:

- Giới 29: *Không được sống bằng tà mạng:*

Phật tử nếu vì độc ác và vụ lợi mà buôn bán dâm nam, dâm nữ... Coi tướng nam nữ, đoán

---

<sup>65</sup> *Sa-di giới và Sa-di ni giới* - phụ oai nghi thứ 8 - Tập II – HT. Trí Quang dịch.

<sup>66</sup> *Tỳ-kheo ni giới* – Thiên Ba-dật-đề. HT. Trí Quang dịch.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

mộng tốt xấu, đoán thai trai gái, làm các chú thuật, xảo thuật... Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cầu.

-Giới 33: *Không được tà tâm làm quấy:*

Phật tử thì không được bằng tâm lý đen tối mà xem sự đấu sức của nam nữ, của quân trận... Không được xem nghe ca vũ, không được cờ bạc, không được bói toán, không được làm liên lạc cho đạo tặc... Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cầu”<sup>67</sup>.  
Hoặc kinh *Di Giáo* dạy: “...không được bói tướng, coi thiên văn, đoán thời tiết... chú thuật.v.v.”<sup>68</sup>

7. *Tham ăn ngon:* Là tham cầu, thích thú ăn uống các thực phẩm hợp với bản năng, hợp với khẩu vị.

“*Tham ăn uống vị ngon món lạ*” sẽ có nhiều chất dinh dưỡng tốt cho cơ thể, tại sao đạo Phật lại bảo gây chướng ngại cho sự tu tập?

---

<sup>67</sup> *Bồ-tát giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>68</sup> HT. Trí Quang dịch, ấn tống 1973.

## Thích Giác Quả

- Theo quan niệm nhân gian: “*Ăn để sống, chứ không phải sống để ăn*”. Cho nên, người nào tham ăn uống, thì đó là một thói xấu, đánh mất một phần phẩm chất con người. Vậy, theo quan điểm của đạo Phật thì thế nào?

- Thứ nhất, tham ăn uống là thuộc phạm vi thế tục; bởi lẽ, nghĩa thấp nhất của từ “*xuất gia*” là xuất thế tục gia. Một người xuất gia mà tham ăn uống, trên nghĩa này, là đã “*hoàn gia*”. Tức đang sống cách sống của thế tục, đang bị trói buộc, nô lệ bởi ngũ dục lạc (tài, danh, sắc, thực và thụ).

- Thứ hai, tham ăn uống là vi bội tiêu chuẩn hay lập trường cách nuôi sống của người xuất gia. Người xuất gia là “*xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo*”, luôn vận hành và an trú hỷ lạc trên tư tưởng “*thiểu dục tri túc*”, Chánh nghiệp và Chánh

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*mạng*, để làm nền tảng nhằm tấn tu thành tựu Chánh định và Chánh tuệ.

-Thứ ba, người xuất gia mà tham ăn uống là vi phạm Giới luật đã thọ.

Thời đức Thế Tôn tại thế, tại Ấn Độ về tám món: tô, dầu, mật, đường, sữa, lạc, cá và thịt được xem là những món ăn uống cao cấp vừa ngon vừa bổ dưỡng. Đức Thế Tôn chế định rằng, nếu Tỷ-kheo không bệnh mà đòi ăn uống các món ấy là phạm Hối quá (*Ba-la-đề-đề-xá-ni*)<sup>69</sup>.

Thậm chí, ăn phi thời hay ăn đồ ăn cách đêm cũng phạm *Ba-dật-đề* (giới 37, 38)<sup>70</sup>. Ngoài ra, những việc liên quan đến ăn uống, đức Thế Tôn cũng chế định đến 36 điều<sup>71</sup>, trong đó có 11 giới

<sup>69</sup> Xem 8 giới Ba-la-đề-đề-xá-ni của *Tỷ-kheo ni giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>70</sup> Xem *Tỷ-kheo giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>71</sup> Sđd.

Thích Giác Quả

của *Ba-dật-đề*, 4 giới của *Ba-la-đề đê-xá-ni* và 12 điều của *Pháp phái học*.

Nơi đây, bút giả cần nói thêm một ý nhỏ rằng, Tăng già thời đức Thế Tôn, cách nuôi sống hoàn toàn tuân theo hạnh tu “*trì bình khất thực*” và một ngày chỉ ăn một bữa (*ngọ trai*). Món ăn là “*tùy thí tùy thực*” (cho gì ăn đó), không nhất thiết phải ăn chay hay mặn. Riêng về món ăn mặn (cá, thịt) cần phải hội đủ ba yếu tố (*Tam tịnh nhục*) thì mới được ăn mà không phạm giới. Ba yếu tố đó là<sup>72</sup>:

1. *Kiến*: Không thấy con vật bị giết và không phải bị giết vì mình.
2. *Văn*: Không nghe tiếng đau đớn của con vật bị giết và không phải bị giết vì mình.
3. *Nghi*: Không nghi ngờ người ta giết con vật vì mình.

---

<sup>72</sup> *Thập tụng luật*, quyển 37.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Hiện giờ, hệ phái Nam tông vẫn duy trì vấn đề ăn mặn. Nhưng, phải chăng vẫn trung thực với tinh thần “*tùy thí tùy thực*” như thời kỳ nguyên thủy?

Tuy nhiên, theo Phật giáo Bắc tông, ăn thịt cá là tổn hại tâm từ bi. Đức Thế Tôn khai ba thứ tịnh nhục chỉ là quyền biến, chứ nguyên tắc của Kinh – Luật Bắc tông là cấm chỉ vấn đề ăn thịt cá. Điều này đã được ghi trong *Tứ phần luật*, quyển 42; *Thập tụng luật*, quyển 37; *Thủ Lăng Nghiêm nghĩa sơ chú kinh*, quyển 9; *Phạm Võng kinh yếu giải*, quyển 5; *Niết-bàn kinh*, quyển 4.v.v.<sup>73</sup>

8. *Thích của báu*: Là yêu thích, tham cầu những vật dụng quý hiếm rất có giá trị trên thị trường, như vàng bạc, ngọc ngà, đồ cổ.v.v.

---

<sup>73</sup> *Theo Từ điển Phật học Hán - Việt* – NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1998.

## Thích Giác Quả

Tại sao “*Thích của báu*” lại gây chướng ngại cho sự tu tập của người xuất gia?

- Ở các điểm trên, bút giả đã giới thiệu nhiều lần về lập trường sinh sống của người xuất gia mà đức Thế Tôn đã chế định, đó là sống trên lập trường “*Thiếu dục tri túc*” hay “*Tam thường bất túc*”. Do vậy, người xuất gia mà ham thích của báu là đi ngược lại hướng sống mà đức Phật đã dạy. Đề trợ duyên hàng đệ tử xuất gia đi đúng hướng, đức Thế Tôn đã chế nhiều giới để ngăn cấm sự liên hệ đến của cải, vàng bạc... Chẳng hạn, Sa-di thì phải: “*Mười là không được nắm giữ vàng bạc, bảo vật*” (Thập viết bất tróc trì sanh tượng kim ngân, bảo vật). Còn Sa-di ni thì: “*Giới thứ chín là không được nắm giữ vàng ngọc*” (Đệ cửu bất tróc trì kim bảo giới)<sup>74</sup>. Với Tỷ-kheo thì phải giữ thêm

<sup>74</sup> Sa-di giới và Sa-di ni giới, tập I – HT. Trí Quang dịch.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

giới 18, 19 thuộc *Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề* và giới 82 thuộc *Ba-dật-đề*<sup>75</sup>. Tỷ-kheo ni thì phải giữ thêm giới 9, 10 thuộc *Xả-đọa* và giới 66 thuộc *Đọa*<sup>76</sup>. Về giới Bồ-tát, thì giới 17 dạy rằng: “*Không được ý thế ham cầu*”. Tức là, “*Phật tử nếu tự mình vì đồ ăn... vì tiền của... thân cận với quốc vương... rồi ý thế làm oai... chiếm đoạt tiền tài, sản vật của người... thì phạm tội khinh cầu*”<sup>77</sup>.

9&12. Thân cận quyền quý và xã giao rộng: Điểm 9, là cố tình thân thiện với những người có quyền lực, những người cao sang, giàu có. Điểm 12, là cố tình quan hệ với mọi người đủ các giai cấp trong xã hội. Hai điểm này được hợp lại bởi có điểm chung, là “*cố tình làm thân với người khác-bạch y*”.

<sup>75</sup> Xem *Tỷ-kheo giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>76</sup> Xem *Tỷ-kheo ni giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>77</sup> *Bồ-tát giới* – HT. Trí Quang dịch.

Thích Giác Quả

“*Thân cận quyền quý, xã giao rộng*” tại sao lại gây chướng ngại cho sự tu tập?

- Bốn phận người xuất gia là hành trì Giới-Định-Tuệ để chế ngự và đoạn tận tham-sân-si nhằm chứng đạt quả vị giải thoát tối hậu là Phật-đà. Điểm 9 và 12 chẳng liên hệ gì đến nội dung tu tập của một hành giả. Trên sự thật, việc thân cận với quyền quý, không vì lợi thì cũng vì danh, vấn đề xã giao rộng cũng tương tự như thế. (Trừ trường hợp những vị đã có chứng ngộ tùy duyên để giáo hóa)

Chính hai điểm này gây chướng ngại cho sự tu tập, nên đức Thế Tôn đã chế các giới để ngăn cấm hàng xuất gia thực hành việc ấy. Như giới *Ba-dật-đề* thứ 84, 85<sup>78</sup> và 99<sup>79</sup>, hay giới thứ 17 của *Bồ-*

<sup>78</sup> Xem *Ma-ha Tăng kỳ luật*, tập IV, TT. Thích Phước Sơn dịch.

<sup>79</sup> Sđd.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*tát.v.v.*<sup>80</sup> Hoặc kinh *Di Giáo* dạy: “...không được giao hảo người quyền quý rồi hèn hạ, ngạo mạn.v.v.”<sup>81</sup>

10. *Hy vọng được mời, thỉnh*: Là ao ước, trông mong mình được cá nhân hay tập thể mời hoặc thỉnh. Như, ngày xưa được tín đồ mời ngộ trai, hay được *Yết-ma* cử đi giáo giới Ni. Ngày nay thì trông mình được mời rất nhiều việc, như Ứng phó đạo tràng, mời trai Tăng, mời làm Giáo thọ sư, mời vào Ban Trị Sự, mời làm Trụ trì, mời tham quan, mời xuất ngoại.v.v.

Tại sao “*Hy vọng được mời, thỉnh*” lại chướng ngại sự tu tập?

- Bởi lẽ, thứ nhất, tâm trông mong được mời, thỉnh là vọng tâm, là tâm hướng ngoại; thứ hai, vì vọng tâm nên dù được mời thỉnh tham dự những

<sup>80</sup> *Bồ-tát giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>81</sup> HT. Trí Quang dịch, ấn tống 1973.

Thích Giác Quả

việc chân chính đi nữa, thì việc ấy cũng trở thành “*Ma sự*” (*Vong thất Bồ-đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp*)<sup>82</sup>.

11. *Không cầu học Chánh pháp*: Là không có tâm mong cầu học hỏi Kinh, Luật và Luận, là Chánh pháp được đức Thế Tôn và chư Thánh Tăng chỉ dạy.

Tại sao “*Không cầu học Chánh pháp*” là chướng ngại sự tu tập?

- Nói đơn giản, người xuất gia gọi nôm na là người đi tu. Nghĩa của từ “Tu” là sửa đổi, sửa chữa. Vậy người đi tu sửa chữa cái gì? – Là sửa chữa cái tâm ý tại gia (uế trược) trở thành cái tâm ý xuất gia (*thanh tịnh*). Vậy nương vào cái gì để sửa chữa? – Nương vào Giới-Định-Tuệ (*Chánh*

---

<sup>82</sup> *Kinh Hoa Nghiêm*.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*pháp*) để sửa chữa. Cho nên, tu tập mà không học hỏi Chánh pháp gọi là “Tu mù”.

Vì thế, đức Thế Tôn đã chế nhiều giới để sách tấn những người xuất gia mà xem thường việc học tập Chánh pháp. Chẳng hạn như giới *Ba-dật-đề* số 71, 72 của Tỷ-kheo<sup>83</sup>, giới *Ba-dật-đề* số 56, 130,131 của Tỷ-kheo ni<sup>84</sup>, hay như giới Khinh số 6, 7, 22, 44 và 114 của *Bồ-tát giới*<sup>85</sup>.

Về Kinh, có nhiều Kinh đức Thế Tôn dạy về vấn đề này. Như kinh *Cầu Pháp* (Trung A-hàm), kinh *Thừa Tụ Pháp* (Trung Bộ kinh), trong đó Ngài dạy các Tỷ-kheo rằng: “*Các Thầy hãy thừa tụ Pháp, chớ đừng là những người thừa tụ ả thực*”. Hoặc như kinh *A-lê-tra* (Arittha – Trung A-hàm), kinh *Ví Dụ Con Rắn* (Trung Bộ kinh), Ngài

---

<sup>83</sup> Xem *Tỷ-kheo giới* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>84</sup> Xem *Tỷ-kheo giới ni* – HT. Trí Quang dịch.

<sup>85</sup> *Bồ-tát giới* – HT. Trí Quang dịch.

Thích Giác Quả

lại dạy hàng Tỷ-kheo về phương pháp học tập. Đó là, người học Phật pháp phải thông qua tiến trình “*Văn-Tư-Tu*” một cách niêm mật để thành thực Chánh pháp đã được học, nếu không như vậy, thì sẽ rơi vào kiến chấp để đón nhận những phiền lụy, khổ đau. Không nghiêm túc, thiện xảo học tập Chánh pháp thì tương tựa như “*bắt rắn độc ở đuôi, sẽ bị rắn cắn làm cho khổ sở hoặc bị chết*”.

Hiện nay, Tăng-Ni, Phật tử có thiện duyên lớn, nên đa phần đều được học Phật pháp. Nhưng thái độ học thuộc loại nào dưới đây?

- Thứ nhất, “*không nghe nên không nghe*”: Là những người đến đạo tràng để nghe Pháp mà ngủ gà ngủ gật, không nghe tiếng, không nghe Pháp mà tâm cũng không nghe.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

- Thứ hai, “*nghe mà không nghe*”: Chỉ nghe âm thanh chứ không nghe Pháp, nghe tiếng nói đạo lý của tâm.

- Thứ ba, “*nghe mà nghe*”: Tức vừa nghe rõ ràng từng tiếng, vừa nghe Pháp, lại vừa hội lĩnh sâu sắc đạo lý của Pháp. Đây là cách nghe trọn vẹn nhất.

- Thứ tư, “*không nghe mà nghe*”: Không nghe âm thanh mà chỉ nghe tiếng nói của tâm.

13. *Ở chung với người xấu*: Người xấu tại đây là chỉ những người xuất gia; bởi lẽ, người xuất gia thì không được phép sống chung với người tại gia. Do vậy, nghĩa của câu ấy là sống chung, sinh hoạt chung với những người đồng tu cùng một chùa, cùng một tổ chức (trường lớp, ban ngành), mà tâm ý của những người ấy chứa chất nhiều mùi vị thế tục.



Thích Giác Quả

Tại sao “*Ở chung với các đạo bạn xấu ác*” lại gây chướng ngại cho sự tu tập?

- Trong câu hỏi đã hiển lộ khá rõ đáp án rồi; vì lẽ, ai cũng biết “*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”. Đại để, căn cứ bốn loại xuất gia (*Tứ loại xuất gia*), thì người xuất gia xấu ác là loại “*thân xuất gia mà tâm không xuất gia*”. Nếu căn cứ bốn hạng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xấu ác là hạng “*nội thân có cấu uế mà không biết như thật mình có cấu uế*”<sup>86</sup>.

Thời đức Thế Tôn tại thế, thành phần người xuất gia xấu ác rất tối thiểu, về hàng Tỷ-kheo thì có nhóm “*Lục quần Tỷ-kheo*”, gồm Xiển-đà, Ca-lưu-đà-di, Tam-văn-đạt-đa, Ma-kê-sa-đạt-đa, Mã-sư, Mãn-túc; và nhóm “*Thập thất quần Tỷ-kheo*”, là 17 người bạn thân của nhau, lớn nhất là 17 tuổi,

---

<sup>86</sup> Kinh *Uế Phẩm* – Trung A-hàm.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

nhỏ nhất là 12 tuổi, đứng đầu là Upàli. Về Tỷ-kheo ni thì có nhóm “*Lục quần Tỷ-kheo ni*”, gồm Thâu-la-nan-đà, Sai-ma, Ủy-thứ, Tô-ma, Bà-phả-di và Di-đa-la<sup>87</sup>.

Bây giờ là thời đại Mạt pháp, đã mạt trên một ngàn năm; vì thế, thành phần xấu ác trong hàng xuất gia hẳn nhiên chiếm đa phần. Tuy vậy, phải thấy như thật rằng, Phật pháp suy mạt là trách nhiệm của mỗi người xuất gia, như “*Phạm Võng kinh Bồ-tát giới bốn*” đã xác chứng: “*Như con sâu trong thân Sư tử ăn thịt Sư tử, chứ không phải con sâu bên ngoài. Chính những kẻ Phật tử tự phá hoại Phật pháp, chứ không phải ngoại đạo, quý thân phá được*” (Như Sư tử thân trung trùng, tự thực Sư tử nhục, phi dư ngoại trùng. Như thị Phật

---

<sup>87</sup> Theo *Ma-ha Tăng kỳ luật*.

Thích Giác Quả

tử tự phá Phật pháp, phi ngoại đạo thiên quý năng phá).

Tóm lại, mười ba điểm mà “*Chánh Pháp Niệm Xứ*” giới thiệu, chỉ là các điểm tiêu biểu tối thiểu. Trên thực tế, trong đời sống người xuất gia có vô số việc gây chướng ngại cho sự tu tập. Đại để, bất cứ hành động gì của người xuất gia mà thiếu “*tỉnh giác*”, thì chính hành động ấy làm chướng ngại cho sự tu tập của đương sự. Thế nên, để sự tu tập được thuận duyên, tối thiểu người xuất gia phải sống trên lập trường “*thiếu dục tri túc*” và luôn có tâm niệm “*tàm quý*”. Nếu nói đủ, thì phải hoàn thiện ba yếu tố, là “*Chánh kiến*”, “*Trì giới*” và hành “*Oai nghi*”.



Trước khi nhập Niết-bàn đức Thế Tôn đã xác định rằng: “*Chánh pháp tự lợi, lợi tha Ta đã tạo*

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

cho các Thầy một cách cứu cánh, các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành”<sup>88</sup>. Nhưng thực tế, đa phần hàng Tứ chúng (nhất là hàng xuất gia) thời cận đại và hiện đại đã thiếu chánh kiến trước khi, trong khi và sau khi vào đạo, nên không thật học, thật tu như chư Phật tử ngày xưa, do vậy trên sinh hoạt đã biến Phật giáo trở thành những phương tiện để đáp ứng cái tư kiến, sở kiến của mình. Đây là các điểm căn bản làm Phật giáo ngày nay biến thành nhiều hình thái vô vàn nhiều khê, mất hẳn tính truyền thống của Phật giáo. Sự kiện này sẽ được bút giả phân tích trong bài “**Phật giáo ngày nay**” dưới đây.

<sup>88</sup> - Kinh *Di Giáo* – trang 89, HT. Trí Quang dịch, ấn tống 1973.

## PHẬT GIÁO NGÀY NAY

Ngày nay, Phật giáo đã đi sâu vào thời kỳ Mạt pháp trên một ngàn năm, không còn giữ được tính nguyên chất của Phật giáo thời đức Phật tại thế và thời kỳ Chánh pháp; đồng thời, thực chất của Phật giáo Tượng pháp cũng đã bị đánh mất. Hiện tại, Phật giáo đã suy mạt, phân hoá, mất chất một cách trầm trọng.

### I. Phật giáo thế giới.

Giờ đây, Phật giáo không còn hạn chế trong phạm vi Châu Á, mà đã được phát triển khá rộng rãi đến cả bốn châu còn lại. Nhưng trên thực tế, cũng chỉ là Phật giáo của thời Mạt pháp.

Căn cứ vào sự sinh hoạt của Phật giáo trên thế giới; tối thiểu, chúng ta có thể quy kết vào bốn loại:

#### 1) Phật giáo truyền thống.

Là Phật giáo vẫn duy trì sắc thái nội dung tu tập của thời Chánh pháp và Tượng pháp. Trong này, những Phật tử là những hành giả thực hiện tiến trình tu tập để liễu tri về tự thân và vũ trụ, chứng đạt giải thoát. Tiến trình mà hành giả thông qua bằng cách chân thành học hỏi Tam tạng giáo điển Kinh-Luật-Luận, nói gọn là Giới-Định-Tuệ (*Văn, Giáo*); rồi tư duy đúng hướng để lãnh hội Pháp, Luật khế hợp ý Phật, nhất như với chân lý (*Tu, Lý*); với kết quả của tư duy này, hành giả hiện thực qua ba nghiệp thân-khẩu-ý để chuyển lý thuyết biến thành thái độ sống, an trú trong Chánh pháp (*Tu, Hạnh*); thời điểm tri-hành dung thông, hợp nhất là chứng đạt giải thoát (*Quả*).

Ngày nay, tiếc rằng loại Phật giáo truyền thống này rất hiếm trên thế giới, về các loại Phật giáo

Thích Giác Quả

khác thì đã lệch lạc rất nhiều so với Phật giáo truyền thống.

## **2) Phật giáo nghi lễ.**

Phật giáo vốn không phải là một tôn giáo theo định nghĩa thông thường, vì rằng Phật giáo không phải là một hệ thống tín ngưỡng, lễ bái, van xin, đem sinh mạng trao cho một đấng Thần linh siêu hình; mà là một nền giáo dục nhân chủ, nhân bản; nền giáo dục đức hạnh siêu việt chuyển hoá con người từ địa vị phàm tục trở thành Thánh nhân, Phật-đà. Nền giáo dục này đã tác thành người xuất gia sống đúng Chánh pháp từng ngày theo biến dịch của thời gian, bằng biểu hiện nửa thời gian trong ngày dành cho “*hạ thủ công phu*” hoặc Thiền, hoặc Tịnh hay Mật... nửa thời gian còn lại dành vào việc nghiên cứu, học hỏi giáo điển và thuyết giảng.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Ngày nay, cách sinh hoạt đúng Pháp này không còn nữa; giờ đây, các Tự viện đa phần là cơ sở tương quan giữa hàng xuất gia và tại gia về các việc cúng tế, cầu đảo. Kinh, Tượng đã trở thành những phương tiện kiếm sống của người xuất gia, và đối tượng cúng bái cầu phước lộc của người tại gia . Với sự suy thoái về Chánh kiến của hàng con Phật như thế, nên đã biến Phật giáo trở thành một tôn giáo tầm thường, Phật giáo của những nghi lễ ma chay, đình đám... hướng ngoại, vong thân.

## **3) Phật giáo kiến thức.**

Giáo lý Phật giáo hẳn nhiên không phải là một hệ thống triết học, văn học... thuần túy, mà là một hệ thống giáo dục đạo đức và trí tuệ siêu việt, hoán chuyển hai lĩnh vực tình cảm và kiến thức của con người thăng hoa thành hai đức tính Từ bi

Thích Giác Quả

và Trí tuệ siêu đẳng, để từ một con người tầm thường đầy hệ lụy trần thế thành một đấng Siêu nhân, giải thoát hoàn toàn mọi ô nhiễm Tam giới. Quá trình để đạt được cứu cánh giải thoát này, đòi hỏi một hành giả khi học tập giáo lý phải thực nghiệm chuyên sâu công đoạn Văn-Tư-Tu nghiêm minh, để chuyển tải Văn tuệ - Tư tuệ - Tu tuệ hữu lậu phàm phu thành Văn tuệ - Tư tuệ - Tu tuệ vô lậu Thánh nhân.

Dẫu rằng, công năng của nền giáo dục Phật giáo đối với hàng Phật tử nói riêng, có hệ quả thiết thực toàn thiện như thế; nhưng rồi, cũng chính hàng Phật tử là những người trực tiếp biến giáo lý như một môn thể học, để trở thành đối tượng nghiên cứu, học hỏi; nhằm để vừa trang bị kiến thức, vừa củng cố địa vị lợi-danh trên thị trường văn hoá thế nhân.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

#### **4) Phật giáo lai căn.**

Phật giáo lai căn là loại Phật giáo đã tiếp nhận những tư tưởng và động thái hoặc của các tôn giáo khác hay các tập quán thế tục vào đời sống của mình. Những thành viên trong loại này hoặc vô tình hay cố ý đã biến những mẫu ngoại lai này như là nội dung của Phật giáo, bằng cách pha trộn chúng vào trong giáo lý và phương pháp tu tập của Phật giáo đích thực, để trở thành một loại vừa Phật giáo vừa ngoại lai; hơn thế nữa, trong loại này có các nhóm còn đi xa hơn, là chỉ mượn một số ngôn từ và hình thức của Phật giáo, còn nội dung và mục đích thì hoàn toàn ngoại nhập.

Với người có nhận thức trong sáng hay có Chánh kiến, thì các mẫu ngoại lai này rất dễ nhận diện. Đại để, những gì trái chống với lý do, mục

Thích Giác Quả

đích và cách nuôi sống đúng Pháp của người con Phật, nhất là người xuất gia, thì tất cả cái ấy là phi Phật giáo. Nói cách khác, mọi tư tưởng và hành hoạt không khế hợp Oai nghi, Giới luật và Kinh pháp đã được ghi trong Tam tạng giáo điển thì những thứ ấy là lai căn.

Ở một góc độ để nhìn, thì Phật giáo nghi lễ và Phật giáo kiến thức cũng đã lai căn khá trầm trọng. Tuy vậy, cấp độ tai hại cho Phật giáo và xã hội không bằng Phật giáo lai căn này; bởi lẽ, bản thân của loại Phật giáo này hoàn toàn sai lạc, nhưng với pháp môn thông qua ngôn ngữ và hành tướng rất hấp dẫn, rất lôi cuốn, dễ đánh lừa những ai nhẹ dạ, thiếu Chánh kiến.

## **II. Phật giáo Việt Nam.**

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Phật giáo Việt Nam cùng vận hành trong cộng nghiệp với Phật giáo thế giới, nên trên tổng thể vẫn hiện hữu bốn loại Phật giáo như thế.

### ***1) Về Phật giáo truyền thống.***

Hiện tại, từ Nam chí Bắc khó tìm thấy một chúng, một Phật tử trình hiện sự tu tập của mình đầy đủ sắc thái nội dung Giáo-Lý-Hạnh-Quả như thời Chánh pháp. Hoạ hoằn, rải rác đó đây có vài vị biểu hiện Chánh tín, Chánh kiến và Pháp hành của mình khá đậm nét. Điểm này được hiện thực trong tinh thần cố gắng tiêu hoá Oai nghi, Giới pháp đã lãnh thọ, nhẹ nhàng với danh với lợi đang bủa vây, ít nô lệ vật dục của thị trường đương đại, có tâm khiêm hạ và trăn trở trước thực trạng suy đồi của Đạo pháp.

## Thích Giác Quả

Một vị xuất gia trong thời điểm này có hành xử như thế, thì đã quá hiếm, quá đẹp lắm rồi. Và, những mẫu người này chính là những bậc mô phạm làm chỗ nương tựa cho bất cứ ai muốn trở thành một Phật tử có tư cách tối thiểu, có lợi ích thực tế.

### 2) Về Phật giáo nghi lễ.

Theo luật *Tứ Phần*, nghi lễ là cách hành xử của Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni qua Giới luật đã thọ lãnh; đồng thời, thực hiện những quy điều về thọ giới, thuyết giới; về an cư, tự tứ; và về cách thức làm phòng xá. Đến thời Phật giáo suy nhạt, một số tác phẩm dành riêng cho cúng tế ra đời, đa phần người xuất gia không học không hành Kinh Luật, mà lại thích thú học và hành các “*Khoa nghi ứng phó đạo tràng*” ấy; do đây, mà từ “*nghi lễ*” bị mọi người ngộ nhận như là những sinh hoạt thuộc lĩnh

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

vực cúng tế, cầu nguyện. Đây là hiện trạng xảy ra từ cuối đời nhà Trần (cuối thế kỷ XIV TL.) cho đến bây giờ. Qua nhiều thế kỷ, mặt nổi của Phật giáo là những hình thái cúng tế, nên khi nói đến Phật giáo phần lớn mọi người kể cả hàng Phật tử, điều hiểu Phật giáo là một tôn giáo chuyên việc cúng bái, cầu đảo. Từ hiểu biết lệch lạc này, người ta nghĩ rằng, đi tu là đi học nghi thức cúng bái để trở thành là Kinh sư, là Công văn, là Chủ sám hay Chứng minh.

Môi trường cúng bái là một trong những thị trường của danh và lợi, nên phát sinh lắm chuyện nhiều khê. Không tu tập thì danh-lợi là đối tượng rất hấp dẫn, chúng lôi cuốn, trói buộc đủ các thành phần, trong đó vừa là người xuất gia, vừa là người xuất gia hoàn tục, vừa là một số hội viên các khuôn hội. Do sự cúng bái vừa có tuổi thọ dài lâu, vừa phát

Thích Giác Quả

triển sâu rộng, nên đã biến Phật giáo như một tôn giáo Thần quyền thuộc hệ đa Thần. Chư Phật, Bồ-tát... Hộ pháp trở thành những vị ban ân giáng phước; Kinh điển, Pháp khí trở thành những phương tiện cho việc cầu đảo, cúng bái ấy.

### 3) Về Phật giáo kiến thức.

Thời xưa, mỗi ngôi chùa là một trường học, vị Bổn sư là Giáo thọ mà đệ tử là học trò. Sau đó, các Tu viện ra đời thì các vị Giáo thọ và học Tăng cùng chung sống trong quy luật Thiền môn. Về giáo dục thì chú trọng Giới-luật hơn Kinh-luận, các vị Giáo thọ trao truyền kinh nghiệm tu tập cũng như kiến giải về Oai nghi, Giới luật và Kinh-luận đến học Tăng; nếu cần ngoại giáo hoặc kiến thức xã hội thì sẽ được học hỏi tại Già lam, không giao tiếp bên ngoài, không khí giáo dục, hành hoạt không mang sắc thái của học đường, nên khi mãn

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

khoá mỗi học Tăng được trang bị ổn định về Phật pháp căn bản, về Chánh tín đối với Tam Bảo, về Chánh kiến đối với tự thân, thế giới, và về đạo phong đức hạnh. Sự giáo dục này được truyền trì từ thế hệ này đến thế hệ khác làm Chánh pháp rực sáng giữa cuộc đời, làm lợi lạc cho nhân quần xã hội.

Đến khi Phật giáo chuyển mình (giữa thế kỷ XX TL) muốn đem Phật học vào xã hội, nên cách giáo dục cũ chuyển sang mô thức học đường. Giờ đây, trên toàn quốc thi đua mở các trường Phật học, nào Sơ cấp, nào Trung cấp, nào Cao đẳng, nào Học viện. Do sự cải đổi giáo dục này nên học Tăng, học Ni nghiêng về thế học xem thường Phật học, thậm chí có nhiều vị chỉ học thế học mà thôi. Xuất phát từ tư tưởng lệch hướng như thế, nên ngay đối với hàng xuất gia, Phật pháp chỉ là một



## Thích Giác Quả

môn học để trang bị kiến thức nhằm tôn vinh tự ngã, do đây phong trào tranh nhau vì “*học vị*” như một “*mê hồn trận*” mà ít ai trong học Tăng, học Ni hiện tại không bị “*mê hồn*”. Và, do cái học mất gốc, nên người có bằng cấp càng cao, kiến thức càng rộng thì “*cái ngã*” càng lớn, chẳng ích lợi gì cho Đạo pháp, trái lại, còn đầu độc tà kiến cho tha nhân, xã hội.

### 4) Về Phật giáo lai căn.

Hiện nay tại Việt Nam, loại Phật giáo lai căn này rất phổ biến dưới nhiều dạng thức sai khác; trong đó, một số du nhập từ nước ngoài, số còn lại phát xuất trong nước. Do trình độ tâm linh hạn chế, nên các tín ngưỡng ấy được các giới Phật tử nhiệt tình đón chào và chấp nhận một cách dễ dàng không cần suy xét.

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

Các tín ngưỡng nhập từ nước ngoài như: Phật giáo Thanh Hải Vô Thượng Sư; Phật giáo Phật Chúa thờ chung; Cách ngòi thiền buông thả tâm trí sau khi đọc một câu mật chú, kể đó tiếp nhận “*điểm lạ*” đưa đến “*cảnh giới khác*” học hỏi. Hoặc cách tu tập điều hoà âm dương hay thiền định đi tìm những lạc thọ. Hay như Sao hạn, Xăm quẻ, Tử vi, Sách ngày giờ tốt xấu, Vàng mã.v.v. Bên cạnh, có các tín ngưỡng phát sinh trong nước như: Thiền của nhóm Pháp hoa, vị Sư trưởng sẽ xuất thần đi điếm hoá cho đệ tử, môn đồ; dạng thiền định của Nhân điện Thần quyền hoặc dạng Diêu Trì Thánh Mẫu và Bồ-tát Quán Âm cùng thờ chung ở các đền, các điện. Gần đây, vấn đề “*Ngoại cảm*” hay còn gọi là “*Ngoại thấu thị*” chuyên tìm kiếm mồ mả cũng ảnh hưởng nhiều đến hàng Phật tử.

## Thích Giác Quả

Trong loại Phật giáo lai căn này, hầu như đa phần họ vẫn sử dụng ngôn ngữ và hình thức của Phật giáo truyền thống, nhưng đây chỉ là nghệ thuật đánh lừa hàng Phật tử thiếu Chánh kiến, để trở thành môn đồ của họ, nhằm “*thay tâm đổi hình*” Phật giáo đích thực, vốn đã hiện hữu trên trần gian này hàng thiên niên kỷ, đồng thời dẫn mọi người hiến dâng cho Quỷ thần, Ma vương.

Tóm lại, sở dĩ Phật giáo thế giới nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng bị phân hoá thành nhiều loại như thế; hẳn nhiên, nguyên nhân chính yếu là do hàng Tăng sĩ học sai, tu giả, cuộc sống lệch lạc với Luật, Pháp. Do vì, Tăng sĩ là nòng cốt của Phật giáo mà lại thoái hoá như vậy, thì do đâu mà hàng cư sĩ có Chánh tín, có nhiệt tâm hộ trì Tam Bảo! Đây chính là hai yếu tố chủ yếu dẫn đến Phật giáo suy mạt. Riêng về sự suy mạt của Phật

## Kinh Nhân Quả Luân Hồi

giáo Việt Nam đến độ hương vị đạo Phật gần như khô kiệt đã được Hoà thượng Thích Mật Thể nhận định vào thời điểm giữa thế kỷ XX rằng:

*“Cuối nhà Trần (1225-1400): Ấy là đạo Phật đến ngày bất hạnh. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam có thể gọi thời đại này là thời đại Phật giáo lạc đạo gốc. Thời hậu Lê (1425-1527): Xét những điều kể trên, ta đủ biết Phật giáo đời này chỉ còn là sự cúng cấp, cầu đảo, và Tăng đồ đã thành những tay sai đáng thương hại của vua quan hoặc của các nhà có tiền khi muốn cầu tự, cầu tài. Thời cận đại (Triều Nguyễn): Thật ra, Phật giáo thời này đã kém lắm rồi, nên dầu các triều vua tín ngưỡng sùng phụng mà tinh thần Phật giáo vẫn suy. Ôi! tinh thần Phật giáo đến đây hầu như đã tuyệt. Thời kỳ hiện đại (thập niên 1930): Trong lúc này, đại đa số Tăng đồ trong các Sơn môn vẫn đang mơ màng*

Thích Giác Quả

*thiền thiếp, chưa làm một việc gì tỏ rõ là người đã thức tỉnh.”<sup>89</sup>*

Tự trung, với trình tự bốn bài **“Luận giải kinh Chí Biên”, “Học để làm gì”, “Bình giải mười ba điều chương ngại trong tu tập của người xuất gia”** và **“Phật giáo ngày nay”** được đúc kết vắn tắt rằng: Đến với đạo Phật điều tất yếu phải có Chánh kiến về lý do, mục đích và (thái độ) lập trường sống, để Chánh kiến ấy vững mạnh làm Tăng thượng cho ba yếu tố trên, đòi hỏi người Phật tử cần chân thành và thiện xảo trong học tập Phật pháp, nếu quan điểm học Phật pháp lệch lạc chính đây là phi Chánh kiến; khi Chánh kiến không hiện hữu thì Phật tử ấy không thể chế ngự và vượt qua những chương nạn của Ngũ dục, Lục trần, nghĩa là không hành trì Giới luật. Khi Giới luật không được

---

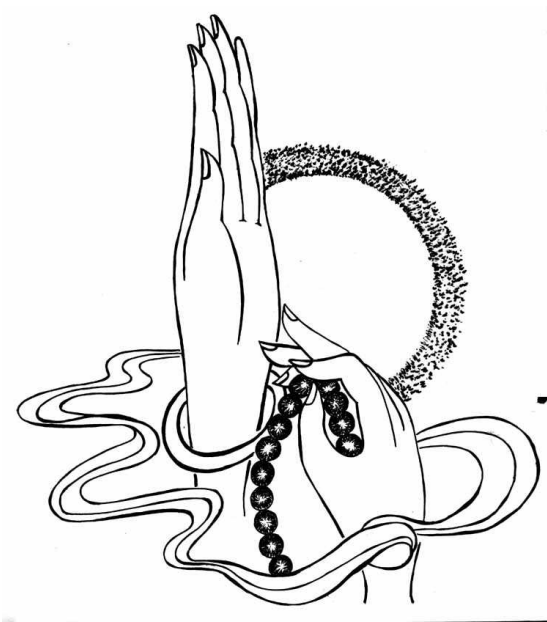
<sup>89</sup> - *Việt Nam Phật giáo sử lược* -Mật Thể -xb 1943.

Kinh Nhân Quả Luân Hồi

biểu hiện trên ba nghiệp thân-khẩu-ý của Phật tử, có nghĩa Phật pháp không hiện hữu trong đời, vì rằng *“Tỳ-ni tạng trụ, Phật pháp diệt trụ”*; đây là nguyên nhân chủ yếu làm Phật giáo biến chất và suy thoái, nếp tu học truyền thống chỉ còn một số Phật tử áp dụng lẻ tẻ đây đó, Phật giáo giờ đây đã và đang phân hóa thành nhiều loại theo ý thức hệ của từng nhóm Phật tử. Do đây, những Phật tử ấy đã tự đánh mất sự y chỉ Tam Bảo của mình, đồng thời không còn nương vào nguyên lý Nhân quả để tự chuyển Nghiệp, mà mặc tình sống chung với những hiện tượng mê tín dị đoan, giúp chúng lan tỏa rộng sâu hơn trong Tứ chúng và xã hội. Hiện tượng làm Phật giáo suy nhạt chính do hàng đệ tử đức Phật tạo thành chứ không phải do bất cứ ai khác, bất cứ thế lực nào khác từ bên ngoài, đây là ý

Thích Giác Quả

nghĩa đề tài “**Vi trùng trong thân sư tử giết chết sư tử**” của Phụ lục II này vậy.



Kinh Nhân Quả Luân Hồi

*“Muốn biết Nhân đời trước,  
Nhìn Quả báo đời này.  
Muốn biết Quả đời sau,  
Nhìn gây nhân đời này.”*  
(Dục tri tiền thế Nhân,  
Kim sanh thọ giả thị.  
Dục tri lai thế Quả,  
Kim sanh tác giả thị.)